

SAU MẤY CHỤC NĂM LIÊN TỤC CẨM BÚT,
SỰ NGHIỆP TRƯỚC TÁC VÀ DỊCH THUẬT
CỦA NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ LÊN TỚI
VÀI NGHÌN TRANG, LÀ KẾT QUẢ MỘT
HÙNG TÂM CHUYÊN NHẤT TINH RÒNG
CỦA NHÀ ĐẠO HỌC LỚN ĐƯƠNG ĐẠI.
NHỮNG PHÁT HIỆN ĐẠO HỌC MÀ ÔNG
MỘT MINH TRUY TÌM VÀ THỦ ĐẮC, KHÁC
CHI HÀNH TRANG RIÊNG TƯ TRÊN VIỄN ĐÓ
TRI KIẾN. ĐẾN KHI NGHIÊN CỨU CAO ĐÀI,
GIỐNG NHƯ TỬ KỶ NGHE ĐƯỢC TIẾNG
ĐÀN BẢ NHA, GIỮA ÔNG VÀ TRIẾT GIÁO
CAO ĐÀI HOÀN TOÀN KHÔNG CÓ GÌ
CÁCH BÚC. ĐẠO ĐẠO HAY CON ĐƯỜNG
TRIẾT LÝ VĨNH CỬU CỦA NHÂN LOẠI
ĐÔNG TÂY KIM CỐ MÀ TỰ ÔNG KHỞ
CÔNG CHIẾM NGHIỆM VÀ HỆ THỐNG HÓA
ĐƯỢC, ÔNG LẠI THẤY NÓ ĐẦY ĐỦ TRONG
ĐẠO CAO ĐÀI...

SÁCH ẤN TỔNG, KHÔNG BÁN.

HUỆ KHẢI CHỦ BIÊN

TƯỜNG NHỜ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ

HUỆ KHẢI
CHỦ BIÊN

TƯỜNG NHỜ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

TUỞNG NHỚ NHÂN TỬ
NGUYỄN VĂN THỌ (1921-2014)



Ấn tổng lần thứ nhất sáu ngàn (6.000) quyển do
môn sanh Chiếu Minh (**Long Vân Đàn**, Mỹ Tho)
chung tay công quả 65,5 triệu đồng, gồm có:

+ Chơn linh hiền tỷ **VÕ THỊ MÃN**:
Gởi 24,5 triệu (đợt 83, 84).

+ Hiền huynh **THANH PHƯỚC**:
Gởi 30 triệu (đợt 82, 84).

+ Hiền huynh **TRÍ MINH**:
Gởi 11 triệu (đợt 80, 82).

Kính nguyện hồi hướng cho quốc thái dân an,
đạo pháp trường lưu, chánh giáo hoằng dương,
vạn linh thức tỉnh hồi đầu, đồng đẳng bị nạn.

ĐÔI LỜI THA THIẾT

Quý vị vui lòng **KHÔNG photocopy, KHÔNG mua bán** bất kỳ kinh sách nào do *Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo* thực hiện. Kinh sách được ấn tổng để kính biểu rộng rãi là nhờ có biết bao tấm lòng vàng của hàng hàng lớp lớp đạo tâm gần xa gởi gắm. Để không phụ lòng các bậc Mạnh Thường Quân ấy, xin Quý vị trân trọng giữ gìn kinh sách để truyền trao cho đúng người thật tâm tìm tu, học đạo. Chúng tôi chân thành biết ơn sự thấu hiểu, đồng cảm, và hợp tác chặt chẽ của Quý vị.

Ban Ấn Tổng

Quyển 73.1 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo
Kỷ niệm tuần bách nhật của bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo

HUỆ KHẢI *chủ biên*

TƯỞNG NHỚ
NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ
1921-2014

HIỆP TUYẾN

Nhà xuất bản TÔN GIÁO
Hà Nội 2014

Mục lục

1. Giao cảm – Huệ Khải	5
2. Cáo phó	7
3. Thánh lễ cầu nguyện – Vân Quang	8
4. Văn điệu ngài Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ – Thanh Căn	9
5. Lời người ở lại – Trần Hồng Định / Trần Thùy Nga	13
6. Một nén hương lòng – Huệ Khải	15
7. Nhớ về một người thầy – Nguyễn Duy Chính	21
8. Lặn vào cõi muôn sao – Phạm Văn Liêm	30
9. Câu đối tặng Nhân Tử – Phó bảng Nguyễn Hà Hoàng	31
10. Hoài niệm thầy Nhân Tử – Lê Anh Minh	32
11. Khổng Học Tinh Hoa (1970, 1987) – Bùi Thị Thịnh	47
12. Đôi điều nhớ nghĩ – Huệ Khải	48
13. Một nhà nghiên cứu Hán-Nôm uyên bác... – Hương Hồ / Nguyễn Tiến Dũng	57
14. Ba tôi – Nguyễn Quốc Bình	69
15. Còn trong hoài niệm – Huệ Khải / Quốc Bình	109
* Độc văn và thơ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ	
16. Quá trình đi tìm Đại Đạo... – Nhân Tử	118
17. Bài phú Tiền Xích Bích của Tô Thức – Nhân Tử	163
18. <u>Phụ lục</u> : Niên biểu Nhân Tử – Huệ Khải	171
19. <u>Phụ bản 1-16</u> : Một số hình ảnh.	177

Chương Trình Chung Tay Ấn Tống Kinh Sách Đại Đạo giữ bản quyền. © All rights reserved.

GIAO CẢM

Ngay sau khi được tin thầy Nhân Tử quy thiên, tôi liên hệ ngay với Ban Cai Quản thánh thất Bàu Sen để bàn về việc dâng một thánh lễ cầu nguyện cho thầy vào giờ Ngọ ngày Thứ Bảy 11-01-2014, tại chánh điện.

Sau thánh lễ, tôi gọi điện thoại, gửi e-mails tới các bạn văn, bạn đạo – nhất là gia đình thầy – để bày tỏ ước muốn thực hiện thật sớm một tập sách nhỏ, gọi là *TƯỜNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ (1921-2014)*, ngõ hầu kịp xuất bản chính thức trước ngày lễ bách nhật của thầy.

Lần lượt các bài viết và hình ảnh gửi về; tôi bồi hồi vừa đọc, vừa làm công việc kỹ thuật để hình thành dần dần từng trang bản thảo cho quyển sách. Nhận được bài nào là bắt tay biên tập, dần trang ngay bài đó.

Mỗi bài mỗi vẻ, cũng như sự nghiệp văn hóa, đạo học của thầy muôn vẻ tuyệt vời. Thế rồi tôi đâm ra lúng túng. Nên xếp bài nào trước, bài nào sau? Lý do gì mà nên sắp thứ tự như thế? Rốt cuộc, tôi chịu thua!

Sau cùng, tôi nghĩ ra một cách: Cứ xếp theo thứ tự thời gian bài viết hình thành (do tác giả ghi trên bản thảo). Bài nào tác giả không ghi ngày viết, thì tôi căn cứ theo ngày gửi đến tôi qua e-mail. Và tôi mạn phép tác giả ghi luôn ngày tháng ấy vào cuối bài. Có bài viết thì tác giả gửi đi gửi lại vài lần, vì còn muốn sửa chữa thêm. Dĩ nhiên tôi dùng bản thảo sau cùng, nhưng vẫn giữ lại ngày tháng hoàn

thành bản thảo đầu tiên, hoặc ngày đầu tiên tôi nhận được bản thảo qua e-mail.

Công việc chuẩn bị nội dung tập sách này tiến hành trong khoảng những ngày cận Tết và trong mấy ngày Tết Giáp Ngọ. Tôi hiểu mọi người vì tấm lòng thương kính chân thành đối với thầy Nhân Tử mà đã ưu tiên dành thời gian và sức sáng viết bài, lục tìm ảnh cũ, quét ảnh... gửi về tôi. Tất cả đều muốn giúp tôi kịp in sách theo dự tính. Tôi thật vô cùng cảm kích.

Thuở thầy Lộc Đình Nguyễn Hiến Lê còn tại thế, có một buổi chiều tôi ngồi chơi với thầy ở tư thất thầy cô trong một hẻm cụt trên đường Kỳ Đồng (quận 3, Sài Gòn), bất chợt thầy Lộc Đình nhìn tôi, rồi mỉm cười hỏi: “Cháu có thấy là cháu... *mystique* không?”

Nhắc lại kỷ niệm xưa ấy bởi vì chính vào lúc này tôi cũng đang rất *mystique*, đang vững tin rằng giác linh thầy Nhân Tử đã và đang phù hộ chúng tôi sớm hoàn thành được bản thảo tập sách này. Nghĩa là thầy đã và đang chứng giám cho chúng tôi, bởi lẽ một tinh anh siêu xuất như thầy chắc chắn phải biết rõ những điều chúng tôi bàn bạc, trù tính, và đang tập trung công sức để thực hiện.

Tập sách nhỏ trên tay quý bạn đọc hình thành từ tấm lòng chúng tôi. Và tôi tin rằng quý bạn đọc cũng chia sẻ từng trang sách này với tấm lòng hiệp thông, đồng cảm cùng những người viết, cùng thầy Nhân Tử.

Trân trọng,

HUỆ KHẢI

CÁO PHÓ

Gia đình chúng tôi vô cùng thương tiếc báo tin buồn đến tất cả thân bằng quyến thuộc, nội ngoại và các thân hữu xa gần: Chồng, Cha, Ông của chúng tôi là

Bác sĩ Nhân Tử NGUYỄN VĂN THỌ

Sinh ngày 15 tháng 12 năm 1921

tại Chi Long, Hà Nam, Việt Nam.

Từ trần lúc 00:25AM rạng sáng
ngày 07 tháng 01 năm 2014 tại Issaquah, WA, USA.

Hưởng thọ 92 tuổi.

Linh cữu được quản tại Flintofts Funeral Home
540 East Sunset Way, Issaquah, WA 98027, 425-392-6444.

CHƯƠNG TRÌNH TANG LỄ

Lễ nhập quan & phát tang:

Thứ Bảy 11-01-2014, lúc 3:00PM.

Thăm viếng:

Thứ Bảy 11-01-2014, từ 3:00PM đến 7:00PM.

Thứ Hai 13-01-2014, từ 9:00AM đến 2:00PM.

Lễ hỏa táng:

Thứ Hai 13-01-2014, lúc 2:00PM.

TANG GIA ĐỒNG KHẮP BÁO.

Vợ: Bà Lê Thị Yến và các con, các cháu

Trưởng nam: Nguyễn Quốc Tuấn (Germany)

Thứ nam: Nguyễn Quốc Bình; *vợ:* Trần Ngọc Ánh

và các con: Nguyễn Quốc Việt

Nguyễn Ngọc Linh

**CÁO PHÓ NÀY THAY THẾ THIỆP TANG
XIN MIỄN PHÚNG ĐIỀU**

THÁNH LỄ CẦU NGUYỆN

Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo vô cùng thương tiếc khi biết tin cụ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ quy tiên. Ban Ấn Tổng đã gửi thư phân ưu cùng gia đình cụ.

Ban Cai Quản thánh thất Bàu Sen và Ban Ấn Tổng đã thiết lễ cầu nguyện cho giác linh cụ vào giờ Ngọ ngày Thứ Bảy 11-01-2014, tại chánh điện.

Trước khi nhập đàn, Phó Hội Trưởng Trần Văn Quang nhắc lại công đức của cụ với đời với đạo; đặc biệt, cụ còn là một tác giả ân nhân của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng.

Sau khi hiền huynh Chánh Hội Trưởng Đạt Tịnh bạch đại ngôn, nam nữ tín hữu Cao Đài họ đạo Bàu Sen đã hiệp tâm đọc kinh và cùng cầu xin Đức Cao Đài Thượng Đế ban hồng ân siêu độ cho giác linh cụ Nhân Tử sớm về cõi thiêng liêng hằng sống.

Cùng dự thánh lễ cầu nguyện có hiền huynh Thanh Căn (Truyền Trạng Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên) và hiền huynh Huệ Khải (Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng).

Sau thánh lễ cầu nguyện, Ban Ấn Tổng đã hội ý và bắt tay xúc tiến ngay một tập sách nhỏ, nhan đề *TƯỜNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ (1921-2014)*, để trân trọng làm lễ phẩm ý nghĩa trong dịp tròn một trăm ngày của cụ.

VÂN QUANG

VĂN ĐIỀU NGÀI NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ QUY TIÊN

THANH CẦN

Hỡi ôi!

Tuyết phủ khắp vùng Âu Mỹ,
trời Đại La Văn Khúc sáng hình danh;
Mây che toàn cõi Á Đông,
đất Viêm Việt Khuê Tinh mờ bóng cũ.
Thế mới hay:
Thành, trụ, hoại, không do định phận;
Lão, sanh, bệnh, tử bởi thiên luân.

Nhớ linh xưa,

Miền Hà Nam chọn làm nơi xuống thế,
Nẻo khoa kỳ không trễ bước đài mây.
Y đức gieo duyên nền nhân bản dựng gầy,
Lý Đạo phô khai gồm Đông Tây kim cổ.

Tuổi thanh niên, vào ngành Y đem tài năng thi thố,
Bàn tay tiên xoa nỗi khổ của bao người.
Theo con đường phụng sự lấy làm vui,
Tuệ tâm khởi tỏa thơm mùi đạo lý.



Triết Đông triết Tây bền công nghiên cứu kỹ,
Tam Giáo Ngũ Giáo xem từ thử chí chung.
Vạn giáo đồng nguyên là nguồn suối đại đồng,
Sưu khảo tân biên bằng văn phong sáng sửa.

Nào *Khổng Học Tinh Hoa*, nào *Chân Dung Khổng Tử*,
Nào *Kinh Dịch Đại Toàn*, nào *Phật Học Chỉ Nam*.
Nào *Huỳnh Đình Kinh*, nào *Thiên Văn Cổ*, *Đồng Khế Tham*,
Nào *Tính Mệnh Toàn Thư*, nào *Ngộ Chân Trực Chỉ*.⁽¹⁾

⁽¹⁾ Các chữ in xiên trên đây phỏng theo nhan đề một số sách của ngài: *Khổng Học Tinh Hoa*, *Chân Dung Khổng Tử*, *Dịch Kinh Đại Toàn*, *Phật Học Chỉ Nam*, *Huỳnh Đình Kinh*, *Thiên Văn*

Nào *Đạo Đức Kinh*, nào *Âm Phù Kinh* huyền lý,
Nào *Trung Dung Tân Khảo*, nào diễn ý *Kinh Thi*.
Gần ba mươi tác phẩm chính quy,
Thêm năm chục bài tạp ghi, khoa học.

Bảy ngàn trang như bảy tầng Giáp Mộc,
Ghép lại thành thuyền nhờ thân tộc Canh Kim.⁽²⁾
Chở Đạo luân lưu qua khắp nẻo trần miền,
Cho nhơn loại thấy đâu là *Cõi Tiên*, *Cõi Tục*.⁽³⁾

Than ôi!

Hơi thở nhịp nhàng hơn chín mươi năm tá túc,
Nhả ngọc cho đời đâu nệ chút từ công.

Học Cổ Trung Hoa, Tham Đồng Khế Trục Chi, Tính Mệnh Khuê Chi Toàn Thư, Ngộ Chân Trục Chi, Đạo Đức Kinh, Âm Phù Kinh, Trung Dung Tân Khảo, Kinh Thi.

⁽²⁾ Hai câu này ngụ ý: Hàng chục tác phẩm của ngài khoảng độ bảy ngàn trang ví như bảy tấm ván (thuộc Mộc) ghép lại thành chiếc thuyền chuyên chở Đạo (*Văn dĩ tải Đạo* 文以載道), và để hoàn tất một chiếc thuyền, người ta phải dùng đinh (thuộc Kim) đóng ghép những tấm ván lại. Theo ngũ hành tương khắc thì Kim khắc Mộc, nhưng về phương diện Đạo học, thì Kim Mộc cùng hợp lại với nhau (Kim Mộc tương tính 金木相併) như họ hàng *thân tộc*, tượng trưng cho tính và tình hợp nhất; Đông Chấn Tây Đoài giao nhau theo Bát Quái Hậu Thiên: Đông phương Giáp Ất Mộc, Tây phương Canh Tân Kim.

⁽³⁾ *Cõi Tiên, Cõi Tục*: Nhan đề chương 13, quyển *Đường Vào Triết Học Và Đạo Học*.

Một kiếp vinh danh, muôn thuở vinh tông,
Vô thường đến, chốn bụi hồng đành vĩnh biệt.

Ôi thôi!

Mây tán, tuyết tan, hoa tàn, nguyệt khuyết,
Sống gởi, thác về, thủy kiệt, sơn băng.
Tiên tử hóa thân Nhân Tử, khêu tỏ ngọn tâm đăng,
Thế gian Thọ sao bằng thiên giới Thọ.

Chút lòng thành bày tỏ,
Tình tri ngộ sư sinh.
Nguyện trên bước đạo trình,
Hướng về minh minh đức.

Hỡi ôi thương thay!
Hiển linh xin chứng!

Truyền Trạng **THANH CĂN**
Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên
Bến Tre, 10-01-2014

LỜI NGƯỜI Ở LẠI

Anh Trần Hồng Định, chồng người chị họ anh Nguyễn Quốc Bình (thứ nam cụ Nhân Tử), là chủ bút đặc san Các Thánh Tử Đạo Và Đức Tin Công Giáo Việt Nam của Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam Giáo Phận San Bernandino. Bài thơ sau đây anh Hồng Định đã làm ngay trong ngày tang lễ (11-01-2014):

Tiếc thương người chú bậc thầy
Sống trong siêu thoát, tâm đầy trung dung
Sống đời đạo hạnh trùng phùng
Siêu nhiên vượt thoát trên vòm trời cao
Giảng kinh hướng thượng dồi dào
Tinh thần vượt hẳn thế gian loài người
Từ nhân tên Thọ vào đời
Biệt danh Nhân Tử cao vời thế gian
Chín hai hưởng thọ chết lành
Vào Trời vinh hiển muôn vàn tiếc thương.

TRẦN HỒNG ĐỊNH

Chị Trần Thùy Nga – em gái chị Trần Ngọc Ánh (con dâu cụ Nhân Tử) – trong lúc đang về thăm quê hương thì được tin cụ quy tiên. Chị Thùy Nga đã viết ngay những dòng cảm xúc gửi về Mỹ, và bài thơ sau đây của chị đã được đọc trong tang lễ:

Từ phương xa nghe tin Bác mất
Con bàng hoàng nước mắt tuôn rơi
Bác ơi! Bác đã đi rồi
Rưng rưng ngẩn lệ nghẹn lời xót xa.

Mới hôm nào con qua thăm Bác
Tay cầm tay tiếng mắt tiếng còn
Trong hơi thở đã yếu dần
Con nghe như Bác thì thăm điều chi

Từ biệt Bác con đi muốn khóc
Quay trở vào nắm chặt bàn tay:
“Con đi chỉ độ mươi ngày
Xin Bác gắng gượng nay mai con về.”

Đến hôm nay nơi quê xa thăm
Bác đi rồi, thôi chẳng gặp nhau
Cuộc đời thật đúng bể dâu
Con xin gửi Bác lời cầu trong tâm.

Xin Bác hãy yên lòng nhắm mắt
Chuyện trần gian bỏ mặc một bên
Chúng con nguyện sẽ vững bền
Chăm lo Bác Gái không quên lúc nào.

TRẦN THÙY NGÀ

MỘT NÉN HƯƠNG LÒNG

HUỆ KHẢI

Hạ tuần tháng 9-2013, anh chị Nguyễn Quốc Bình về nước, ghé thăm gia đình chúng tôi. Qua câu chuyện hàn huyên, tôi biết sức khỏe thầy Nhân Tử kém đi nhiều.

Sáng Thứ Sáu, ngày 03-01, lúc 8 giờ 10, anh Bình gửi e-mail cho biết: “*Tình trạng sức khỏe của ba tôi rất suy yếu, có lẽ sẽ mất nay mai.*”

Thứ Tư, ngày 08-01-2014, qua e-mail, tôi nhận được cáo phó của anh Bình:

Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Sinh ngày 15-12-1921 tại Chi Long, Hà Nam.

Từ trần lúc 00:25AM rạng sáng ngày 07-01-2014

tại Issaquah, Washington, Hoa Kỳ. Hưởng thọ 92 tuổi.

Linh cữu được an táng tại Flintofts Funeral Home

540 East Sunset Way, Issaquah, WA 98027, 425-392-6444.

Tôi vẫn gọi ông bà bác sĩ Nguyễn Văn Thọ là *thầy*, *cô* và xưng *con*, bởi lẽ vào cuối thập niên 70 thế kỷ trước, tôi may duyên được thụ giáo với thầy qua những khóa học rất căn bản về Lão Giáo, Khổng Giáo, Bà La Môn... tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (số 171 đường Công Quỳnh, quận 1, Sài Gòn).

Khi ấn tống quyển *Tinh Hoa Cao Đài Giáo* của thầy (Hà Nội: Nhà xuất bản Tôn Giáo, 2010), tôi viết:

Tôi vẫn nhớ như in giọng thầy giảng bài sang sảng, truyền cảm và say sưa, lời thơ phú hùng hồn, phong thái ung dung, tao nhã, nhất là những nội dung dồi dào, những tài liệu phong phú cứ cuộn cuộn tung tỏa như suối nguồn bất tuyệt. Hồi đó, những buổi giảng của thầy bao giờ cũng làm thánh phòng trở nên chật chội vì quá đông người đến thụ giáo và đặc biệt là những người dự thánh. Kể cả những đêm mưa to!

Ở Sài Gòn trước 1975, một trong số ít ỏi vài ba vị rất có công giúp học giới và người tu hành trong nước biết được lãnh vực tôn giáo đối chiếu ⁽¹⁾ chính là thầy Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, dạy triết Đông tại Đại Học Văn Khoa và Viện Đại Học Minh Đức. Với sở trường đối chiếu các giáo lý kim cổ Đông Tây, nửa cuối thập niên 1970, thầy còn góp nhiều công lao và tâm huyết trong Hội Đồng Nghiên Cứu Giáo Lý của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Hội Đồng này có các ban nghiên cứu giáo lý Baha'i, Cao Đài, Kì Tô, Lão, Nho, Phật, Thông Thiên Học, và một ban chuyên trách nhiệm vụ đối chiếu tổng hợp các đề tài do bảy ban kia trình bày. (tr. 3-4)

⁽¹⁾ Năm 1959 Viện Văn Hóa Pháp và Viện Đại Học Paris mở khoa Tôn Giáo Đối Chiếu, nơi theo sáng kiến của người mở đường là Tiến Sĩ Sarvepalli Radhakrishnan (1888-1975). Năm 1939 Radhakrishnan là Phó Viện Trưởng (Vice Chancellor) của Viện Đại Học Benaras Hindu (Ấn Độ), đồng thời ông còn dạy tôn giáo đối chiếu (*comparative religion*) tại Viện Đại Học Oxford (Anh).

Hai mươi ba tuổi, tôi được đạo tử Ngọc Kiều⁽²⁾ phụ trách Ban Nghiên Cứu Lão Giáo cho vào làm thành viên của Ban, và tôi là người nhỏ tuổi nhất trong Hội Đồng Nghiên Cứu Giáo Lý Đại Đạo của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý.⁽³⁾ Nhờ cơ duyên này, tôi được thầy Nhân Tử thương mến, chú ý. Vì vậy, nhiều bản thảo quý của thầy, một vài sách nghiên cứu tôn giáo của học giả Anh Mỹ, lần lượt được thầy chọn, bảo tôi mang về nhà đọc thêm.

Những năm xưa ấy làm gì có máy photocopy tới tận như hiện nay, tôi cặm cụi chép những đoạn cần thiết, hoặc tóm tắt, vào các quyển vở học trò 100 trang. Quyển bìa cứng của William Frederick Mayers,⁽⁴⁾ tôi thích quá, chép mãi không xong; thầy bảo: “Tôi tặng anh luôn.”

Trước khi thầy cô xuất cảnh (1982), tôi hữu hạnh còn được thầy truyền thụ những nguyên lý căn bản của Dịch Học tại nhà thầy cô trên đường Hoàng Văn Thụ (số 77

⁽²⁾ Thế danh Lê Thanh Kiều (1922-1987), quả vị Hồng Quang Thánh Nương.

⁽³⁾ Hội Đồng Nghiên Cứu Giáo Lý Đại Đạo thành lập do một sắc lệnh của Đức Lý Giáo Tông vào mùa xuân Ất Mão (tháng 3-1975). Sau đó Hội Đồng sinh hoạt đều đặn hàng tuần vào chiều thứ Bảy (16-18 giờ) trong nhiều năm liền, dưới quyền chủ tọa của Phó Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý là đạo trưởng Kiến Minh (1907-1988, thế danh Trương Truyền Chánh, quả vị Đắc Tâm Chơn Thánh).

⁽⁴⁾ William Frederick Mayers, *The Chinese Reader's Manual* (Taipei: Ch'eng Wen Publishing Company, 1971).

đường Võ Tánh cũ) gần ngã tư Phú Nhuận, không xa trường trung học Ngoại Thương tôi đang công tác trên đường Phan Đình Phùng (đường Võ Di Nguy cũ). Do đó, sáng sáng tôi đến học thầy. Chỉ một thầy một trò như vậy, ngồi đối diện nhau qua cái bàn bureau sắt sơn xám. Có lần thầy lóc cóc đạp xe mini tới trường, nhờ bảo vệ nhấn tôi ra cổng gặp thầy, chỉ để dặn là buổi dạy sáng hôm sau sẽ đổi sang buổi chiều.

Một hôm thầy tâm tình: Trời Phật ban ơn cho thầy mỗi ngày chỉ có một ít bệnh nhân tới phòng khám, vừa đủ để sinh sống. Vì vậy thầy được hưởng rất nhiều thời gian nhàn rỗi để tập trung nghiên cứu Đạo học Đông Tây kim cổ, và có thể trừ tác, dịch thuật thật dồi dào, phong phú. Nếu phòng khám của thầy lúc nào cũng đông nghịt bệnh nhân như nhiều đồng nghiệp thì thầy vẫn chỉ là một thầy thuốc như bao nhiêu bác sĩ khác mà thôi.

Đức Khổng Thánh khi xưa bảo rằng Ngài biết mệnh Trời khi bước vào tuổi ngũ tuần: *Ngũ thập nhi tri Thiên mệnh*. 五十而知天命. (Luận Ngữ 2:4). Suy ra, tuổi ngũ tuần rất có ý nghĩa trong cuộc đời những bậc hướng đạo nhận lãnh sứ mệnh hoằng giáo trên cõi nhân gian này. Với thầy Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ quả đúng như vậy.

Thầy kể: Vào tuổi năm mươi bốn, một hôm các đạo hữu Cao Đài đến gặp và trình thầy bản thánh giáo do tập thể các Đấng Tiên Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ (tức là các vị tiên bối sinh thời có công mở đạo Cao Đài vào năm 1926) giảng cơ tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo

Việt Nam, truyền linh các đạo hữu này đến mời thầy về dạy cho lớp giáo sĩ Cao Đài.

Tôi đã tìm được thánh giáo ấy, dạy vào giờ Tuất ngày 14-02 Giáp Dần (07-3-1974), nguyên văn như sau:

Huệ Thiện!⁽⁵⁾ *Hiện đệ hãy thay mặt cho chúng Tiên Huỳnh đến thỉnh **bác sĩ Nguyễn Văn Thọ**, hiện đệ Thiên Vương Tinh* ⁽⁶⁾ *và quý vị Minh Lý Thánh Hội để lo về vấn đề huấn luyện giáo sĩ cho các em thanh thiếu niên chọn lọc.*

Nhắc đến thánh giáo ấy, thầy bảo tôi: Một khi Ôn Trên truyền dạy như thế tức là các Đấng trên Thiên Đình đã chứng giám tất cả những gì mà nhiều năm trường thầy say sưa biên soạn và diễn giảng về Đạo học; thế nên thầy vô cùng hạnh phúc vì được Thiên Liêng hàm ý chứng minh rằng hành trình tư tưởng của thầy là đúng với chân lý Đại Đạo.

Do thánh giáo ấy, suốt từ năm 1974 cho tới khi rời Việt Nam sang Hoa Kỳ định cư (1982), thầy Nhân Tử đã dốc hết tâm huyết, tài tuệ ra biên soạn nhiều tài liệu giáo khoa rất giá trị và trực tiếp giảng dạy triết giáo, Đạo học Đông Tây kim cổ tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý. Tất cả đều hoàn toàn tự nguyện và cống hiến không lương bổng, không thù lao.

⁽⁵⁾ Thế danh Trần Quang Mãnh, bấy giờ đang hướng dẫn Thanh Thiếu Niên Phổ Thông Giáo Lý. Tập thể này do Đức Lý Giáo Tông thành lập ngày 15-7 Bính Ngọ (30-8-1966).

⁽⁶⁾ Thế danh Đinh Văn Đệ, bút danh Đơn Tâm.

Đức Khổng Thánh nói về mình thế này: Học không biết chán, dạy người không biết mệt.⁽⁷⁾ Thầy Nhân Tử cũng vậy. Suốt đời thầy nhiệt thành dạy đạo, giúp đạo giúp đời không biết mệt và cũng không biết chán; thế nên đã có biết bao người nhờ công đức hoằng đại của thầy mà được mở mang tâm đạo, nuôi lớn lòng nhân ái, ham tu học...

Đức Thần Oai Viễn Trần Quan Thánh Đế Quân dạy:

Phàm người tu hành mà đặt nặng một bộ kinh sách khuyên chúng làm lành thì người ấy nặng thành Tiên. Còn người vẫn chương quân tử mà làm nặng một pho sách dạy chúng luân thường đạo lý thì người nặng thành Thánh.⁽⁸⁾

Công đức hoằng đại của thầy chắc chắn làm đẹp lòng Thượng Đế và Phật Tiên Thánh Thần. Tất cả những ai đã từng học thầy trực tiếp hay học qua các sách của thầy đều tin tưởng và cầu nguyện giác linh của thầy sớm trở về trước bệ ngọc Đức Chí Tôn để thọ hưởng hồng ân Thiên Đình ban bố.

HUỆ KHẢI

15-01-2014

*Tuần báo Công Giáo Và Dân Tộc
số 1941, ngày 17-01-2014*

⁽⁷⁾ *Học nhi bất yếm, hởi nhân bất quyện.* 學而不厭, 誨人不倦.
(Luận Ngữ 7:2)

⁽⁸⁾ *Tam Nguơn Giác Thế.* Cần Thơ: nhà in Phương Nam, 1953, tr. 36. Đàn cơ ngày 02-11 Tân Mùi (10-12-1931).

NHỚ VỀ MỘT NGƯỜI THẦY

NGUYỄN DUY CHÍNH

Tôi có ba vị thầy ảnh hưởng nhiều đến cuộc đời, hai người tôi theo học thật theo kiểu trường lớp, một người chỉ gián tiếp qua sách vở. Cụ Đặng Quý Tuy là cụ giáo dạy Pháp Văn miễn phí ở gần nhà dạy tôi lối sống đạm bạc và hy sinh cho tha nhân, cụ Nguyễn Hiến Lê là một học giả mà tôi gọi là tâm sư – vì tôi chưa gặp mặt bao giờ – dạy cho tôi biết thế nào là đủ về vật chất để dồn nỗ lực vào công việc tinh thần. Hai vị thầy đó qua đời đã lâu. Vị thầy gần gũi có nhiều cơ hội tiếp xúc là bác sĩ Nguyễn Văn Thọ, vừa thất lạc đầu năm 2014.

Không nhớ chính xác thời điểm nhưng lần đầu tiên tôi thụ giáo bác sĩ Thọ là tại một lớp về Kinh Dịch ở Phú Nhuận vào khoảng cuối thập niên 1960. Lớp học một tuần một buổi ngày Chủ Nhật, mỗi tuần một quẻ. Ngày đầu tiên tôi học cụ dạy về quẻ Thái, lớp học có lẽ cũng đã bắt đầu được vài tháng rồi.

Tôi học không lâu, chỉ chừng một năm vì sau đó tôi ra trường và đi làm ở các tỉnh nên không thể tiếp tục mặc dù tôi vẫn nhờ ông chú họ mua giùm các tài liệu in ronéo để xem thêm. Nói đúng ra tôi đến lớp của bác sĩ Thọ không có một mục tiêu cụ thể nào vì tôi không tham dự như những người đang ghi danh ở Đại Học Văn Khoa. Tôi cũng không

đi tìm một con đường tu tập vì vốn dĩ tôi không phải là một người tôn giáo, có đức tin vào một đấng huyền vi mà luôn luôn suy nghĩ và hành động của nhà Nho, *vị tri sinh, an tri tử* (chuyện sống còn chưa biết hưởng gì chuyện chết) và theo đuổi cái quan niệm rất sơ đẳng là *tận nhân lực, tri Thiên mệnh* (làm hết sức mình để biết mệnh Trời).

Khi theo học lớp Dịch của bác sĩ Thọ, tôi chỉ biết rất mơ hồ về văn minh Trung Hoa, kém xa những người khác được huấn luyện một cách chính thức mặc dù tôi có cái ưu điểm là biết lem nhem vài chữ Nho vốn dĩ tự học sau năm đệ Thất ở Chu Văn An là niên học có môn Hán Văn mỗi tuần một giờ.

Trong cái “tiểu trí” của tôi hồi đó, Kinh Dịch là chìa khóa để mở những cánh cửa của văn minh Á Đông. Tôi thích thú không phải vì ý nghĩa uyên áo của hào, của quẻ mà chỉ là diễn giải qua những phần bình luận sau mỗi quẻ mà bác sĩ Thọ viết rất công phu, tuy tổng quát nhưng cung cấp căn bản vững chắc về Đông y, về thiên văn, về tiên thiên hậu thiên, âm dương ngũ hành ...

Chính vì thế, cho đến giờ này sắp sửa bước vào tuổi cổ lai hy, sở học căn bản của tôi vẫn lộn xộn không đâu vào đâu cả. Giá như hồi đó bác sĩ Thọ dạy tôi *Tam Tự Kinh* hay *Áu Học Ngũ Ngôn Thi* có lẽ tôi có cơ sở hơn vì từ một thanh niên không biết gì về văn minh Á Đông mà vào thẳng Kinh Dịch thì cũng không khác gì đi ngược đầu, chưa học cộng trừ nhân chia đã làm toán vi phân tích hay nói một cách dễ hiểu thì học kinh văn võ công tăng thứ bảy

mà không qua tầng thứ nhất, thứ hai.

Thế nhưng cũng có cái hay vì bác sĩ Thọ không phân tích để dựng lại một khung hình suy nghĩ mà Kinh Dịch cũng như mọi kinh điển, sách vở khác chỉ là một khu vườn để trồng cái đạo lý cụ nhiệt tình rao giảng. Đó là muốn đi tìm cái rốt ráo mà mọi tôn giáo đều truy cầu dù với những tên gọi khác nhau như *Niết Bàn*, *Đại Đạo* hay *Thượng Đế*... thì phải quay về chính mình, với *Chân Tâm* chứ đừng cầu ở sắc tướng, ở âm thanh nghĩa là đừng hướng ngoại mà phải hướng nội. Khi đã nhận biết cái tâm điểm đó thì mục tiêu tối hậu là không còn tôn giáo ngoại truyền vì mọi chấp trước vào hình thức lệ thuộc vào ngôn từ hay nghi lễ đều chỉ là vọng tưởng, là giả tâm. Hiểu được như thế, tôi mới biết rằng cụ có cái chìa khóa mở được mọi cánh cửa triết học và đạo giáo, cổ hay kim, Đông hay Tây.

Theo học bác sĩ Thọ nhiều năm nhưng chung quy tôi chỉ nhớ được hai câu:

若以色見我，以音聲求我，是人行邪道，不能見如來。

Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai.⁽¹⁾

(Nếu như lấy hình sắc để xem ta, lấy âm thanh để cầu ta, người ấy đã đi sai đường, không thể nào thấy được chân tâm bản ngã.)

Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ dịch:

⁽¹⁾ Kinh Kim Cang.

*Đừng dùng thanh sắc cầu ta,
Như Lai vô tướng, đâu là sắc thanh?
Nẻo tà thanh sắc liệng vênh,
Như Lai mơ thấy, âu đành công toi!*

(Phật Học Chỉ Nam)

人心惟危，道心惟微，惟精惟一，允執厥中。

*Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất,
doãn chấp quyết trung.*⁽²⁾

(Lòng con người thì luôn luôn chông chênh, chao đảo. Gốc của đạo thì sâu thẳm vi diệu vô cùng. Muốn vào được đạo trung [tìm được chân tâm] thì phải luôn luôn tinh thuần chuyên nhất.)

Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ dịch:

*Lòng của trời siêu vi, huyền ảo,
Lòng con người điên đảo, ngả nghiêng,
Tinh ròng, chuyên nhất ngày đêm,
Ra công, ra sức, giữ nguyên lòng Trời.*

(Khổng Học Tinh Hoa)

Khoảng 1982, tôi được biết bác sĩ Thọ đã đến Hoa Kỳ lại ở cách nơi tôi ở không xa. Thầy trò gặp nhau mừng mừng tủi tủi. Tôi có dịp thăm ông bà thường xuyên hơn và năm 1985 tôi đã nhờ ông bà đứng chủ hôn vì cha mẹ tôi còn ở Việt Nam. Gia đình tôi coi hai ông bà như cha mẹ

⁽²⁾ Kinh Thư, Đại Vũ Mô, 15.

nên vợ chồng tôi cũng thường đưa các cháu đến thăm hỏi hay chúc Tết.

Khi bác sĩ Thọ mở một lớp dạy Dịch miễn phí vào cuối tuần tại chùa Việt Nam (đường Magnolia, Garden Grove, California), tôi được coi như một “trưởng lớp” bán chính thức cho đến khi phải giải tán vì bác sĩ Thọ bị tai biến mạch máu não năm 1989.

Trong khoảng hơn ba năm, lớp Dịch tuy không đông nhưng thành phần dự thính có đủ cả tăng tục, già trẻ, nam nữ, Phật Giáo, Thiên Chúa Giáo và một số chức sắc đạo Cao Đài. Mọi người đối đãi hết sức thân tình và chúng tôi cũng tổ chức nhiều sinh hoạt tập thể hay những buổi hội thảo mời một số học giả đến thuyết giảng về những đề tài văn hóa. Có lẽ thời gian này cụ thoải mái và có nhiều kỷ niệm đẹp nên về sau mỗi khi nói chuyện vẫn hay nhắc đến.

Sau khi bị bệnh, cụ Thọ có đôi lúc xuống tinh thần nhưng không bao lâu trở lại làm việc và tiếp tục những công trình dang dở. Cũng may tuy thể xác bị kém đi nhiều nhưng đầu óc và trí nhớ không suy giảm. Tuy bệnh hoạn như thế, cụ vẫn hoàn tất được những công trình quy mô mà một người bình thường cũng không mấy ai làm được. Lẽ dĩ nhiên, không thể không nhắc đến những đóng góp to lớn của người thân trong gia đình và một số học trò, bằng hữu trong hay ngoài nước nhưng chính yếu vẫn là bản thân bác sĩ Nguyễn Văn Thọ, với tinh thần sắt đá *trinh ròng chuyên nhất* của một người vừa là người khai sáng, vừa là hành giả.

Hai ông bà dọn từ một *apartment* ở Costa Mesa sang một *mobile home* ở Westminster rồi đến một căn nhà riêng cũng gần đó. Lần sau cùng tôi gặp hai cụ là tại một *nursing home* – tức khu săn sóc dành cho người già vì lúc đó cụ bà cũng yếu không còn đủ sức săn sóc cho chính mình và một người bệnh khác. Hai ông bà ở hai khu khác nhau nhưng có thể qua lại thăm hỏi. Cụ cho tôi một cuốn sách cụ mới in và rồi cụ di chuyển lên tiểu bang Washington cho gần con cháu và ở đây đến khi qua đời.

Khi nghe tin cụ mất ở một nơi cách chỗ tôi ở đến hơn một ngàn dặm, tuy có buồn nhưng cũng biết là rồi cũng phải đến. Ở vào tuổi trên chín mươi, lại đã yếu từ hai mươi bốn năm trước, việc cụ ra đi không phải là đột ngột nhưng trong lòng một người học trò luôn luôn có những hụt hẫng. Người thân nào khi qua đời đều khiến chúng ta hối hận vì khi còn sống đã không được cận kề, gần gũi hơn mà quên rằng người già như ngọn đèn trước bão, không biết tắt lúc nào.

Tôi không **thể** viết hết những gì tôi học được từ bác sĩ Thọ vì sở học mà cụ truyền đạt bao gồm rất nhiều mặt nhưng sở đặc quan trọng nhất là giải thoát cho tôi khỏi cái trói buộc của tôn giáo công truyền. Nay cụ đã về với đất trời nhưng mãi mãi vẫn vang vọng những câu thơ:

Tinh ròng, chuyên nhất ngày đêm

Ra công, ra sức, giữ nguyên lòng Trời.

NGUYỄN DUY CHÍNH

20-01-2014

TRÍCH LỜI GIỚI THIỆU

của HỘI NGHIÊN CỨU VĂN HÓA ĐÔNG PHƯƠNG
về giảng khóa *Dịch Học Và Văn Hóa Á Đông* (1986-1989)
của bác sĩ **Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ** tại chùa Việt Nam
12292 Magnolia St, Garden Grove, CA 92641

(...) Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ, nguyên giáo sư triết Đông tại Đại Học Văn Khoa (Sài Gòn), là một học giả lỗi lạc của Việt Nam, đã nghiên cứu những tinh hoa của văn minh Đông Phương hơn bốn mươi năm và đã từng đại diện cho quốc gia trong nhiều khóa hội thảo trên toàn thế giới.

Trong giảng trình này, chúng ta sẽ được nhìn thấy những ý niệm căn bản, những nhận thức độc đáo của Đông Phương, làm nền tảng cho nhân sinh quan, tâm thức quan, vũ trụ quan... của đời sống Việt Nam. Từ lý thuyết tương đối của âm dương và Dịch Học, bác sĩ Thọ sẽ dẫn chúng ta đi sâu vào mọi lãnh vực đời sống, trên mọi hình thái xã hội, tổ chức công quyền cũng như những suy tư về trời đất, những quan điểm gây dựng thành con người Việt Nam.

- Dưới con mắt của một người bình thường, chúng ta sẽ có dịp khảo sát về những thưởng ngoạn thường nhật, những khoa học huyền vi, uống trà, viết chữ, hội họa, văn chương, âm nhạc... những thú vui tao nhã của cổ nhân, tô điểm cho cuộc đời bớt tẻ nhạt, làm đời sống thêm linh hoạt, phong phú.

- Dưới nhãn quan của một khoa học gia, bác sĩ Thọ sẽ trang bị cho chúng ta những kiến thức về khoa học Đông Phương mà phần lớn chúng ta còn mơ hồ – sự vận hành

của tinh tú theo thiên văn cổ, những phương pháp, những định luật của con người và thiên nhiên, nói lên những quy luật *nhân thân tiểu thiên địa* – để xác tín những ảnh hưởng của vũ trụ với cá nhân.

- Dưới kiến thức của một lương y, bác sĩ Thọ sẽ trình bày thấu đáo những cấu trúc huyền diệu của con người, những giá trị của ngành Đông y, sự vận hành của chân khí, của kinh mạch, soi sáng lại những gia tài quý báu của tiền nhân, bổ túc vào những phương pháp dưỡng sinh mà Tây y còn thiếu sót.

- Dưới lăng kính của một học giả và cũng đồng thời là tâm hồn của một hiền triết, bác sĩ Thọ sẽ cùng với chúng ta trở về với những nền triết học lớn đã nuôi dưỡng dân tộc Việt Nam: Phật Giáo, Khổng Giáo, Lão Giáo và đối chiếu với những nguồn văn minh lớn của nhân loại như Trung Hoa, Hy Lạp, La Mã, Ai Cập, Hồi Giáo, Bà La Môn... Tất cả những tinh hoa đó đã ảnh hưởng đến văn hóa Việt Nam như thế nào, và cũng đã hóa thân như thế nào để trở thành di sản riêng của chúng ta.

Đông Phương huyền bí và sâu sắc, dưới sự trình bày rõ ràng và mạch lạc, giản dị và ý nhị của bác sĩ Nguyễn Văn Thọ sẽ trở thành một bức tranh tuyệt diệu – cái tuyệt diệu đã đem lại cho người Việt Nam một đời sống an lạc về tâm hồn cũng như về thể xác – nói lên sự hòa điệu của con người với tiết tấu của đất trời. Đó chính là sự thăng hoa tuyệt vời mà dân tộc chúng ta đã tìm được, là một đóng góp vô giá cho toàn thể thế giới loài người...

NGUYỄN DUY CHÍNH trích lục



Một buổi giảng của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ
tại Chùa Việt Nam
12292 Magnolia St, Garden Grove, CA 92641

LẶN VÀO CỐI MUÔN SAO

Kính viếng nhà Đạo học Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ

Vắng rồi nhà Đạo học uyên thâm!
Dùng chút hương thơ thay khói trầm
Tiễn biệt Người về nơi tịnh cảnh
Bao lòng còn động mỗi thương tâm.

Người tuy khuất bóng vẫn như còn
Mấy ngàn trang sách thấm màu son
Sáng lòng cho kẻ tìm chân lý
Thông suốt ngọn nguồn vạn giáo môn.

Tinh hoa đạo giáo giải tình rành
Giữa cõi vô thường biết tịnh thanh
Vạn pháp trùng trùng chung một gốc
Lão, Nho, Phật, Chúa cũng Trời xanh.

Nay đã lặn vào cõi muôn sao
Tinh anh vút tận chốn xa nào
Còn đây huyền nghĩa từng trang sách
Để lại bây giờ, mãi mãi sau!

Kính bái tiễn.

*Môn sinh Cao Đài **PHẠM VĂN LIÊM***

Hội Thánh Truyền Giáo. Đà Nẵng, 01-02-2014

CÂU ĐỐI TẶNG NHÂN TỬ

Cụ Phó Bảng **NGUYỄN HÀ HOÀNG** (Quảng Nam) tặng bác sĩ Nguyễn Văn Thọ câu đối như sau:

相士以居，小隱隱山，大隱市，
近人有術，上醫醫國，次醫人。

Tướng sĩ dĩ cư, tiểu ẩn ẩn sơn, đại ẩn thị,
Cận nhân hữu thuật, thượng y y quốc, thứ y dân.

Tạm dịch:

*Xét kẻ sĩ xem nơi ở,
 ẩn sĩ nhỏ ẩn trên núi,
 ẩn sĩ lớn ẩn giữa chợ,*

*Gần người đời có thuật y,
 lương y cao chữa bệnh nước,
 lương y thấp chữa bệnh người.*

HOÀI NIỆM THẦY NHÂN TỬ

LÊ ANH MINH

Thầy Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (1921-2014) và thầy Lộc Đình Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) là hai vị học giả gieo nhiều ảnh hưởng cho tôi nhất theo hai hướng khác nhau. Sách thầy Lộc Đình giúp tôi mở mang về kiến thức tổng quát; sách thầy Nhân Tử giúp tôi mở mang về triết lý, tôn giáo, đặc biệt là Đạo Giáo.

Thông qua anh ruột là Huệ Khải Lê Anh Dũng, tôi hân hạnh được biết hai thầy chứ tôi không học trực tiếp ngày nào.⁽¹⁾

Những năm cuối thập niên 1970, thầy Nhân Tử cộng tác với Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (171 đường Cống Quỳnh, quận 1, Sài Gòn) trong việc nghiên cứu giáo lý các tôn giáo và đào tạo giáo sĩ. Ngoài ra, thầy còn thuyết đạo rất nhiều lần tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý; những bài thuyết đạo này sau đó in trong

⁽¹⁾ Anh Huệ Khải quen biết thầy Lộc Đình từ hồi anh là sinh viên trước 1975. Sau khi thầy Lộc Đình qua đời, anh xuất bản được tác phẩm đầu tay *Giải Mã Truyền Tây Du* (1993), rồi mang đến tặng cô. Cô cảm động nói: “Phải chi ông còn sống, ông mừng cho cháu lắm. Trong số mấy thanh niên, cháu là người ông mến nhất!” Còn thầy Nhân Tử cũng rất thương anh và dạy Kinh Dịch cho anh tại tư gia của thầy ở Phú Nhuận.

tập san *Cao Đài Giáo Lý* (in typo) của Cơ Quan.⁽²⁾ Về sau tôi mới biết là có thánh giáo dạy Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý mời thầy Nhân Tử về cộng tác.

Đạo đó tôi dạy học ở Mỹ Tho, lâu lâu về Sài Gòn và đến dự một số buổi giảng thuyết của thầy. Thấy thầy giảng thao thao bất tuyệt, giọng nói hùng hồn, thơ văn lai láng, tôi hết sức ngưỡng mộ và tìm đọc sách của thầy. Thầy có tài thơ văn rất hay. Bộ *Chu Dịch* từ trước tới nay duy nhất có thầy là dịch ra thơ. Tôi còn nhớ mãi giọng hào sảng thầy đọc bài *Hành Lộ Nan* của Lý Bạch do thầy dịch:

*Đường đi khó, tìm đường đi khó quá...
Rút kiếm bén, ngõ ngang trông đây đó,
Lòng hoang mang ta biết sẽ đi đâu?
Muốn qua Hoàng Hà, băng giá lấp sông sâu!
Muốn trèo non Thái, tuyết một màu ảm đạm!
Muốn khuây khỏa, vừa ra khe buông câu tằm,
Đã mơ màng thuyền mộng lướt trời mây!*

⁽²⁾ *Cao Đài Giáo Lý* là nguyệt san của Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam. Tòa soạn tại số 165E Công Quỳnh, Sài Gòn (bản quay ronéo); về sau đặt tại số 171 Công Quỳnh, Sài Gòn (bản in typo). Từ năm thứ Nhất, số 1 (tháng 12-1965, xuân Ất Ty) đến năm thứ Bảy, số 73 (tháng 01-1972), in giấy sếp (quay ronéo), khổ 21x27 cm, mỗi số khoảng 16-24 trang. Từ năm thứ Bảy, số 74 (tháng 02-1972) trở đi in typo, khổ 16x24 cm, khoảng 50-64 trang ruột. Tự đình bản: năm thứ Mười, số 95 (tháng 3-1975).

Theo: Huệ Khải, *Lược Khảo Báo Chí Cao Đài*. Sẽ xuất bản.

*Đường muôn ngã, đường muôn ngã đâu còn đây?
Khó đi quá, tìm đường đi khó quá...
Nhưng gió lộng sẽ phá muôn tầm sóng cả,
Thổi buồm mây một lá tềch ngàn khơi,
Đại Đạo lớn, lớn trùm cả khung trời,
Mà bịn rịn, ta chưa ra đi nổi...*

Cũng giống như thầy Lộc Đình, thầy Nhân Tử tự học thông thạo Hán ngữ cổ đại và hiện đại, đọc sách và viết sách rất nhiều. Thật là hai tấm gương rất lớn cho thanh niên hiếu học noi theo. Nhờ vốn ngoại ngữ quá phong phú (Anh, Pháp, Hán, Latin), thầy Nhân Tử tham khảo được rất nhiều tư liệu quý hiếm về triết học và tôn giáo Đông Tây, và nhất là đọc rất nhiều kinh điển Tam Giáo do các giáo sĩ dòng Tên kiêm Hán học gia lừng danh như James Legge (Scotland, 1815-1897), Séraphin Couvreur (Pháp, 1835-1919), Léon Wieger (Pháp, 1856-1933), v.v... dịch ra Latin, Anh, Pháp từ hai thế kỷ trước.

Trong việc nghiên cứu, tìm được tư liệu đầy đủ cho đề tài nghiên cứu là đã thành công một nửa rồi. Phần khai thác tư liệu sẽ quyết định phân nửa thành công còn lại. Do đó khi đọc sách của thầy Nhân Tử, tôi rất quan tâm phần thư mục tham khảo in ở cuối sách, và rất khâm phục thầy tham khảo nhiều sách quý hiếm. Thí dụ, thầy thường tham khảo những quyển đầu của bộ bách khoa lừng danh *Science and Civilisation in China* (Trung Quốc Khoa Học Kỹ Thuật Sử 中國科學技術史) của nhà Hán học lỗi lạc Joseph Needham (1900-1995). Bộ bách khoa này cực hiếm tại Việt

Nam, nói chỉ tới việc đọc hiểu và khai thác được.⁽³⁾ Hiện nay, các học giả Trung Quốc đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Hán những quyển đầu tiên của bộ bách khoa này, cả bộ đầy đủ và bộ rút gọn.⁽⁴⁾ Thế mà khoảng đầu thập niên 1970 thầy đã đọc được mấy quyển đầu ở một thư viện tại Sài Gòn, và tham khảo quyển III cùng với các sách thiên văn bằng các tiếng Anh, Pháp, Hán để viết loạt bài *Thiên Văn Học Cổ Trung Hoa* đăng tạp chí *Phương Đông*.⁽⁵⁾ Bộ bách khoa vĩ đại này chào đời trên nửa thế kỷ, đối với học giới Việt Nam có thể có một số người đã đọc ít nhiều,

⁽³⁾ Bộ sách được xuất bản từ 1954, gồm bảy quyển; từ quyển IV trở đi mỗi quyển lại chia ra làm các tập rời. Công trình khoa học đồ sộ này vẫn còn tiếp tục do Needham Research Institute (Viện Nghiên Cứu Needham) thực hiện. Xem thêm thông tin về Needham tại: <http://anhminh.zxq.net/needham/needham.htm>.

⁽⁴⁾ Bộ đầy đủ, từ 1990 do nhóm ba mươi sáu dịch giả: Tôn Yên Minh, Vương Hiểu Hoa, Ngô Bá Trạch, Lục Học Thiện, v.v... (Thượng Hải Cổ Tịch xuất bản xã). Bộ rút gọn, từ 2001 do hệ Khoa Học Sử của Đại Học Giao Thông Thượng Hải phiên dịch (Thượng Hải Nhân Dân xuất bản xã). Theo anh Nguyễn Duy Chính, nhóm Trần Lập Phu 陳立夫 dịch bốn quyển đầu nguyên tác, tách theo chương thành chín quyển, Thương Vụ Ấn Thư Quán ở Đài Loan xuất bản 1976.

⁽⁵⁾ Loạt bài đã đăng tạp chí *Phương Đông* (do Linh Mục Hoàng Sỹ Quý chủ trương), các số 1 (tháng 7-1971), số 2 (8-1971), số 3 (9-1971), số 4 (10-1971), số 5 (11-1971), số 6 (12-1971), số 11 (5-1972), số 15 (9-1972), số 16 (10-1972), số 22 (4-1973), số 26 (8-1973), số 27 (9-1973), số 29 (11-1973), số 33 (3-1974), số 37 (7-1974), số 42 (12-1974), số 43 (1-1975). Tôi đã đánh máy lại và đưa lên website *nhantu.net*.

nhưng tham khảo để viết ra thành sách và xuất bản chính thức thì tôi thấy cho đến nay duy nhất hầu như chỉ có thầy Nhân Tử mà thôi.

Tôi dò theo thư mục sách tham khảo trong các sách của thầy, để ý những cuốn đặc biệt, rồi nhân lúc lang thang ở các hàng sách cũ, nếu thấy những cuốn đó thì mua liền. Hoặc hỏi thăm ai có thì tôi mượn photocopy, thí dụ như bộ Needham tôi photocopy được mấy quyển đầu. Đại khái là tôi tự học dựa trên các sách thầy đã tham khảo.

Thầy viết rất nhiều. Sách in hần hoi thì có:

- *Khảo Luận Và Phê Bình Học Thuyết Không Tử* (Đà Nẵng: Hội Không Học, 1960).

- *Lecomte du Noüy Và Học Thuyết Viễn Đích* (Sài Gòn: Văn Đàn, 1968).

- *Những Tương Đồng Giữa Phật Giáo, Không Giáo, Thiên Chúa Giáo* (Long Khánh: Công Giáo Tiên Hành địa phận Xuân Lộc, 1970).

- *Không Học Tinh Hoa* (Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí, 1970).

- *Chân Dung Không Tử* (Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí, 1971).

Còn sách quay ronéo phổ biến cho sinh viên Đại Học Văn Khoa, cho cộng đồng tín đồ Cao Đài, tín đồ Công Giáo, cũng rất nhiều, như: *Chu Dịch Giảng Bình, Hướng Tinh Thần, Huỳnh Đình Kinh, Thái Cực Luận, Trung Dung Tân Khảo, Vô Cực Luận*, v.v...

Ấn tượng nhất trong sách quay ronéo là nét chữ Hán do thầy viết tay rất đẹp và trôi chảy. Viết chữ trên giấy sếp (*stencil*) khó, vì đầu bút sắt dễ làm xóc và hư giấy, thế mà thầy viết chữ Hán vừa nhanh vừa đẹp, thật là tuyệt, và phải rất thông thạo mặt chữ mới viết được như vậy.

Thầy định cư ở Mỹ khá lâu, khoảng 1996 anh em tôi mới có tin tức của thầy. Đạo đó Internet chưa phổ biến ở Việt Nam, tôi viết thư thăm thầy và nhận thư thầy đánh máy vi tính trả lời. Thư qua lại theo đường bưu điện cũng nhiều; từ 1998 khi Internet tương đối phổ biến thì thầy trò chuyển qua e-mail.

Trong thư, thầy trò thường trao đổi về kinh sách, đặc biệt là *Đạo Tạng*. Thầy viết:

Trước kia, tôi mới đọc được chừng 100 quyển trong bộ Đạo Tạng, nhưng nhờ dùng tôn giáo đối chiếu nên căn bản về đạo Lão cũng được vững vàng. (...) Nhà tôi đang giúp tôi đánh máy lại bộ Kinh Dịch của tôi. Xưa Cao Đài đã quay ronéo bộ Dịch đó. Tiếc là không in nốt phần trên 1.000 trang bàn về Dịch Học Nhập Môn, Vô Cực, Thái Cực, Hà Đồ, Lạc Thư, Âm Dương, Tứ Tượng, Ngũ Hành, v.v... Bộ Dịch của tôi tuy nhà tôi nay đã thu gọn lại, nhưng cũng còn gần 2.000 trang. Xưa tôi viết nó cũng mất khoảng 10 năm, làm việc miệt mài. (...) tôi cũng là nhờ ơn Trời đã đưa tôi vào con đường triết học và Đạo học Đông Phương. Từ 1956 tới nay, lòng tôi bao giờ cũng hướng về Đại Đạo, về tinh hoa nhân loại. Tôi có làm được gì đều là do Trời xui khiến mà thôi. Tôi sáng tác nhiều nhất là từ 1956 tới

1972. Sang Mỹ cũng viết thêm được ít quyển. Tôi chuyên khảo về các tôn giáo trên thế giới, chứ không phục vụ riêng cho một đạo giáo nào. (Thư Westminster, ngày 23-6-1996)

Thư thầy đánh máy vi tính, in ra giấy. Trước khi gửi tôi, cô đọc lại, bổ sung, dặn dò bằng chữ viết tay bên lề hoặc mặt giấy trắng phía sau. Đạo đó Chợ Lớn bắt đầu bán sách nhập khẩu từ Trung Quốc. Có sách gì hay, như *Đạo Tạng Tập Yếu, Bạch Thư Chu Dịch, Chu Dịch Đồ Thích Đại Điển*, v.v..., tôi đều báo tin thầy biết. Thầy lúc đó đã bảy mươi lăm, bị đột quỵ (*stroke*) rồi, thế mà vẫn say sưa với kinh sách, ham đọc thêm. Thầy cô thường gửi tiền về cho tôi nhờ mua giùm sách rồi nhờ người mang qua Mỹ.

Thầy ngạc nhiên làm sao mà trong thư gửi thầy tôi đánh máy cùng lúc chữ Việt với chữ Hán. Máy computer của thầy không làm được như vậy. Đó là trở ngại lớn khi cô đánh máy bộ Kinh Dịch: Phần chữ Hán phải in riêng, sau đó cắt dán xen vào phần tiếng Việt, thật là vất vả.

Năm 1996 tôi bắt đầu học gõ chữ Hán trên máy vi tính. Nếu dùng Chinese Windows thì gõ được chữ Hán xen kẽ chữ Việt với bộ font VNU. Do đó và do vấn đề font chữ mà máy computer cài hai hệ điều hành: Chinese Windows và English Windows. Thầy thì dùng Chinese Star cài trên English Windows nên không gõ được chữ Việt có dấu cùng với chữ Hán. Bấy giờ một người bạn giới thiệu tôi software TwinBridge (Song Kiều) của Mỹ, có thể cài trên English Windows và gõ được chữ Hán xen kẽ chữ Việt font VNI. Tôi gửi cho thầy một đĩa CD Song Kiều kèm một tập học

sinh 100 trang tôi soạn về cách cài đặt và sử dụng. Thầy mừng lắm, viết cho tôi:

Từ khi Anh cho tôi Song Kiều, nhà tôi mua thêm cho tôi một computer tối tân giá \$1600. Sau lại mua thêm một printer HP Laser Jet 5L, mất thêm hơn \$500 nữa. Bình mắc thêm cho Network và Internet. Như vậy là thập phần hoàn hảo. Chữ Nho với tiếng Việt sử dụng được ngay từ hôm đầu. Computer cũ và Chinese Star vất đi luôn. (Thư Westminster, ngày 3-9-1997)

Đúng như Đức Khổng Tử nói: *Công dục thiện kỳ sự, tất tiên lợi kỳ khí.*⁽⁶⁾ (Thợ muốn làm tốt công việc thì trước hết phải có đồ nghề sắc bén.) Khó khăn xử lý chữ Hán xen chữ Việt đã giải quyết xong. Bộ *Chu Dịch Đại Toàn* đã xuất bản hai tập đầu với chữ Hán cắt dán, ở tập cuối thấy rõ phần chữ Hán được xử lý rõ đẹp bằng Song Kiều. Nhờ đồ nghề quá tiện lợi, thầy hăng hái viết sách và dịch thuật rất nhiều, mặc dù chỉ dùng tay trái gõ bàn phím mà thôi.

Từ cuốn tập học sinh 100 trang hướng dẫn Song Kiều đã gửi thầy, tôi phát triển lên thành cuốn sách *VI TÍNH VIỆT HÁN SONG KIỀU & CHINESE WINDOWS Hướng dẫn sử dụng Song Kiều / TwinBridge Chinese Partner 4.0 & Chinese Windows* (Nxb Thống Kê, 1998). Đó là cuốn sách in đầu tiên tại Việt Nam, hướng dẫn gõ chữ Hán trên máy vi tính, rất được giới viết sách và chế bản vi tính sách tán thưởng vì quá tiện lợi. Cũng từ dịp giải quyết khó khăn chữ

Hán xen chữ Việt trên máy vi tính cho thầy mà tôi xuất bản được cuốn sách đầu tay, mở đầu cho non hai mươi cuốn sách sau này. Thật là một kỷ niệm nhớ mãi! Rồi dựa vào phần hướng dẫn có sẵn của Song Kiều, tôi tạo cách gõ chữ Hán bằng âm Hán Việt. Tôi gửi qua thầy dùng, thầy rất thích vì gõ chữ Hán nhanh hơn cách gõ Pinyin hay Thương Hiệt rất nhiều.

Thấy thầy khó nhọc chỉ dùng tay trái gõ chữ Hán và chữ Việt, tôi đề nghị thầy gõ chữ Việt thôi, còn chữ Hán để tôi chèn vào cho nhanh. Thế là các bản thảo *Tính Mệnh Khuê Chỉ, Tượng Ngôn Phá Nghi, Ngộ Chân Trực Chỉ, Tham Đồng Khế*, v.v... vừa dịch xong là thầy gửi e-mail qua tôi để tôi chèn chữ Hán. Chèn xong thì tôi e-mail gửi lại thầy, đương nhiên trong máy vi tính tôi có bản lưu. Một số sách đã quay ronéo hay sách in typo xuất bản ngày xưa của thầy tôi cũng gõ vi tính lại (có thuê người phụ gõ vi tính) và chèn chữ Hán vào. Do đó hầu hết sách thầy viết và dịch đều có dữ liệu trong máy computer của tôi. Điều này rất thuận lợi cho việc chuẩn bị làm website *nhantu.net* về sau.

Anh Nguyễn Quốc Bình và chị Trần Ngọc Ánh hầu như năm nào cũng về Sài Gòn, nhân tiện ghé thăm chúng tôi, rất thân tình. Một số sách của thầy đã xuất bản tại Mỹ do một học trò của thầy tên là Văn, biệt hiệu Nhân Tử Văn, tổ chức in. Nhận thấy chờ xuất bản hết sách của thầy thì không biết bao giờ mới xong, mà bản thảo của thầy còn nhiều quá. Cuối cùng anh Bình bàn với tôi lập website, đó là cách phổ biến khắp thế giới những công trình học thuật

⁽⁶⁾ 工欲善其事，必先利其器。Luận Ngữ 15:10.

của thầy hiệu quả nhất. Phân công làm ngay, anh Bình lo mua dịch vụ, còn tôi thiết kế website. Việc thiết kế này cũng đơn giản, vì website này tĩnh, dùng MS Office Frontpage cũng tạm ổn.

Một vấn đề rắc rối xảy ra là năm 2007 đã phổ biến font Unicode (mã thống nhất), mà chữ Hán Song Kiều đưa lên Internet thì quá lạc hậu, phải đổi font Song Kiều ra Unicode hết mới được. Bản thảo lưu trong máy quá nhiều, không thể đổi chữ Hán thủ công được. Anh Bình từng là lập trình viên của Microsoft, tuy không biết chữ Hán nhưng anh nắm vững nguyên tắc về mã chữ. Nhân một dịp về Sài Gòn, ngồi tại nhà tôi anh viết chương trình rất nhanh, dùng Visual Basic Macros của MS Word để đổi mã chữ Hán Song Kiều ra Unicode. Rắc rối giải quyết xong. Mấy năm gần đây, tôi dò trên Internet thấy có nhà Hán học Michael A. Fuller cũng dùng Visual Basic Macros giống như anh Bình đã đi trước. Đồ nghề của anh Bình còn hay hơn, vì không những đổi được font Song Kiều ra Unicode, mà còn đổi được font VNI và font VNU ra Unicode nữa.

Lúc này thầy đã yếu nhiều, rất ít dùng e-mail. Tôi chỉ biết tình hình sức khỏe thầy cô qua anh Bình và chị Ánh thôi. Anh Bình và tôi gửi e-mail qua lại, trao đổi về lập website. Có đồ nghề đổi code của anh Bình quá tuyệt, về cơ bản website đã hoàn thành, tôi đặt tên *nhantu.net* là Văn Hóa Đông Phương. Một vài cuốn sách do nhà sách Khai Trí xuất bản trước 1975, tôi thuê người gõ vi tính, rồi chỉnh sửa và chèn chữ Hán, sẽ đưa lên sau.

Buổi sáng 15-12-2007, sinh nhật thầy, anh Bình đem laptop ra, trình trọng trình thầy xem website. Anh Bình kể lại trong e-mail gửi tôi ngày 16-12-2007:

Anh Minh mến,

Hôm nay phải xin thành thật cảm ơn anh rất nhiều về món quà sinh nhật của anh cho ba tôi. Ba tôi không hề biết về việc làm website này. Khi người được thấy những chuyện anh đã làm, ba tôi đã chảy nước mắt vì cảm động. Ông nói trước mọi người là tâm nguyện bao nhiêu năm nay của ông, nhờ anh đã được thành tựu. Và đây là một món quà sinh nhật hết sức lớn lao của anh. Và đó là một niềm vui rất lớn của tôi, vì thực tình mà nói, làm cho cha mẹ vui lòng đôi khi là một chuyện cũng không dễ dàng.

*Và tôi cũng xin cảm ơn anh đã bỏ công sức rất nhiều trong việc này. Chỉ trong vòng hai tuần anh đã thực hiện được căn bản của website *nhantu.net*. Đôi khi nhận được e-mail của anh thì biết anh đã thức khuya cố gắng hết sức mình lo cho việc này, tôi rất là xúc động, chỉ biết nói một câu là anh nên giữ gìn sức khỏe mình. Lời cảm ơn đôi khi chỉ là một câu vô nghĩa, không đủ diễn tả sự biết ơn của tôi với công sức của anh đã bỏ ra để mừng sinh nhật của ba tôi.*

Đôi khi công việc làm của mình đã ảnh hưởng rất lớn đến người khác. Đối với anh có thể là một chuyện bình thường, nhưng đối với ba tôi và tôi là một chuyện rất lớn. Qua các cách trình bày của anh, tôi đã chỉ cho ba tôi thấy các chuyện anh đã làm, thật sự là ngoài sức của mình

muốn đối với một thời gian quá ngắn ngủi.

Xin cảm ơn anh.

Nguyễn Quốc Bình

Cũng ngày 16-12-2007, tôi nhận e-mail của thầy. Thầy viết thư tiếng Việt không dấu, tôi thêm dấu cho dễ đọc:

Anh Minh thân mến,

Hôm nay ngày sinh nhật của tôi, Bình có cho tôi một món quà. Trong đó mở ra thấy là website anh đã làm cho tôi, rất đẹp. Đây là một món quà tinh thần của anh đã tận tình giúp đỡ trong việc bỏ các bài vở của tôi lên Internet. Tôi rất cảm động với lòng chân tình của anh đã giúp trong việc này. Xin cảm ơn anh rất nhiều. Tuy nó chưa hoàn thành, nhưng chỉ trong một thời gian rất ngắn anh đã thực hiện được một ước muốn phổ biến các bài vở của tôi. Tôi nghe Bình nói anh phải làm việc ngày đêm đến sáng cho kịp ngày sinh nhật của tôi, tôi thật rất cảm động.

Cám ơn anh rất nhiều. Nhân dịp Giáng Sinh kính chúc anh và hai cụ và gia đình anh Lê Anh Dũng và cụ Đình Văn Đệ.

Tác phẩm của thầy được đưa dần dần lên website *nhantu.net*, thầy xem rồi gửi e-mail tiếng Việt không dấu, ngày 31-12-2007:

Anh Minh thân mến,

*Tôi đã đọc các sách anh mới cho vào website như *Hướng Tinh Thần*, *Kinh Thi*, *Tượng Ngôn Pháp Nghi*, v.v...*

tôi thấy Anh trình bày rất đẹp, và làm sao anh đánh chữ Hán nhanh như vậy. Thật là Thượng Đế đã gửi anh đến với tôi làm công việc này.

Tôi có hai files, một là Sách file, hai là Nhân Tử file trong đó có đủ các bài và sách xưa của tôi. Nếu anh chưa có, tôi sẽ bảo Bình gửi cho anh. Như vậy anh có thêm tài liệu.

Cám ơn anh nhiều.

Đưa hết các sách của thầy lên xong, tôi làm một trang Links (liên kết), dẫn tới các website triết giáo Đông Tây và kinh điển Trung Quốc, v.v... Thầy xem và viết e-mail ngày 02-01-2008:

Anh Minh thân mến,

*Mấy bữa nay, tình cờ tôi đọc mục Links của anh và đọc được một số bài của anh, về nghệ thuật và hội họa Trung Quốc cũng như các bài anh viết về nhà khảo cổ người Đức, về Needham, về Wilhelm, v.v... Nhà tôi cũng ngồi đọc ké và rất thích. Anh viết rất hay, làm chúng tôi say mê. (...) Máy ngày nay, tôi chỉ đọc bài của anh. Links của Anh rất đầy đủ, có đủ *Tứ Khố Toàn Thư*, *Bách Gia Chư Tử*, v.v...*

Cám ơn anh rất nhiều.

E-mail ngày 14-12-2008, thầy tâm tình mà hơi khách sáo:

Kính thăm hai anh Dũng và Minh

Cám ơn hai anh đã chúc mừng sinh nhật tôi. Trong đời

tôi được gặp hai anh là một hạnh phúc lớn. (...) Tôi hết sức cảm ơn hai anh đã thực hiện cho tôi nhantu.net. (...) Tôi trông chờ hai anh trong tương lai còn sáng tạo nhiều hơn thế nữa. Xin gửi lời chúc mừng Noël tới quý cụ, tới hai anh và các cháu. Tôi xin gửi lời thăm cụ Đình Văn Đệ mà tôi rất quý mến.

Kính chào.

Đó là e-mail chót chúng tôi nhận từ thầy. Về sau thầy dùng computer không còn linh lợi nữa, quên rất nhiều thao tác cơ bản. Tin tức về thầy cô chúng tôi biết qua anh Bình và chị Ánh. Hôm nhận e-mail báo tin của anh Bình, tôi rất buồn, dù biết ngày thầy ra đi là không tránh khỏi. Tôi nghĩ rằng thầy là một đại linh căn, xuống thế gian để giáo hóa thế nhân qua việc viết sách và phiên dịch kinh điển, nhất là *Đạo Tạng* (kinh điển Đạo Giáo) một lĩnh vực mà người Việt chưa quan tâm nhiều. Với nhà nghiên cứu, còn gì vui hơn khi phổ biến được các trứ tác của mình ra khắp bốn phương? *Có cái rất giàu nhưng không phải là bạc vàng tràn tử, có cái bất tử nhưng không phải sống thọ ngàn năm.* Hình như Hoài Nam Tử nói đại khái như thế. Thầy ra đi về phương diện thể xác hữu hình hữu hoại, nhưng tinh hoa vẫn còn mãi, đó là những công trình học thuật và dịch thuật quý báu của thầy được truyền tải qua Internet. *Đó chẳng phải là cái bất tử nhưng không phải sống thọ ngàn năm hay sao?*

Có ba điều khiến con người bất tử: *lập đức, lập công, lập ngôn.* Tùy theo ta đã lập thành cái gì, người đời sẽ biết đến ta, nhớ đến ta, tức là ta bất tử. Viết sách và lập thuyết

chẳng phải là *lập ngôn* hay sao?

Người đời nay đọc sách xưa, cũng có thể thấy tâm đồng đạo hợp với cổ nhân, vậy thì người đời sau đọc sách người đời nay cũng có thể tìm thấy tri kỷ vậy. Trong lá thư ngày 08-10-1996, thầy tặng tôi hai câu trong bài *Biệt Đồng Đại* 別董大 của Cao Thích 高適 (702-765):

Mạc sầu tiền lộ vô tri kỷ

Thiên hạ thù nhân bất thức quân.

莫愁前路無知己

天下誰人不識君

(Chớ sầu nẻo trước không tri kỷ

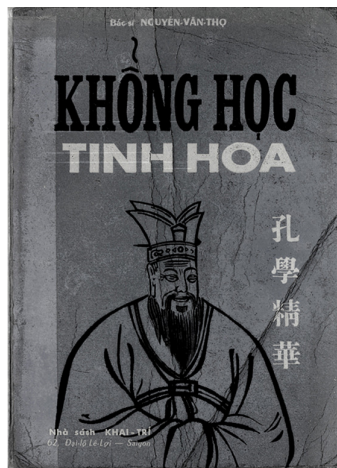
Thiên hạ ai người chẳng biết ông.)

Hai câu này tôi kính dâng lại giác linh thầy, cầu nguyện thầy thanh thản nơi cõi vĩnh hằng; còn Internet là còn người bốn phương sẽ biết thầy, và không ít người sẽ xem thầy là tri kỷ.

LÊ ANH MINH

06-02-2014

KHÔNG HỌC TINH HOA BẢN IN 1970 VÀ 1987



Tại Sài Gòn, năm 1970, ông Nguyễn Hùng Trương (1926-2005), chủ nhân nhà sách Khai Trí (60-62 đại lộ Lê Lợi) xuất bản quyển **KHÔNG HỌC TINH HOA** của bác sĩ Nguyễn Văn Thọ. Bản in đầu tiên này dày 368 trang, khổ sách 14x25cm (ảnh trái).

Tại Mỹ, năm 1987, quyển sách đầu tiên của bác sĩ Nguyễn Văn Thọ được xuất bản chính là quyển **KHÔNG HỌC TINH HOA**. Lần tái bản này do anh Nguyễn Duy Chính và một số bằng hữu thực hiện. Anh Chính tự tay vẽ bìa, và viết bốn chữ 孔學精華 (ảnh phải).

BÙI THỊ THỊNH
07-02-2014

ĐÔI ĐIỀU NHỚ NGHĨ

HUỆ KHẢI

Một đức tính cao cả của thầy Nhân Tử là quảng đại, luôn có lòng thương mà hạ cố, nâng đỡ đàn hậu tấn. Khen ai để khuyến khích người đó phấn phát thêm hơn thì thầy không tiếc lời. Chẳng hạn, khi viết *Tinh Hoa Cao Đài Giáo*, thầy quá ưu ái, rộng lời nhận xét: “*Sang Hoa Kỳ, đọc quyển Lịch Sử Đạo Cao Đài của Lê Anh Dũng, tôi thấy anh luận về mấy chữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ rất là cao siêu.*”⁽¹⁾

Quả vậy, đối với tôi, dù biết đưa học trò mình hãy còn non kém nhiều mặt, thầy vẫn rộng rãi, hào phóng lời khen; nên tôi luôn tự nhắc nhở để răn lấy mình: Chẳng qua thầy muốn mình tiến bộ xa hơn; thầy không chê, không nêu khuyết điểm vì thầy e ngại làm mình thối chí, nhụt nhuệ khí đấy thôi...

Năm 1995, tôi in được quyển *Tìm Hiểu Kinh Cúng Tứ Thời* (Huế: Nxb Thuận Hóa). Gởi qua Mỹ biểu thầy, thì thầy liền hồi âm, khen tôi chú giải kỹ; bảo rằng những thuật ngữ trong kinh tôi đã dịch ra tiếng Anh cả rồi, thì mai kia tôi có thể dịch luôn các bài kinh cúng Tứ Thời ra tiếng Anh, sẽ chẳng khó gì.

⁽¹⁾ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, *Tinh Hoa Cao Đài Giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo 2010, tr. 6. (Tái bản 2012.)

Trước khi sang Mỹ, thầy hiến Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam trọn bản dịch *Huỳnh Đình Kinh* rất công phu của thầy. Thầy tự tay dùng bút sắt viết chữ Hán lên giấy sếp (*stencil*), rồi đưa quay ronéo.

Bản dịch dày cộm này đã giúp ích cho nhiều đạo trưởng tu đại thừa ở Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, vì bấy giờ Ôn Trên có dạy các vị phải tụng thêm Kinh Huỳnh Đình.

Lúc đầu thầy chưa biết bào đệ của tôi. Đến chừng có dịp thư từ qua lại với chú Minh nhiều rồi thì thầy rất mến.

Năm 2003, Lê Anh Minh xuất bản *Lược Khảo Huỳnh Đình Kinh* (Hà Nội: Nxb Văn Hóa – Thông Tin), dịch theo bản tiếng Đức của danh gia Rolf Homann, và chú giải...

Nhận được sách biếu từ trong nước gửi sang, thầy hồi âm và bảo, giá như trước kia (lúc dịch Huỳnh Đình Kinh) thầy được đọc thêm bản dịch của anh Minh.

Năm 1994 tôi xuất bản quyển sách nhỏ: *Con Đường Tam Giáo Việt Nam Từ Khởi Nguyên Đến Thế Kỷ Mười Chín*.⁽²⁾ Giống như đứa học trò lâu lâu làm xong được bài tập thì hoan hỷ đem trình sư phụ xem, nên tôi bèn gửi sang biếu thầy.

Nào ngờ thầy ưu ái học trò đến mức khi viết: (a) *Tư Tưởng Nho Học Và Sự Bản Địa Hóa Tại Việt Nam*; (b) *Tư*

Tưởng Phật Học Và Sự Bản Địa Hóa Tại Việt Nam; (c) *Tư Tưởng Lão Học Và Sự Bản Địa Hóa Tại Việt Nam*; thầy đã trích trọn ba chương đầu sách đó và ghi chú xuất xứ rất rõ ràng. Tôi hiểu như một cách thầy “chăm điểm”, và còn cho điểm thật rộng rãi.

Nhắc lại mấy chi tiết quá đổi riêng tư này cốt để làm chứng rằng thầy vô cùng đức độ. Thật vậy, thầy tinh thông quảng bác, văn tài xuất chúng, trí tuệ siêu quần, nhưng không hề có lòng ngã mạn, và quan trọng hơn cả là thầy không bao giờ đồ kỵ, không ganh hiềm ghét ngố.

Thế gian bảo con gà ganh nhau tiếng gáy. Nhạc sĩ Lữ Liên bảo “*hai cô ca sĩ có khen nhau bao giờ*”. Thói đời ấy chẳng hề có ở thầy. Bởi vậy, thầy không có óc độc tôn cá nhân; khi được Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý tuân hành thánh giáo ngày 07-3-1974, mời về giúp việc đào tạo giáo sĩ, chính thầy còn giới thiệu thêm một vài học giả, nhà nghiên cứu tên tuổi trong tôn giáo khác đến cộng tác với Cơ Quan, đem lại cộng đồng Cao Đài thừa ấy một không khí học thuật, mở đường cho một lớp trí thức Cao Đài nghiên cứu Đại Đạo sau này.

Năm 1996, tôi in thêm quyển *Lịch Sử Đạo Cao Đài: Thời Kỳ Tiềm ẩn 1920-1926* (Huế: Nxb Thuận Hóa). Lại gửi sang Mỹ. Thầy đọc xong, viết cho tôi lá thư rất dài:

Sách viết rất hay, rất gọn. Tôi đọc hai ba lần rồi. Tuy viết ngắn gọn, nhưng rất đầy đủ. Chương mở đầu rất hay, nêu rõ tôn chỉ Cao Đài (Tam Giáo quy nguyên, Ngũ Chi phục nhất, và là kết tinh kim cổ, dung hòa Đông Tây). Cao

⁽²⁾ Tức là quyển *Tam Giáo Việt Nam: Tiền Đề Tư Tưởng Mở Đạo Cao Đài*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, 2013. Quyển 22 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

Đài là một tôn giáo tổng hợp (tr. 15), đúng vậy, và ngày nay chúng ta đang cần một siêu tôn giáo, toàn cầu và hiện đại (tr. 21). Sách tóm tắt phong trào tôn giáo đối chiếu rất đầy đủ (tr. 18-20), và những lời trích dẫn rất hay.

Chương I bàn về Nam Kỳ Lục Tỉnh hay hai mươi mốt tỉnh với bản đồ chính trị và hành chính, với những cơ bút và những tiên tri về Cao Đài xuất thế, và tâm trạng quần chúng sẵn sàng chờ đón một tôn giáo mới, viết thật là cô đọng.

Chương II bàn về Đức Cao Đài hóa độ ông Ngô Minh Chiêu từ năm 1920, và lập ra Cao Đài vô vi. Nơi tr. 71, sách bàn về hai chữ Cao Đài. Tôi nghĩ rằng đạo Cao Đài nội tại hay vô vi chính là cái đạo nội tâm dạy con người tìm ra Chân Tướng, Chân Bản Thể của mình chính là Đức Cao Đài nội tại (Dieu immanent), là Nê Hoàn Cung, là Thiên Nhân, hay Lương Tâm của mỗi con người chúng ta. Cho nên tôi hiểu “Đài thượng vô vi tại đỉnh đầu” (tr. 71) theo đúng nghĩa đen.

Khi tôi hiểu Cao Đài là Chân Tâm mình, là Nê Hoàn Cung, là Lương Tâm mình, là Thiên Nhân mình, tôi luôn nhìn thấy Cao Đài nơi mình, và mới thấy rằng đạo vô vi trong Cao Đài ít kẻ tìm ra. Chúng ta thật không hiểu nổi câu “Thầy là các con và các con là Thầy”. Khi nào còn phân biệt nhĩ ngã, phân biệt Đức Cao Đài và mình, thì bấy lâu chưa nhập Đạo. Đức Cao Đài dạy rất đúng: “Cao Đài ứng hóa theo lòng chúng sanh, / Đố ai biết được cái danh Cao Đài” (tr. 65).

Chương III, sách bàn về nhóm Cao-Phạm rất khéo. Thân thế các ông Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang, Phạm Công Tắc, Nguyễn Trung Hậu, Lê Văn Trung, Vương Quang Kỳ, Đoàn Văn Bản... đều được trình bày cặn kẽ.

Chương IV bàn về nhóm Phổ Độ hình thành, với các môn đệ mới như Nguyễn Ngọc Tương, Lê Văn Lịch, Trần Đạo Quang, sự phổ biến của Đạo vào quần chúng, và Tờ Khai Đạo ngày 07-10-1926, rất là đầy đủ ý nghĩa.

Khéo nhất là sách đã trình bày về những đàn cơ đầu tiên như là cuộc gặp gỡ giữa các tao nhân mặc khách, giữa tiên và tục mà không rõ mục đích sẽ đi về đâu (tr. 82-101). Thật không ngờ là chỉ sau 136 ngày (tr. 102) mọi sự đã được quy hướng về Đại Đạo. Thời gian dành huấn luyện cho Đức Ngô Minh Chiêu (1920-1926), thời gian đào tạo nhóm Phổ Độ (1925-1926), chỉ trong vòng mấy năm mà tạo dựng nên được một Đại Đạo, thật là phép lạ phi thường. Niên biểu cuối sách thật là bổ ích.

(...) Mong rằng các sách sau tiếp tục hay như vậy. (Thư Westminster, 06-8-1996)

Đọc thư thầy, tôi cảm kích quá đỗi. Tỉ mỉ và cặn kẽ như một bài điểm sách. Hoàn toàn là một “phần thưởng” tinh thần rất bất ngờ!

Mỗi khi đọc sách, thầy vẫn quen đánh dấu những chỗ đáng ghi nhớ trên trang sách, và ghi chú luôn vào bên lề... Ở Sài Gòn trước kia có cụ Vương Hồng Sển (1902-1996) rất nổi tiếng về nghề sưu tập đồ cổ và chơi sách quý hiếm.

Một hôm thầy vui miệng kể tôi nghe chuyện cũ. Thầy mượn được của cụ Vương một quyển sách hiếm để nghiên cứu; lúc đọc, tiện tay đang cầm bút nên cứ theo thói quen mà gạch dưới mấy dòng và ghi chú luôn vào đó. Vừa nhận lại sách hoàn trả, cụ Vương lập tức giở ra ngay để kiểm soát từng trang. Nhìn thấy mấy chỗ thầy ghi chú bằng bút bi rõ ràng rạch, cụ Vương giận lắm, cự nự: “Không bao giờ cho ông mượn sách nữa! Cho ông mượn sách quý chẳng khác gì đem Thúy Kiều giao cho Mã Giám Sinh!” Kết thúc câu chuyện, thầy bảo tôi: “Sách hay là để cho mọi người nghiên cứu chứ đâu phải cất kỹ một chỗ làm đồ cổ!”

Thầy Nguyễn Hiến Lê (1912-1984) cũng có thói quen ghi chú khi đọc sách, nhưng dùng bút chì. Trên mặt bàn viết của thầy có ống bút luôn cắm sẵn vài cây bút chì đã vót nhọn. Mỗi lần tôi ghé chơi, thầy Hiến Lê hay hỏi: “Bác sĩ Thọ đạo này khỏe không, cháu?”

Thầy Hiến Lê tặng tôi quyển *Chân Dung Không Tử* của bác sĩ Nguyễn Văn Thọ; giở ra, còn nguyên những nét bút chì thầy Hiến Lê ghi chú bên lề, những chỗ gạch dưới các dòng chữ...

Còn một kỷ niệm với thầy, tôi nhớ mãi:

Đọc các sách của thầy, thấy hay dùng từ *tàn lửa Thiên Chân* (*spark of the divine*), và có lần tôi... cãi, lý sự rằng *tàn lửa* bé tí tẹo, mong manh, sắp tắt ngúm, nguy quá; tôi hỏi sao thầy không viết *tàng lửa*, tức là đóm lửa Thiên Chân ấy vẫn được cất giấu trong nội thân, còn ẩn chứa trong tâm khảm mình, chờ mình khai phóng, phát huy, làm

cho triển nở. Ấy là tôi trót hiểu theo nghĩa chữ *tàng* 藏!

Nghe vậy, thầy chỉ làm thỉnh nhìn tôi. Chột dạ, tôi chớ dám hé răng thêm nữa.

Mãi rất lâu, rất lâu về sau này tôi mới vỡ lẽ ra và mắc cỡ là mình quá dốt. Chắc hôm ấy trong bụng thầy cũng muốn mắng tôi như vậy, mà chẳng nở.

Lửa Thiên Chân trong con người cứ mỗi một lần phải chịu luân hồi, lằm than trong vòng tục lụy, bị thất tình lục dục lấp che thì lửa Thiên Chân ấy cứ hao mòn dần, phôi pha dần, con người càng tăng thêm tính ác mà càng giảm bớt tính thiện. *Tàn* lửa Thiên Chân tức là chút lửa Thiên Chân hãy *còn sót lại* sau những vòng luân hồi tái kiếp.

Chữ *tàn* 殘 thầy dùng đúng quá rồi mà bởi vì dốt nên tôi mới dám cãi!

*

Thỉnh thoảng đọc báo, đôi khi tình cờ xem thời sự trên màn ảnh nhỏ, tôi thấy rằng không biết tự bao giờ nhiều người sính dùng chữ *khá*.

Chê ai mà bảo *khá thiếu sót, khá sơ sài*... thì tưởng cũng nên, coi như một kiểu uyển ngữ, nói giảm.

Nhưng lạ thay, bây giờ khi khen tặng ai thì phần đông hầu như luôn luôn kèm theo chữ *khá*. Sách đó *khá phong phú*. Kịch bản đó *khá đạt*... Lời khen chỉ tới mức *khá* là hết.

Tôi có trao đổi nhận xét ấy với anh bạn thâm niên làm báo. Anh thủng thỉnh bảo: Họ dè dặt thủ thân ấy mà. Giả dụ bây giờ tôi công khai khen sách ông rất hay, mai kia lỡ ông có “phốt” gì đó khiến “ở trên” phê bình ông, biết đâu tôi sẽ bị liên lụy vì trước đây đã trót thiếu cảnh giác, trót khen ông quá nhiều. Chi bằng chỉ khen là *khá* để còn ngừa hậu hoạn...

Bạn tôi nói mà mặt tỉnh khô. Nhưng tính anh vốn dĩ thích đùa ngầm, tôi chả biết lời anh nói là hư hay thực.

Có điều, mỗi lần nghe ai đó khen *khá hay, khá thành công, khá chuẩn xác*, v.v... thì tôi lại nhớ tới thầy Nhân Tử: Đã khen ai thì cứ khen cho hết lời.

HUỆ KHẢI

Mùng Tám Tết Giáp Ngọ (07-02-2014)

Nguyệt san Công Giáo Và Dân Tộc

số 230, tháng 2-2014



Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ
khai giảng lớp Kinh Dịch ngày 12-02-1973
tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam
171 Cống Quỳnh, quận Nhứt, Sài Gòn



**MỘT NHÀ NGHIÊN CỨU
HÁN-NÔM UYÊN BÁC
ĐÃ VĨNH VIỄN RA ĐI:
BÁC SĨ NHÂN TỬ
NGUYỄN VĂN THỌ (1921-2014)**

HƯƠNG HỒ và NGUYỄN TIẾN DŨNG

Bài viết này có mục đích nhắc lại đôi điều về công trình phiên âm chữ Nôm thế kỷ XVII của bác sĩ Nguyễn Văn Thọ trong các tác phẩm Công Giáo thường được coi là của giáo sĩ Girolamo Maiorica (1605-1656).

Trước đây, khi đề cập đến chữ Nôm Công Giáo ở thế kỷ XVII, ít ai biết đến việc bác sĩ Nguyễn Văn Thọ là người đầu tiên sau năm 1975, từng khảo cứu về chữ Nôm của thế kỷ XVII và đã phiên dịch được hơn 1000 trang chữ Nôm của linh mục Majorica.

Theo chúng tôi được biết, trong các tài liệu Hán-Nôm, người duy nhất đã nhắc đến bác sĩ Nguyễn Văn Thọ là bà Trần Xuân Ngọc Lan ở trang 48 trong sách *Chỉ Nam Ngọc Âm Giải Nghĩa* ⁽¹⁾ do chính bà phiên âm và chú giải.

⁽¹⁾ Hà Nội: Nxb Khoa Học Xã Hội, 1985 (255 trang).

Để tưởng niệm bác sĩ Nguyễn Văn Thọ, một học giả uyên bác trong ngành Hán-Nôm Học, chúng tôi xin được giới thiệu đôi điều trích trong bài viết “*Bút Ký Về Công Trình Chữ Nôm Thế Kỷ XVII Theo Văn Bản Của Giáo Sĩ Maiorica*” do bác sĩ Nguyễn Văn Thọ chấp bút dài 29 trang khổ giấy 8½ in x 11in.

(...) Cách đây vài ba tháng, vào ngày 11-11-1977 thì phải, mới tinh sương, tôi được hân hạnh tiếp một vị đại diện cho ban Ngôn Ngữ Học mà tôi chưa từng quen biết. Sau lời giới thiệu, tôi mới biết đó là anh Hoàng Xuân Việt, một người mà tôi và gia đình đã từng biết phương danh qua vô số là văn phẩm ...

Sau vài câu chuyện xã giao, anh mời tôi cộng tác với các anh trong công trình khảo cứu ngôn ngữ Việt, và nhờ tôi lãnh phần phiên dịch chữ Nôm thế kỷ XVII, qua các văn bản của giáo sĩ Maiorica.

Tôi cũng chưa thấy mặt mũi cái chữ Nôm ấy ra sao, nhưng tôi cũng vui vẻ nhận lời. Ngay từ lúc ấy, tôi đã tin rằng mình có thể làm nổi công việc ấy, với cái vốn liếng chữ Hán và chữ Nôm sẵn có. Lại nghĩ rằng cái chữ Nôm ấy dẫu khó, cũng không thể khó hơn KINH DỊCH, không thể khó hơn THIÊN VẤN, không thể khó hơn những bí quyết của ĐƠN GIA, ĐẠO GIA, là những lãnh vực mà tôi đã từng đơn thương độc mã đi vào, và đã đi vào để thành công ...

Thế là cái con người tôi vốn đã “cổ” rồi từ hôm hội ngộ ấy lại trở nên “cổ lỗ” hơn, vì bỗng dưng trở thành một

“CHUYÊN VIÊN CHỮ NÔM THẾ KỶ XVII”, xô lùi tâm thân về một cảnh đời dĩ vãng cách đây đã gần ba thế kỷ ...

Tới nay, tính lại đã hoạt động trong lãnh vực này gần ba tháng đã:

1. Phiên dịch được:

Tập B1, Ông thánh Giu Ong rửa Đức Chúa Giê Su dưới sông Tô Ra Nô.

Tập B7, Kinh những lễ mùa Phục Sinh.

2. Đọc kỹ lưỡng được:

Tập B3, Dọn mình trước chịu Cô Mô Nhong.

Tập B8, Qua Ra Giê Si mùa ăn chay cả.

3. Phiên dịch gần xong: Tập B14, Các thánh truyện.

4. Đọc qua các tập:

- B2: Truyện Đức Chúa Giê Su, quyển nhất.
- B10: Những điều ngấm trong các ngày lễ trọng.
- B9: Ngấm lễ trong mùa Phục Sinh đến tháng bảy.
- B11: Thiên Chúa Thánh Mẫu (quyển 2).

Như vậy là tôi đã phiên âm, hoặc đã đọc hết các văn bản mà anh Thanh Lãng giao cho tôi.

Ngoài ra tôi cũng còn viết được thêm một bài nhan đề “Những Cảm Nghĩ Của Tôi Nhân Dịp Đọc Các Văn Bản Nôm Thế Kỷ XVII Của Giáo Sĩ Maiorica”.

Trong đó tôi đã trình bày:

Công cuộc khảo sát văn bản Nôm nhan đề “Đức Chúa Giê Su”.

Tầm quan trọng của các văn bản Nôm thế kỷ XVII của giáo sĩ Maiorica.

(...)

7. Dùng hiểu biết ngữ học để phiên âm lại cho chính xác.

Cái khổ nhất của tôi là khi phiên các văn bản Maiorica, gặp phải hai chữ CHI THU. Phiên là CHI THU cho xong như mọi người? vì trên các tài liệu bằng tiếng Việt của bạn Thanh Lãng đều ghi ĐỨC CHÚA CHI THU. Ngay đến tài liệu của bạn ĐỖ QUANG CHÍNH bằng tiếng Pháp sao chép từ Paris cũng đọc là ĐỨC CHÚA CHI THU, hay là sẽ phiên là GIÊ SU?

Riêng tôi, sau nhiều ngày suy tư, tôi đã chứng được rằng hai chữ CHI THU bắt buộc phải đọc thành GIÊ SU mới đúng.

Đứng về phương diện quy luật phiên âm, phải phiên làm sao cho sát với nguyên ngữ.

Trong tiếng Bồ Đào Nha và tiếng La Tinh, đều viết là JESUS.

Alexandre de Rhodes phiên âm là IÊ-SU hoặc JÊ-SU. Như vậy không lẽ Maiorica một đồng chí của De Rhodes lại ngờ nghệch đến mức phiên âm JESUS thành CHI THU. Như vậy có nghĩa là Maiorica viết là CHI THU nhưng theo

quy luật ngữ học phải đọc là GIÊ SU.

Tháng 1 năm 2014, sau khi bác sĩ Thọ qua đời được một tuần, chúng tôi tình cờ tìm thấy nguyên bản Nôm của sách 傳主支秋 *Truyện Chúa Giê Thu, De Vita Christi* được phổ biến trên website *gallica.bnf.fr*. Trong ngành Hán-Nôm Học, đây là một trong những thủ bản chữ Nôm cổ nhất còn sót lại không bị sửa chữa, chữ Nôm ở đây là chữ Nôm của thế kỷ XVII.

Dưới đây là **phụ lục A** phần nguyên bản Nôm một trang của sách B1 傳主支秋 cùng với thủ bút của bác sĩ Thọ mà chúng tôi may mắn có được trong tay.

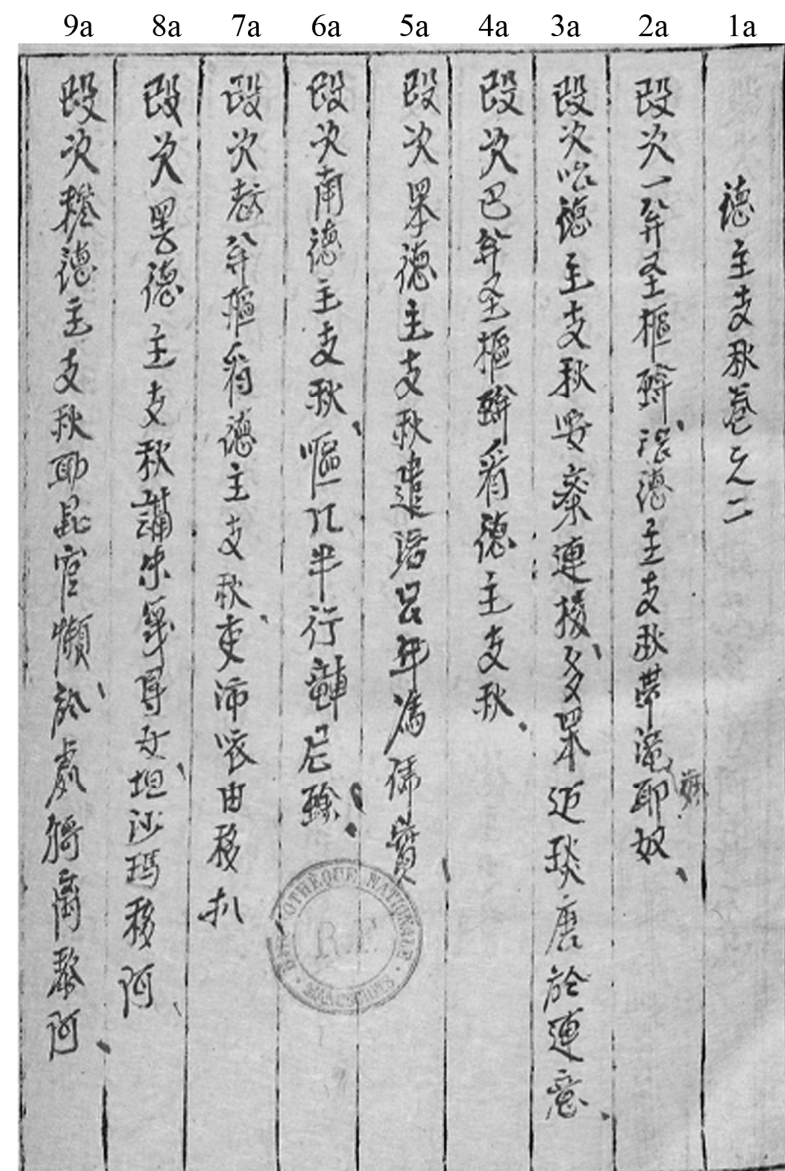
Phần 1 đánh dấu “a” là nguyên bản chữ Nôm do Gallica phổ biến.

Phần 2 đánh dấu “b” là chữ quốc ngữ của bác sĩ Thọ phiên âm từ vi phim (*microfilm*) chữ Nôm do linh mục Thanh Lãng và các cộng sự cung cấp.

Phụ lục B nguyên bản thủ bút của bác sĩ Thọ trích từ bản thảo sách *ĐỨC CHÚA GIÊ SU (De Vita Christi)*, quyển II.

HƯƠNG HỒ và NGUYỄN TIẾN DŨNG
10-02-2014

Xem trang sau: **Phụ lục A**



9b	8b	7b	6b	5b	4b	3b	2b	1b
Đoạn	Đoạn	Đoạn	Đoạn	Đoạn	Đoạn	Đoạn	Đoạn	Đức
thứ	thứ	thứ	thứ	thứ	thứ	thứ	thứ	Chúa
tám	bảy	sáu	năm	bốn	ba	hai	nhất	Giê
Đức	Đức	ông	Đức	Đức	ông	Đức	ông	Su
Chúa	Chúa	Giu	Chúa	Chúa	thánh	Chúa	thánh	Chi
Giê	Giê	khen	Giê	Giê	Giu	Giê	Giu	nhị
Su	Su	Đức	Su	Su	Ong	Su	Ong	
chữa	giảng	Chúa	xua	khiến	khen	ăn	rửa	
con	cho	Giê	kẻ	nước	Đức	chay	Đức	
quan	một	Su	bán	lã	Chúa	trên	Chúa	
lớn	người	lại	hàng	nên	Giê	rừng	Giê	
ở	nữ	phải	trong	vị	Su	đi	Su	
xứ	đất	E	nơi	nho		bốn	dưới	
Ga	Sa	Do	thờ	thật		mười	sông	
Li	Ma	Đê				dặm	Tô	
Lê	Ri	bắt				đường	Gia	
A	A					ở	Nô	
						trên		
						ấy		

Phụ lục B

8 16

Trang 16 nguyên bản

Đoạn 1:

德 (1)	主	支	秋	卷	之	二
Đức	Chúa	Giê	Su	quyển	chi	nhị
Đức	Chúa	Chi	Thu	quyển	chi	nhị
		Iê, ye				

Đoạn 2:

段	次	一	并 (2)	至 (3)
Đoan	thứ	nhất	Ông	thánh
Đoan	thứ	nhất	Ông	thánh
		nhất, nhất		

21/2 樞 璣 (4) 沼 (5) 德

Qu	Ông	rua	Đức
khư, xu	*	*	Đức
Gio, Jo, Ju			

主	支	秋	帶 (6)	滄 (7)
Chúa	Giê	Su	Đai	Sông
Chúa	Chi	Thu	Đai, zai	Sông
	Iê, ye		Đai	

1. 德 2. 翁 3. 聖 4. 圭翁
5. 沼 6. 帶 7. 滄

蘇(1) 耶 奴 22 / 1 16

Tô	Gia	Nô
Tô	Gia	Nô

Dong 3

段	次	么(2)	德(3)	主	支
Doan	thui	hai	Đức	Chua	Giê
Doan	thui	hai	Đức	Chu	Chi

秋 安(4) 齊(5) 連 梭 多

Su	an	hay	trên	ruy	đa
Thu	an	trên	biên	lang	đa

果 迈 琰 唐 於 連

bôn	mai	dâm	duyng	ư	biên
bôn	mai	dâm	duyng	ư	biên

意 意 意 意 意 意

1) 蘇 蘇 2) 咭 3) 德 4) 安 5) 蘇 齊

10. 26/2 16

Dong 4

段	次	巴	翁(1)	聖(2)	樞
Doan	thui	ba	ong	thanh	Qui
Doan	thui	ba	ong	thanh	Qui

聯(3) 看(4) 德(5) 主 支 秋

ong	khên	Đức	Chua	Giê	Su
x	khên	Đức	Chu	Chi	Thu

Dong 5

段	次	果	德(6)	主	支
Doan	thui	bôn	Đức	Chua	Giê
Doan	thui	x	Đức	Chu	Chi

秋 造 治(7) 年

Su	khien	nuoc	lô	nên
Thu	khien	nuoc	lô	nên

為 沛 實

vi	thật	thật
vi	thật	thật

1) 翁 2) 聖 3) 翁 4) 看 5) 德 6) 德 7) 造 8) 儒 9) 儒

Bị chú: chú 為 儒 khai đọc là "nước nho" nơi đũa ý nơi đây.

11. 36 13 16

Song 6

段次南 德 主 支 秋 12 區

Đoan thui nam Đức Chu' Gic Su xua

Đoan thui nam Đức Chu' Chu' Ie, Ie Thu' du

几半 行 轉 尼 蛭余(1)

Ki ban hang hong noi the

Ky ban hanh long/xu ni thi

Song 7

段次 趙 公 樞 (2) 翁

Đoan thui' sau ong Gic khen

Đoan thui' ong Khu, Ie Khan

德(3) 主 支 秋 沛 2 依

Đức Chua' Gic Su phai 2 e

Đức Chu' Chi Thu phai, bai 4

Ie, Ie x

由 移 (4) 扒

do di bat

do di bat bai

Song 8

段次 罢 德(5) 主 支 秋

Đoan thui' bay Đức Chua' Gic Su

Đoan thui' bai Đức Chu' Chi Thu

bay Ie, Ie

1) 蛭, 2) - mat chu ~ 蛭; 3) - 德, 4) - Erode, (Hirode) 5) - 德.

12 20/xu

請 朱 萬 昇 女 坦

gian cho met nguoi nu dat

gang chu viet agai mi than (1)

沙 瑪 移 阿 (2)

Sa ma u a

Sa ma di a

re, re

Song 9

段次 穆 (3) 德 主 支

Đoan thui' tam Đức Chua' Gic

Đoan thui' tam Đức Chu' Chi

Ie, Ie

秋 耶 日 官 懶 (4) 於

Su chua con quan lon

Thu tu con quan lai, lan u

處 荷 高 移 阿

xu ga (5) li a

xu ga li a

Trang xa nguyen bai?

Song 1

段次 今 (6) 德 (7) 主

Đoan thui' chin Đức Chua'

Đoan thui' chin Đức Chu'

1) 主 chu ~ 坦 dat, 2) Samana, 3) 穆, 4) 懶, 5) 主 chu ~ 萬, 6) 今 主 chu ~ 升, 7) 德.

BA TÔI

NGUYỄN QUỐC BÌNH

Tôi viết bài này để tưởng nhớ ba tôi, bác sĩ Nguyễn Văn Thọ. Tôi không biết nhiều về các tôn giáo nói chung và thời gian lúc trẻ sống chung với bố mẹ cũng không giúp tôi hiểu biết thêm về các công trình khảo cứu tôn giáo và văn học của người. Mục đích bài viết này không phải để trình bày những suy tư về đạo giáo hoặc các thành tựu trong văn học của ba tôi, mà chỉ để nói lên những chuyện về mặt trong của gia đình, những bước ngoặt thăng trầm trong đời sống của ba mẹ tôi ở Việt Nam, cũng như những lúc phải đương đầu với những khó khăn về kinh tế khi bước chân đến Mỹ. Nói cách khác, mục đích bài này là gửi đến người đọc một cái nhìn thực tế về cuộc đời ba tôi, một cuộc đời đã để lại cho tôi nhiều bài học và suy ngẫm.

Tôi cũng xin mượn bài này để thay mặt người quá cố nói lên những lời cảm ơn chân thành gửi đến các thân hữu của ba tôi, và xin được viết vài lời nói lên những việc làm mà họ đã âm thầm đóng góp, giúp đỡ ba tôi trong những giai đoạn khó khăn nhất của cuộc đời người.

*

Issaquah, ngày 6 tháng 1 năm 2014

Chiều hôm đó, tôi đến thăm ba tôi tại Issaquah

Rehabilitation Center,⁽¹⁾ nơi người đã nằm trong hai tuần qua sau khi được điều trị viêm phổi và xuất viện. Ba tôi lúc này gầy đi nhiều, chỉ trong vài tuần mà dường như người sụt đi cả chục ký. Tôi đến thăm ba tôi, nhưng chẳng biết người có thấy tôi không. Cặp mắt tinh anh một tháng trước nay chỉ còn lơ lơ, luôn nhìn lên trần nhà. Người thở rất nặng nhọc vì phổi nay đã đầy đàm. Người không còn sức để ho tống ra nữa. Tôi nhìn ba tôi rồi bỗng nhiên bật khóc. Từng giọt nước mắt trào ra không cầm được.

- Ba mệt lắm không ba?

Một câu hỏi rất thông thường, nhưng câu hỏi lần này lại không chờ đợi một câu trả lời chẳng bao giờ đến. Hỏi chỉ để hỏi. Hỏi chỉ vì mong được nghe được một chữ *có* hay *không*. Một tiếng trả lời được, dù yếu ớt, vẫn là một tia hy vọng. Nhưng bây giờ tất cả chỉ còn nghe tiếng thở mệt nhọc. Tôi biết rằng người rất mệt. Một hơi thở là cả cực hình cho người khi phổi đã nghẹt.

Bác sĩ cho tôi biết trong phổi của ba tôi hiện nay đã đầy nước, huyết áp của người yếu dần. Tay chân người có dấu hiệu phù vì áp suất không còn đủ cho thận làm việc. Người *social worker* [nhân viên sở xã hội] nhìn tôi ái ngại. Họ muốn nói với tôi những điều họ không muốn nói, nhưng lại không biết bắt đầu như thế nào. Tôi nói ngắn gọn:

Các chú thích trong bài do Huệ Khải:

⁽¹⁾ *Rehabilitation Center*: Trung tâm phục hồi chức năng người già, bệnh tật, nói tắt là *Rehab*.

- Tôi biết ba tôi sắp mất rồi. Có lẽ chỉ trong một, hai ngày nữa tôi đa.

Rồi tôi khóc. Tự nhiên bật khóc trước mặt người khác, từng giọt nước mắt rơi xuống, giọng nói bỗng nhiên lạc đi dù tôi cố gắng cầm lòng.

- *I am sorry. We will try to make him as comfortable as possible.* [Tôi chia buồn cùng anh. Chúng tôi sẽ cố gắng lo cho cụ được thoải mái tới đa trong lúc này.]

Người social worker nói.

Rạng sáng hôm đó, ngày 7 tháng 1 năm 2014, ba tôi qua đời. Seattle mấy ngày hôm đó mưa rơi tầm tã, bầu trời lúc nào cũng chỉ một màu xám âm đạm, u buồn; không biết có phải vì Trời cũng tỏ lòng thương tiếc người ra đi như thường được mô tả trong các câu chuyện ngày xưa, hay tại lòng mình quá đau buồn nên đã có cảm nghĩ này?

Ba tôi đã mất đi, đó là định luật của Tạo Hóa. Con người sinh ra, ai tránh khỏi cảnh tử biệt sinh ly. Cát bụi lại trở về với cát bụi. Nhưng theo tôi, sự mất đi chỉ là đổi với thân xác con người. Theo luật tuần hoàn trời đất, con người mất đi chỉ là một biểu hiện của sự thay đổi. “*Linh hồn con người còn đó. Con người từ Thượng Đế sinh ra rồi khi mất đi sẽ trở về với Thượng Đế.*” Ba tôi thường nói với tôi như vậy khi tôi còn trẻ, nhưng những lúc đó tôi không có một khái niệm gì về Quy Nguyên Phản Bồn. Ngày nay bỗng nhiên trong lòng tôi lại cảm được điều đó. Có câu nói “*Cái chết chỉ là sự bắt đầu*”, cái chết chỉ là một cách con người

giữ bỏ đi bộ áo cũ để sau đó tiếp tục con đường mình đi ở một nơi khác, một thế giới khác nào đó.

Người đã mất đi, tất cả bây giờ chỉ còn là kỷ niệm. Nói cho đúng, tất cả chúng ta đều sống dựa trên quá khứ, dựa trên kỷ niệm. Tương lai xa xôi, mờ mịt không biết được, hiện tại chỉ tồn tại trong khoảnh khắc, nhưng quá khứ và kỷ niệm là tất cả những gì đã tạo nên ta: yêu, ghét, vui, buồn, hờn, giận, cảm phục hay coi thường... tất cả những cảm xúc ấy của con người giờ đây cũng chỉ do quá khứ và kỷ niệm tạo thành.

Đôi lúc tôi ngồi hồi tưởng lại, các hình ảnh của thời thơ ấu lại hiện ra trước mắt. Tôi nhớ lúc đó tôi còn nhỏ lắm, ba tôi giữ chức vụ thiếu tá y sĩ trưởng bệnh viện Duy Tân ở Đà Nẵng trước năm 1963. Tuổi ấu thơ nhưng tôi quen với hình ảnh những người dân thỉnh thoảng đem biếu một con gà, một chai mật ong rừng, một cặp bánh... những món quà thật sự rất đơn sơ trong ngày Tết. Tôi có hỏi thì được biết do lúc đó ba tôi chữa bệnh miễn phí cho người nghèo nên khi hết bệnh, họ thường đem lại những món quà đó biếu gia đình để tỏ lòng biết ơn, những món quà tuy nhỏ nhưng đậm tình người. Có lẽ những câu chuyện nhỏ đó phần nào đã nói lên cách sống của ba tôi từ những năm người còn trẻ tuổi: Người không cần tiền, không chạy theo xa hoa của xã hội. Cuộc sống tri túc tiện túc này đã góp phần quyết định đời sống của người sau này: Sống vì đạo, sống theo sự suy nghĩ của mình, một cuộc sống *tri Thiên mệnh*.

Lúc tuổi ấu thơ, tôi thường thấy nhà có rất nhiều khách.

Nào là các cha, các sư, rồi các cụ, v.v... tới lui rất thường xuyên. Có một kỷ niệm mà tôi vẫn nhớ mãi, đó là mỗi lần khách đến nhà lúc ba tôi đi vắng, họ hỏi:

- Bác sĩ có nhà không cháu?

- Dạ, ba cháu *ki câu* rồi.

Nhà tôi ở gần sông Hàn (mà lúc nhỏ tôi gọi là sông Bạch Đằng vì đường Bạch Đằng chạy sát bờ sông), nên nhiều người rất thắc mắc. Tại sao bác sĩ lại đi câu cá? Ở Việt Nam lúc đó không có chuyện đi câu cá giải trí như bây giờ. Câu cá chỉ dành cho những người nghèo, cầm chiếc cần câu tre, ngồi bên bờ sông kiếm một vài con cá cho bữa ăn trong ngày. Cũng lầy lăm lạ, ba tôi hỏi:

- Tại sao mỗi lần có ai hỏi ba đi đâu thì con lại nói là ba đi câu cá?

- Con không biết ba *ki câu* nên con nói là ba *ki câu*.

Người bật cười. Đến năm, sáu tuổi tôi vẫn nói ngọng. Tôi muốn nói là *đi đâu* nhưng không nói được! Có lẽ vì bị mọi người chọc ghẹo về chuyện ấy nên từ đó tôi hết nói ngọng.

Lúc nhỏ tôi thích đi chơi nhất là ở Musée Cham [Bảo tàng người Chăm]. Tôi rất mê tượng các vị thần đầu voi,⁽²⁾

⁽²⁾ Là vị phúc thần *Ganesha* hay *Ganesa* trong đạo Bà La Môn (Ấn Độ Giáo). Đạo Bà La Môn du nhập vương quốc Champa (*Campapura*) của người Chăm. Trước kia sử Việt gọi vương quốc này là *Lâm Ấp*, *Chiêm Thành*...

vì chúng đã kích thích trí tưởng tượng của trẻ con. Đó là chưa kể còn mùi thơm của hoa đại với cánh hoa trắng và tâm hoa phơn phớt vàng. Tính con nít, hai anh em leo trèo lên các tượng, các bệ đá cả buổi không muốn về (có lẽ đó là một lý do mà các tượng cổ bị hư hết). Cháu con, ba tôi cũng ở lại chờ bao giờ chúng tôi chơi chán chê mới đi về. Đối với anh em tôi, đó chỉ là các tượng đá, nhưng đối với người, đây là biểu hiện của một nền văn minh cổ xưa, nền văn hóa một thời vang tiếng của người Chăm. Phải chăng vì ba tôi cũng thích khảo cổ học nên hay dẫn anh em tôi ra đây chơi để người có dịp nói chuyện với người giữ viện bảo tàng này?

Thời gian ở tại Đà Nẵng, ba tôi nghiên cứu rất nhiều về đạo giáo Đông Phương, nhất là đạo Khổng, đạo Lão. Sau này tôi mới biết là lúc đó người đã được bầu làm Hội Trưởng Hội Cổ Học Việt Nam và tác phẩm đầu tiên của ba tôi về đạo Khổng là *Khảo Luận Về Phê Bình Học Thuyết Khổng Tử* được ra đời vào năm 1960.

Vào thời đó, ngoài việc nghiên cứu tôn giáo, ba tôi đã bắt đầu dần thân vào con đường chính trị bằng cách ra tranh cử dân biểu Quốc Hội. Người đắc cử, nhưng cuộc đời chính trị có lẽ được Trời định là không phù hợp với người vì chỉ một thời gian ngắn sau là Tổng Thống Diệm đã bị lật đổ vào năm 1963, chấm dứt nền Đế Nhất Cộng Hòa.

Sự thay đổi chính thể đã góp phần đưa gia đình tôi vào Sài Gòn, đưa ba tôi vào một giai đoạn mới. Sau một thời gian thích ứng với hoàn cảnh cuộc sống mới, ba tôi xin giải

ngũ sau vài năm làm việc tại bệnh viện Cộng Hòa.⁽³⁾ Từ đó người lại bắt đầu say mê trong công việc khảo cứu đạo giáo. Hằng ngày, người đi dạy triết học Đông Phương tại Đại Học Văn Khoa, rồi sau đó lại dạy thêm tại Viện Đại Học Minh Đức. Trong thời niên thiếu, việc nhà in mang giấy ronéo hết chồng này tới chồng khác tới tập đến nhà là một hình ảnh rất quen thuộc đối với tôi. Đôi khi đó là một phần bài vở các sinh viên mà họ đã đánh máy xong, chờ ba tôi duyệt lại, hoặc có những phần họ không đánh được, phải đem đến để nhờ ba tôi giải quyết, đó là các chữ Hán. Mỗi ngày người cặm cùi ngồi trong phòng mạch cầm cây bút kẻ *stencil* ⁽⁴⁾ – cây bút với một đầu kim bằng thép – viết các chữ Hán, vẽ các đồ hình âm dương, các quẻ bát quái, các lời chú dẫn trên tờ giấy *pelure* mỏng dính để đưa ra quay ronéo làm bài vở cho sinh viên. Hình thức bài vở của ba tôi ngày xưa rất đơn giản như vậy, phần lớn chỉ là các quyển in ronéo được đóng lại thành từng tập dày.

Một thời gian sau, có lẽ vì không tin vào những người đánh ronéo (có lẽ vì họ đánh sai quá nhiều vì chữ ba tôi rất khó đọc), ba tôi bắt đầu tự tay đánh máy các bài viết của

⁽³⁾ Nay là bệnh viện 175 (thuộc Bộ Quốc Phòng), số 786 Nguyễn Kiệm, phường 3, quận Gò Vấp, TpHCM.

⁽⁴⁾ *Stencil*: Giấy tráng sáp. Khi lắp vào máy đánh chữ đã tháo bỏ băng mực (*ribbon*) và gõ thì sẽ đục thủng lớp sáp. Sau đó lắp tờ stencil vào máy quay ronéo để in ra hàng trăm, hàng ngàn bản. Nếu vẽ hình hay viết chữ Hán thì dùng một bút sắt chuyên dụng. Khi máy photocopy điện tử thịnh hành, kỹ thuật in ronéo liền bị đào thải, cũng như computer đào thải máy đánh chữ.

mình. Ngày ngày, tiếng lóc cóc từ cái máy chữ nhỏ vang lên đều đặn đã trở thành một âm thanh quá quen thuộc. Với hai ngón “mỏ cò”, người đã đánh hết tờ stencil này đến tờ stencil khác cho bản thảo các sách vở. Sau đó là từng quyển ronéo được in ra, nào là các bài vở cho các sinh viên về *Kinh Dịch*, *Trung Dung*, *Hà Đồ*, *Lạc Thư* đóng thành những cuốn dày. Chưa kể một số các bản thảo khác đã được viết trong thời gian này như *Đạo Đức Kinh*, *Hương Tinh Thần*, *Huỳnh Đình Kinh*, v.v...

Trong thời gian này, hoạt động về văn học và tôn giáo của ba tôi càng ngày càng nhiều, chiếm rất nhiều thời gian hằng ngày. Có lẽ đúng như ba tôi từng nói, việc khám bệnh là phụ, chỉ để kiếm cơm qua ngày; còn chuyện dạy học, diễn thuyết, nghiên cứu mới là chính. Các khách văn sĩ và khách đạo như quý ông Phạm Đình Tân, các cụ ở Tam Tông Miếu, linh mục Thanh Lăng, các cụ đạo Cao Đài, v.v... đã trở thành những hình ảnh quen thuộc trong nhà. Trong các vị đó tôi thích nhất là ông Phạm Đình Tân, mà tôi thường gọi là bác Tân, chỉ vì bác là chủ bút tờ *Văn Đàn*, một tờ báo với rất nhiều bài vở mà tôi đã say mê thích thú đọc hồi trẻ. Chính tòa soạn Văn Đàn và bác Phạm Đình Tân đã trao giải thưởng văn học đầu tiên của Tỉnh Việt Văn Đoàn: Giải thưởng Lecomte du Noiüy cho tác phẩm *Trung Dung Tân Khảo* của ba tôi vào năm 1960. Có lẽ cũng nhờ sự khuyến khích của bác Tân mà quyển *Lecomte du Noiüy Và Học Thuyết Viễn Đích* là quyển sách đầu tiên đã ra đời tại Sài Gòn (1968), trước các quyển *Khổng Học Tinh Hoa* (1970) và *Chân Dung Khổng Tử* (1971).

Khoảng năm 1969 thì anh tôi đi du học Tây Đức, trong nhà lúc đó chỉ còn lại ba người.

Ba tôi là một người rất thích đọc sách. Trong những ngày tháng tại Việt Nam, người đi tìm mua sách ở mọi nơi. Nơi nào có bán sách ngoại quốc là nơi đó có dấu chân người. Biết ai có sách quý, sách hiếm về tôn giáo thì thế nào người cũng tìm đến mượn về xin đọc. Rồi nghe ai nói đến một cuốn sách hay nào ở ngoại quốc, người cũng tìm cách nhờ các cha người Pháp mua đem về. Thư viện dòng Tên là một nơi lui tới hằng tuần của người. Các sách chữ Hán thì được mua ở các nhà sách trong Chợ Lớn, hoặc cũng do các người quen tìm về. Theo thời gian các chồng sách tham khảo ngày càng cao dần. Bàn khám bệnh trở thành nơi để sách, bên hông nơi người ngồi khám bệnh cũng là sách, sách để từng chồng từ dưới đất lên trên.

Để tránh việc sách vở dễ lộn xộn, bị hư hỏng, mẹ tôi cho người đóng bìa cẩn thận lại các cuốn sách cũ, nhan đề sách được mạ nhũ vàng trên gáy để dễ tìm kiếm. Rồi các dàn tủ được đóng dựa tường ở khắp mọi phòng trong nhà để đựng các sách. Trong nhà lúc đó, số lượng sách vở có thể lên đến vài ngàn quyển – chữ Hán, tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Việt – được xếp cẩn thận trên các kệ sách. Giấc mơ của ba tôi là có một thư viện trong nhà, giống như các nhà giàu bên Anh hoặc Pháp ngày xưa mà ta thường thấy trong phim ảnh.

Tôi còn nhớ rõ nhà có một cái kho nằm bên cạnh cầu thang đi lên lầu, trong đó có một số sách được để riêng ra.

Trong số đó có những sách chữ Hán rất đặc biệt, không được đóng bìa như những sách khác, vì đây chỉ là nhiều tờ giấy bản trắng tinh dán với nhau thành một tờ dài, rồi xếp lại như cái quạt, có bìa là hai miếng bìa cứng.⁽⁵⁾ Tất cả các chữ trong đó đều được viết tay nhưng rất đẹp. Phải chăng đây là những quyển kinh Phật do một hòa thượng nào đã ghi chép lại từ nguyên bản? Trong nhà tôi lúc đó chắc chắn có nhiều sách quý. Trong quyển *Thượng Kinh* (Kinh Dịch) ba tôi có viết như sau: “*Về Hán Văn, tôi may mắn có bộ Tuần Bổ Ngự Án Kinh Dịch Đại Toàn, xuất bản ngày 18 tháng 3 năm Khang Hy thứ 54, tức 1715, do cụ Phó Bảng Nguyễn Hà Hoàng (Điện Bàn, Quảng Nam) tặng.*” Có lúc tôi nghe ba tôi nhắc đến nhà có cả bộ *Thái Ất Thần Kinh*, sách bói phát xuất từ Kinh Dịch, mà Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm đã học.

Tuổi trẻ lớn lên trong sách vở nhưng tôi lại không biết gì về các tôn giáo. Sách vở tôi đọc nhiều nhất chỉ là các bộ truyện Tàu đã được mẹ đóng bìa cẩn thận để riêng một nơi, hoặc các tạp chí Pháp nói về các chuyện lạ trên thế giới, như người Zulu, Mao Mao tại Phi Châu, các loài khủng long thời tiền sử, các nền văn minh cổ xưa, vũ trụ và thiên văn học. Tôi đọc ít đã thấy là nhiều, trong khi đó ba tôi đọc hết tất cả. Trong mỗi quyển sách, các trang đều mang dấu

⁽⁵⁾ Người Hoa gọi loại sách này là 折本 (chiết bản). Tương tự, người Nhật gọi là *orihon* 折本 (chiết bản). Tiếng Anh gọi là *accordion books, concertina books*, vì cách gấp các trang giấy khiến người ta liên tưởng tới hai nhạc cụ đó.

người tô vàng các phần quan trọng, và ở bên lề, người chú thích luôn sự suy nghĩ của mình về phần đó. Người đọc nhiều nhưng người rất nhớ, nhớ từng quyển sách, từng đoạn văn trong đó. Trong tất cả các sách vở người viết ra đều có rất nhiều chú thích, nhiều dẫn chứng lấy ra từ các quyển sách người đã đọc. Mỗi lần cần dẫn chứng như vậy, người lại tìm bằng được quyển sách đó, giở tới trang đó, dòng đó để có thể lấy làm chú thích. Người đọc nhiều, nhưng không phải là một con một sách. Người đọc để tìm hiểu về các tôn giáo, để tiêu hóa các lời dạy của người xưa và từ đó suy tư tìm ra con đường đạo cho mình.

Tôi lớn lên tại Sài Gòn. Đời sống của một người con rất đơn giản, ngày ngày chỉ đi học, cố gắng làm sao học giỏi để ba mẹ khỏi ưu phiền. Xã hội Việt Nam luôn chú trọng về việc học vấn, con cái học hành đàng hoàng, không chơi bời hoang đàng là cha mẹ đã mãn nguyện. Đó là chưa kể đến việc chiến tranh đang xảy ra trên đất nước, học hành đàng hoàng cũng là để bảo vệ mạng sống người thanh niên. Khi lệnh tổng động viên được ban hành, thì rút một năm sẽ phải đi quân dịch...

Ba tôi dường như không để ý đến cuộc chiến. Không bao giờ trong gia đình lại bàn về chiến sự. Người vẫn tiếp tục dạy học, nghiên cứu và đi diễn thuyết hoặc giảng dạy những lớp Kinh Dịch, Tôn Giáo Đối Chiếu. Những lúc cao hứng nhất của người là khi người dạy đạo và diễn thuyết, dù ở những nơi xa xôi như Tòa Thánh Cao Đài tại Tây Ninh. Người cũng không lo lắng về vấn đề quân dịch của

tôi, bởi người tin là tôi vẫn học giỏi để được hoãn dịch vì lý do học vấn.

Những năm tại Sài Gòn có lẽ đã đánh dấu thời điểm cực thịnh về sự nghiên cứu tôn giáo của người ở trong nước và ngoài nước. Chính tôi lúc đó cũng không biết người là hội viên của Hội Thần Học Quốc Tế từ năm 1966, vì tính ba tôi không hề khoe khoang. Cách nhìn về tôn giáo của ba tôi cũng thay đổi toàn diện. Từ những lúc ban đầu chỉ tập trung vào Khổng Giáo, Lão Giáo, người bắt đầu chuyển sang nghiên cứu sâu về các tôn giáo khác như Phật Giáo, Bà La Môn, Hồi Giáo, Cao Đài. Người nghiên cứu tìm hiểu những sự tương đồng của các đạo. Các bài viết về Tôn Giáo Đối Chiếu được ra đời, và có lẽ cao điểm của tư tưởng người là *Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể*. Đối với ba tôi, các tôn giáo tuy bề ngoài có khác nhau nhưng thực sự cùng phát xuất từ một nguyên lý: Con người từ Thượng Đế mà ra, và cuối cùng sẽ trở lại với Thượng Đế; con đường đi tìm Đạo phải từ trong tâm mình mà ra, không phải do những hình thức bên ngoài đem lại.

Cuộc sống gia đình tôi tiếp tục vẫn yên lặng trong cuộc chiến; tôi đậu xong Tú Tài cả Pháp lẫn Việt, chủ yếu nhờ tự học vì tôi học nhảy, và sau đó là đi học dự bị SPCN⁽⁶⁾ ở Đại Học Khoa Học để thực hiện ý muốn gia đình: Học y khoa nối nghề cha. Cuối cùng tôi thi đậu vào trường Y. Ba mẹ tôi rất vui mừng và hãnh diện vì có đứa con thành đạt,

⁽⁶⁾ SPCN: *Sciences Physiques, Chimiques et Naturelles* (vật lý, hóa học, khoa học tự nhiên, gọi tắt là *Lý Hóa Nhiên*).

dù tôi coi chuyện đó là bình thường. Gắng học thì phải đậu thôi, nhưng lòng cha mẹ là vậy, thương con luôn muốn con mình thành công. Tôi đậu vào trường Y nhưng thực sự tôi lại không mừng bằng cha mẹ mình.

Một sự kiện lịch sử xảy ra khi tôi đang học cuối năm thứ hai: Ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Ba tôi được lệnh ra trình diện học tập vì người là cựu sĩ quan trong quân đội Sài Gòn. Ngày trình diện đến, hôm đó mẹ gói vài bộ đồ, một cái chiếu nhỏ, một túi gạo rồi cả nhà đưa ba tôi đến nơi trình diện. Mẹ tôi khóc, nhưng ba tôi, dù rất lo, cũng nói yên ủi bà:

- Anh chỉ đi có mấy ngày thôi mà, em đừng khóc.

Ba vào trại theo mọi người. Cánh cửa sắt đóng lại. Ra về hai mẹ con lặng lẽ, không nói tiếng nào. Biết nói gì bây giờ?

Ba đi rồi, trong nhà bỗng nhiên vắng lặng. Bình thường ba tôi luôn ở trong phòng mạch làm việc, mẹ ngồi trong phòng khách đọc sách, tôi thì đi học đến tối mới về. Sự tiếp xúc của tôi với cha mẹ ngày thường rất giới hạn cũng giống như tuổi trẻ bây giờ. Tuy nhiên hôm nay ở nhà sự vắng lặng lại tăng lên vì thiếu đi tiếng lóc cóc quen thuộc của máy chữ, một âm thanh quá bình thường nhưng nay trở thành quá thiếu vắng. Trong những ngày đó, mẹ tôi lúc nào cũng buồn bã, như một người mất hồn. Mỗi ngày sau đó tôi đều đi đến nơi ba tôi tập trung để thăm hỏi tin tức. Tới nơi tôi thấy bộ đội canh gác rất cẩn mật. Lúc đó tôi chỉ là một

người khờ khạo, không biết cách hỏi thăm tin tức nên mỗi lần đi như vậy cuối cùng chỉ về không.

Đã gần một tuần trôi qua nhưng gia đình vẫn không có tin tức gì về ba tôi. Một tuần sống trong u sầu, lo lắng. Tôi đang phụ mẹ dọn dẹp nhà cửa thì bỗng nhiên ba tôi lù lù bước vào, trên tay cầm cái chiếu và bị quần áo. Tôi hét lên:

- Má ơi, ba về!

Thế là hai mẹ con quần quýt bên cha hỏi thăm đủ chuyện: Họ có làm gì anh không? Anh được ăn uống đầy đủ không? Trong đó anh làm gì? v.v... và v.v...

- Ở đó họ lấy tờ khai lý lịch, rồi sau đó anh chỉ ngồi nói chuyện, đánh cờ tướng với những người chung quanh mà thôi.

Một câu trả lời rất đơn giản, điển hình cho tính nết ba tôi. Người lúc nào cũng lạc quan, không lo lắng nhiều. Nói ở trong trại học tập, ba tôi chỉ ngồi đánh cờ tướng qua ngày thì tôi tin ngay. Cờ tướng là thú vui tiêu khiển hằng ngày duy nhất của ba tôi. Ai muốn vào gặp đánh một ván cờ, ba tôi đều tiếp. Giàu, nghèo, sang, hèn gì trong bàn cờ đều cũng như nhau. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, các anh đạp xích lô thường vào ngồi chơi cờ với người sau một ngày đạp xe mệt nhọc là một hình ảnh rất quen thuộc hàng ngày.

Những ngày đầu sau 30 tháng 4, trường Đại Học Văn Khoa không còn ban Triết Đông, phòng mạch đóng cửa vì không có khách, hoặc không có thuốc. Tất cả bệnh nhân

đều qua y tế phường, rồi lên quận, v.v... Ba tôi không còn lương vì không đi dạy học được, phòng mạch thì đóng cửa, nhà sống nhờ vào lượng nhu yếu phẩm... đời sống gia đình tôi đây khó khăn.

Nhưng chuyện mất mát lớn nhất của ba tôi lúc đó không phải là tiền bạc. Phường khóm kêu gọi mọi người dẹp bỏ văn hóa phẩm đồi trụy. Vì lo sợ, mẹ tôi đem tất cả các sách trong nhà ra đi bán ve chai hết. Những quyển sách từng được nâng niu, đóng bìa da chữ mạ vàng, các quyển sách cổ, các quyển sách quý nay bỗng nhiên thành một đồng giấy vụn, cân ký mang đi. Chỉ trong vòng ba bốn ngày, nhà không còn một quyển sách nào. Bao nhiêu năm tâm huyết sưu tầm sách vở, đã bao nhiêu thời gian bỏ ra để từng trang giấy được gạch vàng với lời chú thích cẩn thận nay bỗng biến thành mây khói. Lúc đó tôi thực sự không thấu hiểu được nỗi buồn của ba tôi. Chỉ đến sau này, trong những tháng ngày từ California dọn về Washington, khi người liên tục hỏi về một cuốn sách đã mất đi trong lúc dọn nhà, tôi mới ý thức được chuyện đó. Một cuốn sách đã quý như vậy, mà mất đi một thư viện sách quý thì lòng đau biết chừng nào! Cũng may, trước đó ba tôi đem các bản thảo của người photocopy thành nhiều bản và đã gửi cho anh tôi hoặc cho các người quen ở ngoại quốc nên các công trình nghiên cứu của người vẫn tồn tại.

Một thời gian sau, phòng mạch ba tôi mở lại, nhưng số bệnh nhân rất giới hạn vì thuốc men không có nhiều. Thuốc men nếu muốn có phải mua từ chợ đen. Những người bán

thuốc chợ đen đến từng phòng mạch mời chào thuốc, rồi sau đó đi tìm thuốc tùy theo nhu cầu của bác sĩ. Vì ít bệnh nhân, ba tôi có nhiều thời gian nghiên cứu thêm về châm cứu, một phong trào đang được khuyến khích để đối phó với nạn thiếu thuốc men trầm trọng. Thực sự, người đã nghiên cứu về châm cứu rất lâu từ trước. Ngày nay vì nhu cầu cuộc sống, người bắt đầu học lại, và ngay cả sau khi sang Mỹ, có một thời gian người cũng tiếp tục học châm cứu và được thảo Đông y cùng với các vị lương y trong khi chờ đợi một bệnh viện nhận vào để thực tập.

Một thời gian sau đó, vào khoảng năm 1977, ba tôi được học giả Hoàng Xuân Việt mời góp sức trong việc nghiên cứu, dịch các bản chữ Nôm thế kỷ thứ 17 mà vị học giả này (cùng linh mục Thanh Lãng và linh mục Đỗ Quang Chính) đã nhận được từ Ban Ngôn Ngữ Học thuộc Viện Khoa Học Xã Hội.

Từ đó mỗi ngày ba tôi đạp chiếc xe đạp mini để đi họp, hoặc lấy tài liệu chữ Nôm về nghiên cứu, dịch thuật. Đây cũng nhờ ba tôi rất giỏi về chữ Hán, mặc dù tự học từ trẻ. Người có thể viết chữ Hán giỏi hơn người Hoa chính gốc, nhưng người lại không nói được. Chuyện không nói được tiếng Trung vẫn không ảnh hưởng gì đến sự nghiên cứu vì nó chỉ đòi hỏi đọc và viết nhiều hơn là nói. Dù không biết về chữ Nôm, người dám nhận việc dịch vì theo suy luận của người, tất cả chữ Nôm đều được thành lập dựa trên nguyên tắc: Chữ Nôm gồm hai phần, một phần là nghĩa viết bằng chữ Hán, còn một phần là âm Việt. Nắm được quy

luật này, nếu ta tìm thêm được quy luật về âm, ta sẽ nắm được nghĩa của chữ Nôm. Sau này tôi mới biết là người đã dịch được cả ngàn trang chữ Nôm, đóng góp một phần rất quan trọng cho sự nghiên cứu lịch sử nền văn hóa Việt Nam. Ba tôi đã tiếp tục một việc người định làm khi còn là thành viên của Ủy Ban Diễn Chế Văn Tự,⁽⁷⁾ một ban được thành lập nhưng không có thành quả để rồi cuối cùng cũng lạng lẽ giải tán.

Hình ảnh ba tôi đạp chiếc xe đạp mini trở thành quen thuộc trong đời sống hằng ngày của gia đình. Thời đó lượng xe máy cũng ít vì xăng chỉ được phân phối theo tiêu chuẩn. Ba tôi không đi xe gắn máy không phải vì thiếu xăng, nhưng thực sự vì người không hề biết đi xe gắn máy. Nếu ba tôi rất giỏi về văn học, thì ngược lại, khi nói đến kỹ thuật người rất dở. Cũng có lẽ do đó mà lúc nào ai làm được một việc gì cho người (thí dụ như gắn VCR vào TV, cho dầu vào ổ ngách cửa để khỏi kêu, v.v...) thì nhận được ngay một tiếng khen: *Con / anh / cô giỏi quá!* Lời khen không mất tiền mua, nhưng mấy ai làm được chuyện khen một người khác, nhất là khen thật từ lòng mình.

Tuổi còn trẻ nhưng tôi quyết định lấy vợ, và tiếp tục học ở hai trường Y và Khoa Học, nơi tôi gặp vợ tôi. Lúc đó vừa đi học nghề, vừa học chính trị, vừa đi lao động cả hai bên, dường như tôi đã quên mất sự lo âu, buồn bã của ba mẹ.

⁽⁷⁾ Thành lập ở Sài Gòn khoảng cuối thập niên 1960, trực thuộc Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc Trách Văn Hóa. Đứng đầu Phủ này là cư sĩ, nhà Phật học Chánh Trí Mai Thọ Truyền (1905-1973).

Lấy tiền mừng đám cưới, tôi mua một bàn bóng bàn để cho thuê, một nghề mà phường xóm không để ý. Thế là ngoài việc khám bệnh, nghiên cứu chữ Nôm bỗng nhiên bây giờ ba tôi lại có thêm một công việc mới vào ban ngày: Cho thuê bàn đánh bóng bàn.

Bình thường bàn chỉ được cho thuê từ 6 giờ chiều, sau lúc tôi đi học về, nhưng khi có nhiều trẻ xung quanh nhà muốn hỏi thuê bàn ban ngày thì ba tôi cũng đồng ý. Giá cho thuê nếu ba tôi không biết là bao nhiêu thì được đám trẻ cho biết. Rồi khi nhìn vào hộp đựng tiền cho thuê trong ngày, đôi lúc thấy quá ít ỏi, ba tôi lại lén bỏ vào thêm chút ít tiền riêng cho con vui. Từ chuyện nhỏ đó, ba tôi đã dạy cho tôi một điều: *Ở đời ta không cần phải làm một việc gì lớn lao cho một người khác để giúp đỡ họ, vì thực sự nếu có lúc họ cần một sự giúp đỡ lớn thì ta cũng không làm nổi. Hãy làm những chuyện nhỏ cho mọi người; một lời khen, một nụ cười, một món quà nhỏ đã có thể đem lại niềm vui cho người khác và cho chính mình.*

Đến đây tôi tạm ngưng nói về ba tôi, và xin được đôi lời cảm nghĩ về mẹ. Nói về ba tôi mà không nói đến mẹ là một điều thiếu sót lớn. Sự thành công của ba tôi trong sự nghiệp văn học sẽ không như ngày nay nếu không có công lao âm thầm đóng góp của mẹ. Người đời chỉ nói đến sự thành công của người đàn ông nhưng không ai nhắc đến người đàn bà đã làm gì, có lẽ vì không biết, hoặc phải chăng họ sợ rằng khi nói về người vợ sẽ làm mất đi hào quang của người đàn ông? Người ta chỉ nói đến ông A có một người

vợ hiền thực chăm lo chồng con. Thế là hết. Ở đây, tôi thấy cần phải nói về mẹ và sự góp phần thầm lặng của người ra sao.

Nếu nói vạn vật đều có âm dương, thì ba mẹ tôi quả thật là dương với âm. Nếu ba tôi là một người rất vui vẻ, cởi mở, hoạt bát thì mẹ tôi lại rất nghiêm nghị, khó khăn, ít nói, ít giao thiệp. Nếu ba tôi thích ra ngoài thì mẹ chỉ thích ở trong nhà như một phụ nữ Á Đông ngày xưa. Câu nói *Nắng không ưa, mưa không chịu, ghét gió, kỵ mù sương* áp dụng thật đúng cho mẹ tôi. (Nhưng cũng nhờ vậy, ngày nay tuổi đã tám mươi mà mẹ vẫn còn làn da trắng mịn như người tuổi ba mươi.) Nếu ba tôi dễ dãi với mọi người thì mẹ tôi lại rất khó khăn, ai làm điều gì trái ý người là sẽ bị la mắng. Nếu ba tôi rộng rãi về tiền bạc thì mẹ tôi lại rất tiết kiệm, không bao giờ mua một món đồ nào phung phí. Tuy vậy, nếu thấy cần thì bà lại mua những loại tốt nhất, đẹp nhất, bền nhất cho gia đình.

Trong cả thời niên thiếu, tôi luôn luôn gần ba hơn là mẹ vì tính dễ dãi chiều con của ông. Muốn cái gì thì tìm cách xin ba chứ không dám xin mẹ. Nhưng khổ thay, quyết định của tổng thống cũng phải cần có quốc hội thông qua, nên nếu mẹ không đồng ý thì coi như việc đó không xong! Sự khó tính của mẹ tôi đôi khi đã tạo ra ngăn cách giữa mẹ và con.

Trong những năm tại Sài Gòn, trong khi ba tôi chú tâm nghiên cứu tôn giáo thì mẹ tôi tìm cách bù đắp vào lỗ hổng kinh tế gia đình. Bà tôi mất sớm; dù là con áp út trong sáu

anh chị em, từ lúc mười lăm tuổi mẹ tôi đã đứng ra cai quản một cửa hàng tại Hà Nội thay thế người chị cả bị ở tù vì chống Pháp. Tuổi trẻ nhưng mẹ tôi đã giao dịch, buôn bán, lo hết đời sống kinh tế cho cả gia đình. Vào tới Đà Nẵng và Sài Gòn, mẹ tôi là người đứng ra lo xây dựng nhà cửa, vẽ mẫu nhà rồi đưa cho kiến trúc sư làm bản vẽ. Sau đó tự người mướn cai, thợ, kiểm soát các vật liệu xây dựng và đốc thúc thợ xây cho đúng. Khi ba tôi lo việc đạo thì mẹ ngồi nhà buôn bán kim cương, rồi sau đó mở lớp dạy nữ công gia chánh. Thị trường cần gì là bà nhảy vào làm chuyện đó: Nấu nướng món gì thì tùy theo nhu cầu người học, bà dạy vẽ áo dài khi áo dài vẽ là một mới. Sau tháng 4 năm 1975 thì dạy đàn máy khi thị trường có phong trào đàn áo lạnh xuất cảng qua Nga, v.v...

Mẹ tôi có một quan niệm rất đơn giản: “*Nếu người ta làm được là mình sẽ làm được.*” Trong khi ba tôi tính bừa bãi thì ngược lại mẹ tôi rất gọn gàng, ngăn nắp. Sách vở của ba được sắp xếp lại cũng do mẹ mướn người đóng kệ tủ, đóng bìa, xếp đặt cho có thứ tự thay vì để từng chồng sách ngổn ngang dưới đất. Hiểu được tính người, mới thấy được vai trò của mẹ tôi sau khi ba mẹ di cư sang Mỹ.

Đến năm 1982, ba mẹ tôi xuất cảnh sang Mỹ. Ở Texas một thời gian ngắn với bác tôi, ba mẹ dọn qua California thuê nhà tại Costa Mesa để ba tôi có thể học thi bằng tương đương ECFMG và FLEX. Khoảng một năm sau thì ba tôi báo cho biết người đã đậu được bằng tương đương kể cả TOEFL. Khi nghe xong chuyện này thì một người ngoài

ngành Y không cảm thấy gì hết, coi đó giống như một chuyện bình thường, nhưng đối với những người đã học Y như tôi, thì tôi cảm thấy vô phần bội phục ba tôi. Kiến thức về y học của người do các giáo sư Pháp giảng dạy từ trước năm 1950. Sau trên ba mươi năm, nền y học thế giới đã tiến bộ và thay đổi rất nhiều, từ bệnh tật cho đến các phương thức chẩn bệnh và trị bệnh. Một thí dụ đơn giản là các bệnh AIDS, cúm gà, cholesterol cao, các máy siêu âm, CatScan, MRI ngày xưa không có, cách trị bệnh tiểu đường, tim mạch cũng hoàn toàn khác hẳn. Ba tôi đã lấy bằng tương đương, thực sự cũng giống như học lại hoàn toàn chương trình bốn năm Y Khoa mới, giảng bằng tiếng Mỹ, mà hoàn tất trong vòng một năm. Đối với một người Mỹ trẻ, chuyện này còn thấy khó khăn huống chi đây là một người Việt, nói tiếng Việt, ở tuổi sáu mươi hai. Đúng là một chuyện ít ai, nếu không muốn nói khó ai, làm được.

Nhưng tại Mỹ, không phải đậu xong là đi hành nghề được. Tất cả còn tùy thuộc thêm vào việc mình có được nhận vào một bệnh viện nào để đi thực tập hay không. Đây thực sự là một vấn đề nan giải cho ba tôi. Vì tuổi đã già, tiếng Anh nói không bằng người Mỹ nên người đã bị các bệnh viện tại California từ chối khéo không nhận. Cũng vì trở ngại ngôn ngữ nên phần lớn các bác sĩ Việt Nam trẻ thì đậu lại bằng tương đương đều ở lại California để khám bệnh cho người Việt. Nếu còn trẻ và có tiền bạc, ba tôi có thể xin đi phỏng vấn tại các bệnh viện ở những tiểu bang khác; tuy nhiên, với điều kiện kinh tế khó khăn (một lần phỏng vấn cũng phải mất trên 1000 USD cho tiền vé máy

bay, tiền thuê khách sạn, xe cộ đi lại và tiền nộp đơn xin phỏng vấn), người đã nấn ná ở California, nhất là nơi đây người có nhiều bạn bè cũ cũng như mới nhờ tính hòa đồng của người. Trong thời gian này, một số bạn trẻ học chung với người rủ người chuyển ngành qua làm Đông y. Ít nhất ngành Đông y không bị đòi hỏi làm việc tại nhà thương, hoặc chịu các sự kiểm soát chặt chẽ khác như Tây y. Nhưng thực sự người học châm cứu, Đông y được thảo có lẽ vì tinh thần tìm hiểu nhiều hơn là muốn trở thành đông y sĩ.

Về phần mẹ, người cũng xin đi học hai năm lấy bằng về nghề giữ trẻ (*child care*). Ra trường, bà đi làm để kiếm thêm tiền đắp vào tiền trợ cấp. Đi làm chỉ được một thời gian ngắn thì bà bị đau lưng. Sau khi cho chụp hình, bác sĩ cho biết xương sống của bà đã mục nhiều, và bà không thể khiêng vật gì nặng như ẵm một đứa trẻ, do nguy cơ gãy xương sống. Thế là bà phải nghỉ việc, không dám làm gì nặng nữa. Mấy năm đèn sách theo học để lấy bằng *Associate* nay trở thành công dã tràng.

Trước bao nhiêu trở ngại ba tôi vẫn không chùn bước. Người bắt đầu tự học tiếng Mỹ. Ở California người Mỹ rất nhiều. Biết được tiếng Mỹ là một ưu điểm trong khi đi phỏng vấn. Người hy vọng ưu điểm này có thể giúp người vượt qua nhược điểm của tuổi già và ngôn ngữ. Thế là ra đường gặp người Mỹ nào người cũng chào hỏi, nói chuyện với họ, và kết quả là tiếng Mỹ của người tiến bộ rất nhanh. Cùng thời gian đó ba tôi trở lại con đường mà người rất

thích: Nghiên cứu các tôn giáo, đi giảng dạy văn hóa Đông Phương và Kinh Dịch cho các thân hữu.

Vào những năm đầu của thập niên 80, người Việt sống tại nước ngoài gặp một khó khăn rất lớn: Đó là đánh tiếng Việt. Ở Việt Nam ngày xưa có những máy chữ với các nút đánh dấu tiếng Việt. Nhưng tại Mỹ, các máy này không có bán vì cộng đồng Việt Nam thật sự quá nhỏ, mà nếu có bán thì mình cũng không biết mua ở đâu. Muốn đánh một văn bản tiếng Việt, chỉ còn cách là đánh máy giống như tiếng Anh, rồi ngồi dò lại, dùng bút đánh dấu từng chữ. Tiếng Việt viết mà không bỏ dấu thực sự không còn là tiếng Việt, đọc xong đôi khi còn gây ra hiểu lầm. Các sách vở Việt Nam in ra lúc đó tất cả chỉ là những bộ sách ngày xưa đem từ Việt Nam qua; thí dụ như các bộ truyện kiếm hiệp, được photocopy lại rồi theo đó mà in sách nên hình ảnh, nét chữ lem nhem. Nhưng dù sao có vẫn hơn không, các quyển sách đó vẫn đánh dấu những bước đầu cho nền văn học Việt Nam tại hải ngoại. Đó cũng là cách mà quyển *Khổng Học Tinh Hoa* được in tái bản tại Mỹ vào năm 1987 nhờ sự giúp đỡ của các anh Nguyễn Công Bằng (báo *Hành Trang*), Nguyễn Duy Chính và một số thân hữu, và sau đó là quyển *Chân Dung Khổng Tử* vào năm 1988.

Một thời gian sau có một cú tinh ra đời: Các máy vi tính cá nhân (PC: *Personal Computer*). Nhờ Microsoft và IBM, giá cả các máy tính càng ngày càng hạ xuống và người tiêu dùng có thể mua được máy tính để dùng tại nhà, đánh các văn bản rồi dùng máy in ra. Máy vi tính ra đời đã

giúp việc đánh máy bài vở trở nên dễ dàng hơn. Các lỗi chính tả, lỗi ngữ pháp có thể được dò và được sửa lại ngay trên màn ảnh mà không cần đến nước *corrector* để xóa các chữ đánh sai như khi dùng máy đánh chữ. Đó là chưa kể lời văn có thể được sửa lại, thêm bớt trước khi bài được in ra, một chuyện máy chữ không thể làm được. Chỉ trong thời gian ngắn, máy vi tính ra đời đã hoàn toàn khai tử máy đánh chữ.

Công nghệ phần mềm như *Lotus Note* được phát triển để người dùng đánh văn bản. Tuy nhiên những phát minh đó cũng để dùng đánh tiếng Anh không phải tiếng Việt. Nhưng cuối cùng một phần mềm đánh tiếng Việt đầu tiên cũng được ra đời tại California: Đó là VNU (không phải VNI). VNU là một phần mềm ra đời trước khi có Windows, chạy trên DOS, giúp đánh tiếng Việt với một ít fonts riêng rất đơn giản và không có *formatting* (định dạng văn bản). Dùng VNU với DOS cũng tương tự như dùng máy chữ, chỉ khác là sửa bài vở được trước khi in ra mà thôi.

Nhờ VNU, ba tôi bắt đầu có thể đánh lại một số các bản thảo ngày xưa quay ronéo mà người đã gửi được đi ngoại quốc từ trước. Cũng nhờ VNU mà một số các bài mới viết về tôn giáo được ra đời, được lưu lại trong máy tính. Người lại hăng say làm việc, viết bài, giảng Kinh Dịch, triết Đông.

Rồi ba mẹ tôi từ bỏ căn nhà thuê tại Costa Mesa để dọn về Bolsa. Mẹ tôi luôn luôn muốn mua nhà, không muốn ở mướn. Với một số tiền nhỏ dành dụm được đã lâu, bà mua

một *mobile home* ⁽⁸⁾ tại khu Bolsa để thực hiện giấc mơ của người Mỹ: Giấc mơ có được cái nhà riêng của mình.

Mọi việc đang diễn ra suôn sẻ, đời sống trôi qua một cách bình thản thì vào tháng 9 năm 1989, một cú điện thoại gọi lên từ California cho tôi báo tin sét đánh: Một cơn tai biến mạch máu não đã làm ba tôi liệt nửa người vào lúc sáu mươi tám tuổi! Khi tôi xuống thăm ba tôi lúc người còn nằm trên giường bệnh, người nhìn tôi rồi chỉ nói:

- Ba bây giờ đã trở thành người vô dụng rồi!

Một câu nói đơn giản, nhưng chứa bao nhiêu sự buồn rầu, nản chí, nếu không muốn nói là chán đời. Tất cả nay đều chấm dứt hết. Tất cả các buổi giảng dạy, tất cả bài viết đều ngừng lại. Giấc mộng trở lại ngành Y dù nhỏ nhoi nay cũng đã tắt. Nhìn thấy người buồn rầu, tôi không biết nói câu gì để an ủi. Ở tuổi sáu mươi tám của người, một người khác đã về hưu, nghỉ ngơi rồi, nhưng từ đó đến giờ ba tôi vẫn hăng say làm việc không ngừng nghỉ. Cơn bệnh đột quỵ (*stroke*) là một cú sốc lớn cho người. Người buồn vì cảm thấy tất cả những việc làm từ trước đến nay bỗng

⁽⁸⁾ *Mobile home* là những nhà tiền chế (*manufactured home*), làm bằng vật liệu nhẹ (như nhôm). Một nhà tùy theo diện tích lớn nhỏ có thể gồm một, hai hoặc ba phần theo chiều dài (*single-wide, double-wide, triple-wide*). Các phần này được những xe tải lớn kéo từ nơi sản xuất, hay từ chỗ ở cũ đến lô đất mới, rồi được lắp ráp liền lại với nhau. Một căn nhà hai phần thường rộng cỡ 1.440 square feet (tương đương 439 mét vuông), chia ra nhiều phòng.

nhien trôi theo dòng nước. Sách vở khảo cứu đọc rất nhiều, bản thảo viết đã xong, nhưng bây giờ làm gì với chúng đây? Đầu óc còn rất minh mẫn, nhưng với thể xác bị bệnh, người nay còn có thể làm gì? Với câu nói đó, người đành buông tay đầu hàng nghịch cảnh.

Ba tôi buông tay, nhưng có một người không chịu thua trước nghịch cảnh: Đó là mẹ tôi. Nhìn chồng buồn vì các nghiên cứu của mình nay chỉ còn là những trang giấy, một máy vi tính đóng bụi, mẹ làm một quyết định táo bạo: Sẽ cho xuất bản các tác phẩm của chồng, bắt đầu bằng tác phẩm nói lên một đề tài bao năm nay ba tôi đã giảng dạy: bộ *Kinh Dịch*.

Nhưng không phải mình muốn in là in. Tất cả các bài về Kinh Dịch vẫn chỉ là một tập hợp các bản thảo quay ronéo ngày xưa được đóng thành từng tập, như *Thượng Kinh, Hạ Kinh, Hà Đồ, Lạc Thư*, v.v.... Các nhà in chỉ nhận bản thảo dưới dạng *digital* (số hóa), và dù có bài đã được đánh máy nhưng họ thể không thể dùng vì chúng được đánh bằng VNU, khổ trang 8x11in., không định dạng. Tôi còn nhớ ban đầu mẹ tôi dùng VNU đánh và in ra một số trang theo khổ sách nhỏ, sau đó thì người ngồi vẽ lại các hình, các quẻ rồi cắt ra dán vào từng trang giấy. Cách thức làm sách để in của mẹ tôi trong những lúc ban đầu cũng tương tự như những lần trước mà người đã quên: Trình bày từng trang sách, đem photocopy, rồi đưa cho nhà in để in ra.

Mẹ tôi quên rằng hiện nay có một khác biệt lớn so với lần trước: Đó là các bộ sách in tại Việt Nam dù sao chẳng

nữa cũng đã được trình bày trước khi ấn hành nên dùng bản photocopy để in lại khá dễ có thể chấp nhận được; còn hiện tại mẹ chỉ có các bản thảo ronéo cần phải được đánh và trình bày lại từ đầu. Muốn trình bày một quyển sách để in được là chuyện cực kỳ khó đối với người không hề có kinh nghiệm nào về ấn loát. Nhìn mẹ dán từng hình ảnh vào từng trang giấy, lúc đó tôi mới thấy thấm thía câu nói của mẹ: “*Nếu người ta làm được là mình sẽ làm được.*”

Một vấn đề khác nữa: Không giống như *Khổng Học Tinh Hoa* và *Chân Dung Khổng Tử*, bộ *Kinh Dịch* lại có rất nhiều chữ Hán. Muốn in bộ này, ba tôi đã đề nghị bỏ đi phần chữ Hán, nhưng mẹ tôi không chịu, vì theo người làm như vậy sẽ giảm giá trị của bộ sách nhiều lắm.

Lúc đó trên thị trường, Windows và Word đã ra đời, đánh dấu một bước ngoặt lịch sử trong vấn đề ấn loát. Word là phần mềm giúp người ta đánh và định dạng bài vở một cách chuyên nghiệp. Rồi một phần mềm khác là VNI được dùng kết hợp với Microsoft Word để đánh tiếng Việt. VNI với các fonts Việt Nam đã giúp ta đánh được tiếng Việt, còn Word đã đóng vai trò giúp định dạng và trình bày (*layout*). Cũng như PC đã giết chết máy chữ, VNI và Word đã giết chết VNU.

Khi quyết định in bộ *Kinh Dịch*, ba mẹ tôi phải đối phó những vấn đề cần phải giải quyết sau đây:

1. Cần phải có Windows, Word, và VNI. Giải quyết vấn đề này là chuyện dễ dàng nhất: Chỉ cần bỏ tiền mua một máy PC cùng với Word và VNI là xong.

2. Sau đó là dùng Word và VNI đánh các bài vở *Kinh Dịch*. Nói thì dễ, nhưng bắt đầu học dùng Word và định dạng thật sự không đơn giản.

3. Làm cách nào xử lý phần chữ Hán, mà bộ *Kinh Dịch* lại có rất nhiều chữ Hán?

Để giải quyết vấn đề 2, lúc đó tôi mượn người đánh máy, trong khi đó tôi soạn ra các *formats* và dùng *stylesheets* của Word. Với *stylesheets*, việc định dạng văn bản trở nên dễ dàng hơn, chỉ cần thay đổi *style* là sẽ ảnh hưởng lên cả quyển sách.

Vấn đề 3 khá phức tạp. Muốn đánh chữ Hán lúc đó ta phải dùng một phần mềm khác, là Song Kiều. Dùng VNI để đánh tiếng Việt ta đã thấy mệt mỏi, nhưng đánh chữ Hán bằng Song Kiều thì thực sự mệt mỏi tăng gấp cả trăm lần. Đánh tiếng Việt chỉ cần nhớ thêm các số 1, 2... để đánh dấu, tuy chậm hơn một chút nhưng rồi cũng xong vì ai đánh cũng được, bởi đó là tiếng Việt. Nhưng đến chữ Hán, chỉ có ba tôi mới đọc được chúng mà thôi. Vì vậy người bắt buộc phải tập dùng Song Kiều. Nhưng khổ nỗi là khi muốn đánh một chữ Hán, Song Kiều đòi hỏi ta phải đánh phiên âm Pinyin của nó trước, rồi sau đó tắt cả các chữ đồng âm đều hiện lên, rồi ta mới chọn đúng chữ mình muốn. Nhưng ba tôi đâu có nói được tiếng Trung để biết phiên âm các chữ?

Thế là để đánh được một chữ Hán, người phải:

- Tra tự điển để tìm âm Pinyin của chúng.
- Đánh âm đó vào để các chữ đồng âm cùng hiện lên.
- Rồi sau đó lựa một chữ.

Nội phần tra tự điển tìm âm cũng mất không biết bao nhiêu thời gian! Có những chuyện bình thường không ai để ý đến vì chúng quá nhỏ nhặt, nhưng thực sự mở quyển tự điển dày bằng một tay đối với ba tôi là một chuyện khá khó, vì không có gì để chặn, quyển tự điển sẽ có khuynh hướng đóng lại khi mình đang lật trang!

Tôi phụ ba tôi một phần bằng cách lên Internet tìm bộ Kinh Dịch chữ Hán. Nhờ Google, chuyện tìm kiếm này rất dễ dàng. Mặc dầu không đọc được chữ Hán, nhưng tôi cũng nhìn được mặt chữ, rồi sau đó sao chép, cắt và dán các phần chữ Hán vào trong bài. Phương pháp này vừa nhanh, gọn, dễ làm và lại chính xác.

Như tôi đã nói trên đây là mẹ rất khó tính, nên chỉ sau một thời gian ngắn thì người đánh máy phải nghỉ việc vì không vừa ý mẹ. Từ ngày đó ba mẹ tôi cùng nhau đánh máy bộ sách, vừa đánh máy vừa viết thêm các phần thí dụ, tham khảo của ba tôi, rồi sau đó là các lời bình của mẹ tôi. Công việc bây giờ không còn là việc đánh sách thuần túy từ các bản thảo nữa, mà nay nó đã trở thành một công việc sáng tác. Từ đó hai người làm việc ngày đêm không ngừng nghỉ. Chúng ta hãy tưởng tượng hình ảnh đánh sách của hai người già: Một người chỉ còn một tay, gõ từng chữ chậm chạp; người kia không khá gì hơn, cũng phải mò cò từng chữ vì chưa bao giờ biết đánh máy, nay lại phải học định dạng các trang sách cho hợp ý mình, rồi còn phải lo việc dọn dẹp nhà cửa, đi chợ, nấu nướng, rồi sau đó là phải làm việc với nhà in.

Vì những khó khăn tưởng chừng không vượt nổi đó, phải mất hết trên năm năm bộ sách mới hoàn thành, và đến năm 1997, mẹ tôi đã cho in bộ sách đầu tiên thực sự tại Mỹ, bộ *Kinh Dịch Đại Toàn* (ba quyển). Phải gọi đó một công trình đáng kể của hai người.

Một bộ sách đã được cho ra đời, nhưng đó mới chỉ là một bộ, ba tôi còn nhiều bản thảo khác. Phần lớn các bài này đã được đánh xong, nhưng dưới dạng VNU. Khi ta nhìn một bài viết trên màn ảnh, sở dĩ ta đọc được bài đó vì nó được hiển thị bằng một *font*. Một bài viết bằng VNU thì chỉ có thể đọc được và hiển thị được bằng font VNU. Khi dùng Word mà mở một bài dùng font VNU thì nó không hiển thị được bài này vì không có font VNU cho Word.

Muốn giải quyết vấn đề này chỉ có hai cách:

- Dùng VNI đánh lại hết sách vở.
- Làm cách nào chuyển được VNU thành VNI.

Đánh hết lại số sách là một chuyện không đơn giản vì số lượng quá nhiều. Qua kinh nghiệm làm bộ Kinh Dịch, chuyện đòi hỏi ba mẹ tôi đánh hết lại các bản thảo là một chuyện không tưởng vì thời gian cần thiết phải bỏ ra có lẽ cũng mất mười, mười lăm năm!

Cũng may là tôi chuyên viết phần mềm vì tính nên nhìn vấn đề một cách đơn giản hơn. Tôi bỏ ít thời gian để viết một phần mềm để xem cấu tạo của fonts VNU và VNI; sau đó tôi viết một phần mềm khác để biến font VNU thành font VNI. Chỉ trong một giây, một bài viết bằng font VNU

sẽ được phần mềm biến thành bài viết bằng font VNI, một bài mà Word đọc và hiển thị được. Phần chữ Hán thì đã có Song Kiều, tất cả còn lại là định dạng văn bản, bỏ hình ảnh vào và đem in.

Trong giai đoạn này, việc xuất bản sách vở lại được thêm nhiều thuận lợi hơn trước, quan trọng nhất là có sự giúp đỡ từ các thân hữu. Ngoài trợ giúp về phương diện tài chánh và tinh thần của các nhân sĩ như anh Nguyễn Hồng Quang, Nguyễn Cao Triền, bác sĩ Bùi Đồng, bác sĩ Bạch Đình Minh, có hai người đã bỏ công sức đóng góp rất nhiều, đó là anh Nguyễn Hùng Văn và anh Lê Anh Minh.

Anh Văn đóng vai trò chính trong công việc in sách. Anh cũng là người một tuần đến với ba tôi vài ngày, đi bộ chơi với người trong những lúc người tản bộ nửa tiếng hằng ngày. Có chuyện hư hỏng gì về máy computer là phải nhờ đến anh Văn đi sửa, mẹ tôi cần đi đâu là có anh đưa đi.

Với sự hỗ trợ của các anh Dương Đức Nghiêm, Vĩnh Hảo trong việc trình bày bìa sách, anh Văn đã làm việc với mẹ tôi để trình bày nội dung các bài và đã giúp ba tôi xuất bản phần lớn các bộ sách của người dưới tên nhà xuất bản Nhân Tử Văn, như các bộ: *Hướng Tinh Thần, Phật Học Chỉ Nam, Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể, Trung Dung Tân Khảo*, v.v...

Nhớ lại những tháng ngày đó tôi rất phục anh Văn ở một điểm, là tính nhẫn nại. Anh Văn gọi ba tôi bằng *thầy* dù chưa có một ngày học đạo với ba tôi. Trong những tháng ngày đó, cách cư xử của anh đối với ba mẹ tôi thực sự một

người con cũng chưa chắc làm được. Những khi bị mẹ tôi rầy la vì những chuyện anh làm mà bà không vừa ý, anh vẫn xuề xòa, cười nói cho qua chuyện, không có ý giận hờn. Phải nói lúc đó ba mẹ tôi cần gì, thì một tiếng là Văn rồi hai tiếng cũng là Văn; thật sự cũng chỉ vì anh hiện diện thường xuyên tại nhà.

Những lúc không có anh Văn thì lúc đó ba mẹ tôi lại nhờ đến anh Nghiêm, và hai anh đã thành cái chân của ba mẹ tôi vì mẹ tôi không biết lái xe. Sống ở Mỹ mà không biết lái xe thì thực sự coi như mình đã cụt chân.

Trong khi anh Văn lo việc đối ngoại và đời sống của ba mẹ tôi, thì ngược lại anh Lê Anh Minh lại lo chuyện bài vở. Thực sự lúc đó tôi chưa biết anh Minh vì anh ở Việt Nam. Sau này tôi mới biết anh là một thầy giáo dạy tiếng Anh và tiếng Đức tại Sài Gòn, và đương nhiên là giỏi chữ Hán. Anh Minh là người đã giới thiệu Song Kiều cho ba tôi, và sau đó thêm phần bổ túc lại cách dùng nó cho thích hợp với người Việt Nam: Thay vì tìm phiên âm Pinyin, ta cứ đánh tiếng Việt vào thì các chữ Hán sẽ hiện lên cho mình chọn. Đây là một bước tiến nhảy vọt làm việc sử dụng Song Kiều được dễ dàng hơn, đỡ mất thời gian rất nhiều.

Anh Minh cũng là người giúp đánh chữ Hán, tìm các hình ảnh để bổ túc cho các bài vở, chưa kể có những điểm sai sót trong bài của ba tôi đã được anh đính chính lại. Nên nhớ là phần lớn bản thảo của ba tôi được viết trước 1975, do đó không có hình ảnh nhiều, sách vở tham khảo lại hiếm vì không biết tìm ở đâu, do đó điểm sai chẳng phải là

không có. Ngày nay nhờ Internet, các tài liệu tham khảo có thể tìm được dễ dàng hơn mà không cần phải ra khỏi nhà, rời khỏi ghế. Chỉ cần bỏ chút thời giờ và với ít kiến thức về Internet là có thể tìm các tài liệu để đối chiếu với các sách vở xưa. Theo tôi đoán, mặc dù nói là ba tôi đánh chữ Hán, nhưng đó là ban đầu cho bộ Kinh Dịch. Tất cả các quyển sách in sau, tôi nghĩ là do anh Minh đã đảm nhiệm đánh chữ Hán, tìm và bổ thêm các hình ảnh cho ba tôi.

Trong khoảng thời gian ngắn ngủi ba bốn năm, khoảng mười ba bộ sách đã được ra đời, một tốc độ xuất bản thật đáng kể so với những tháng ngày đầu tiên in bộ Kinh Dịch.

Đến năm 1999, ba mẹ tôi dọn vào một căn nhà thực thụ do tôi mua cho ba mẹ ở trong khi chờ bán đi căn *mobile home*. Thời gian này ba tôi được thư thả hơn. Sách vở của người đã in xong, sắp xếp gọn gàng trong các thùng giấy, chất thành nhiều tầng để trong nhà xe. Mỗi ngày anh Văn đến chơi đều với người, đi bách bộ kể chuyện bán sách (xuất bản là một chuyện, còn bán được là một chuyện khác), những chuyện đạo hoặc những chuyện trên trời dưới đất. Ngược lại với ba tôi, lúc đó mẹ tôi lại rất bận rộn, lúc nào cũng lo mướn thợ, sửa chữa lại ngôi nhà mới mua. Nhà cửa là niềm vui của mẹ tôi, và đã mua xong thì người phải sửa lại cho đúng ý mình. Sửa nhà này mẹ tôi mất cả hai ba năm trời, mẹ tôi làm hết cái này đến cái nọ. Lẽ thường sửa nhà là như vậy, sửa đầu này cho đẹp thì nhìn đầu kia sẽ thấy xấu không hợp ý, rồi nếu sửa đầu kia thì lại thấy đầu nọ không được đẹp, v.v... Rồi sau đó vì nhà không đủ chỗ

để sách, mẹ đã lấy *patio* (hiên nhà) làm kín lại, tạo thành một căn phòng lớn làm nơi làm việc cho ba tôi.

Ở trong căn nhà mới chưa được bao lâu thì tôi lại nghe một tin sét đánh: Ba tôi bị ngã khi đứng lên tại bàn ăn, gãy mất xương đùi. Ở tuổi già, xương trở nên rất giòn do rỗng xương, thiếu Calci, thiếu vận động và chỉ cần một bước hụt chân là xương có thể gãy. Thế là ba tôi phải chịu giải phẫu thay xương đùi ở tuổi tám mươi hai.

Lời người xưa nói *Họa vô đơn chí* xét ra thật đúng. Chỉ vài tháng sau khi ba tôi về nhà từ nhà thương thì đến mẹ tôi mang bệnh. Có lẽ vì lo quá nhiều việc, từ dọn dẹp nhà cửa, bán sách, rồi đến sửa nhà, đời sống kinh tế, đối nội đối ngoại đủ chuyện, mẹ tôi đã bị suy sụp tinh thần (*mental breakdown*), khởi đầu cho bệnh sa sút trí tuệ (*dementia*) của người lớn tuổi. Từ đó mẹ không còn khả năng lo cho ba tôi nữa, vì vậy ba tôi được chuyển vào một *Rehabilitation Center* tại Garden Grove, sống chung với các cụ già tàn tật, bệnh hoạn. Rồi vài tháng sau mẹ tôi cũng được chuyển vào đó vì bà cũng không tự lo cho mình được nữa, tuy mới ở tuổi bảy mươi.

Tới lúc này ba mẹ tôi mới thật sự mất mát tất cả: Giấc mơ có căn nhà cuối cùng của mẹ vừa thành thì nay căn nhà đó lại phải bán đi vì không còn ai trông coi, các sách vở của ba thu thập trong bao nhiêu năm tại Mỹ cũng như những gì còn lại từ Việt Nam mang sang, nay phần lớn cũng đều được cho đi. Chỉ có một số nhỏ khoảng vài trăm quyển, cộng thêm số sách mới in được đưa về nhà tôi tại

Seattle. Mẹ tôi lặng yên, ngồi nhìn từng món đồ trong nhà được bán đi, cái bàn, cái ghế, giường tủ, những gì bà mua gom góp lại từ lúc qua Mỹ, những món đồ bà mất bao nhiêu thời gian để lựa chọn, nâng niu, giờ này tương tự như căn nhà tại Sài Gòn, nay được bán đi với giá rẻ mạt. Mỹ gọi đó là *garage sale*. Còn ba tôi đang nằm trong nhà *Rehab*, Người biết là nhà phải bị bán đi, nhưng người không biết gì về chuyện đang xảy ra cho sách vở mình. Có lẽ đây là một điều tốt vì người không phải chứng kiến sách vở của mình một lần nữa lại tứ tán đi mọi nơi. Sự nghiệp nghiên cứu về văn hóa, tôn giáo của ba tôi thực sự đã chấm dứt từ ngày người bước vào *Rehabilitation Center*, sau khi mẹ tôi bị bệnh, không còn ai thúc đẩy, khuyến khích người nữa.

Sau thời gian sống một hai năm trong *Rehabilitation Center* tại California, ba mẹ tôi được tôi đưa về Bellevue (Washington) vào năm 2005, sống ở trong một *Assisted Living Center*.⁽⁹⁾ Người già ở đây còn khỏe mạnh có thể đi đứng hoặc tự đi xe lăn được. Tuy nhiên họ là Mỹ, mình là Việt, ngôn ngữ và tư tưởng hoàn toàn khác nhau. Các tôn giáo như Khổng Giáo, Lão Giáo, Phật Giáo người Mỹ có nghe qua nhưng không biết các đạo đó như thế nào, cũng tương tự như ở Việt Nam không có nhiều người biết về đạo

⁽⁹⁾ *Assisted Living Center*: Một cách gọi trung tâm dưỡng lão, dành cho các cụ già yếu, không thể tự chăm sóc bản thân. Các cụ được ở trong những phòng riêng đầy đủ tiện nghi, hàng ngày được chăm sóc y tế theo chế độ dinh dưỡng đặc biệt, được giúp vệ sinh cá nhân, giặt giũ quần áo, dọn giường, ăn uống, giải trí...

Baha'i. Niềm vui của ba tôi lúc này chỉ còn là coi phim trên computer và đọc lại các sách mình đã viết, nhất là quyển *Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể*.

Ngoài việc mất đi các sách vở và các niềm vui nghiên cứu, ngày nay ba tôi còn mất luôn một niềm vui cuối cùng, là hằng ngày được nói chuyện và tiếp xúc bằng tiếng Việt. Tôi nhìn người để rồi thấu hiểu được thế nào là nỗi cô đơn trong biển người, hiểu được câu "*Hạt cát trong sa mạc biển người*". Nhìn ba, tôi lại nhớ đến lời anh Văn nói khi tiễn người rời khỏi chỗ ở cũ:

- Anh đưa thầy lên Washington là tôi buồn lắm. Và tôi biết là thầy sẽ rất buồn vì trên đó thầy không còn người quen, bạn bè và các học trò.

Anh Văn đã nói đúng, nhưng tôi biết làm sao đây?!

Nhìn ba, tôi nghĩ mình phải làm một cái gì cho người. Mua thêm sách vở cho người đọc chẳng? Nhưng nay với một tay còn lại, người không còn mở được quyển sách, đánh dấu được một hàng như xưa nữa, sức đọc sinh ngữ của người đã giảm rất nhiều, các sách ngoại quốc không còn hấp dẫn nữa. Nhưng thực sự mà nói, bây giờ nghiên cứu sách thêm để làm gì đây khi ba tôi không còn viết được, không diễn thuyết được như trước. Tôi phải làm gì cho ba tôi đây?

Cọc chết để da, người ta chết để tiếng. Đó là câu người xưa thường nhắc đến. Các tác phẩm của ba tôi đã được xuất bản, nhưng không được phổ biến, hay nói theo cách thương mại, bán không được chạy, và thực sự cũng không còn bán

trên thị trường. Tuy nhiên thế giới ngày nay không còn như xưa, kiến thức con người không chỉ giới hạn trong vài quyển sách bán ngoài hiệu sách. Sách vở chỉ là một phương tiện truyền bá tư tưởng. In một trăm cuốn sách, tôi đã ta chỉ giúp được một trăm người coi, nhưng làm sao cho sách vở đến tay của một trăm người mà mình không biết là ai đó? Mục đích của ba tôi sau cùng cũng là chỉ muốn trình bày sự suy tư, sự nghiên cứu của mình, do đó người mới xuất bản sách vở. Thế giới ngày nay không như ngày xưa nữa, không còn thu hẹp ở một thành phố như Sài Gòn hoặc Westminster, và người đọc sách không còn phải chạm tay, cầm đến quyển sách. Đã có Internet!

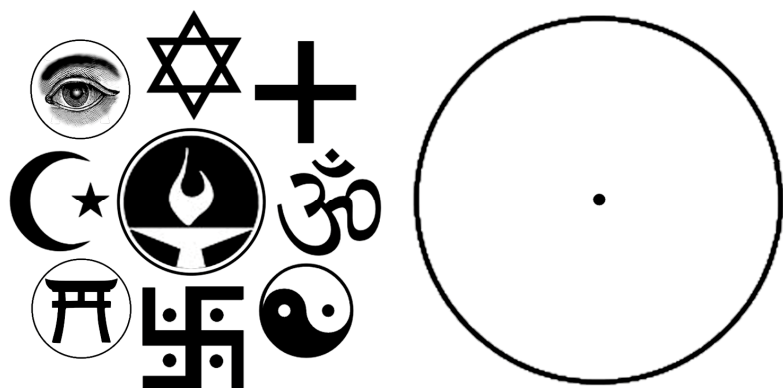
Năm 2007, tôi về Sài Gòn gặp anh Lê Anh Minh để trình bày một ý định của mình, nhờ anh giúp đỡ: Đó là tìm người biết làm website để đưa hết các tài liệu, sách vở của ba tôi lên Internet. Anh Minh đồng ý ngay và tình nguyện góp công sức vào việc này. Tất cả việc thiết kế website sẽ hoàn toàn do anh đảm trách. Thế là công việc chuyển đổi font bắt đầu, các bài vở từ VNI, Song Kiều nay lại phải chuyển qua Unicode, và sau đó đưa lên Internet. Trong thời gian này, anh Minh đã bỏ rất nhiều công sức, ngày đêm tìm tài liệu tham khảo, trình bày lại, cho thêm hình ảnh vào các bài vở, rồi chuyển hết chúng qua dạng Unicode. Ngoài ra anh còn đánh lại các sách đã xuất bản ở Sài Gòn trước 1975 như *Chân Dung Khổng Tử*, *Khổng Học Tinh Hoa*, *Lecomte du Noüy Và Học Thuyết Viễn Đích...* Không những vậy, anh Minh đã biết ba tôi từ ngày xưa, và còn giữ rất nhiều bài viết của ba tôi trong lúc người ở Việt Nam, nên anh đã

đưa thêm các bài viết này lên website như những bài *Qu'est ce que la Culture?* Mỗi lần gọi về Việt Nam để bàn việc, nghe giọng anh mệt mỏi trả lời, tôi biết cả đêm qua anh đã thức khuya không ngủ để đánh máy các bài vở, vì ban ngày anh còn phải lo cho bố mẹ già bị bệnh. Một tay anh Lê Anh Minh đã gây dựng lên website <http://www.nhantu.net> để mừng sinh nhật tám mươi sáu tuổi của ba tôi vào ngày 15 tháng 12 năm 2007. Cảm ơn anh Minh tạo ra một quà sinh nhật lớn nhất và quý giá nhất mà ba tôi đã nhận được trong suốt đời người.

Sức khỏe của ba tôi ngày yếu dần. Theo ngày tháng, người không còn đi bộ được nữa, rồi sau đó không thể ngồi xe lăn được. Cuối cùng người cũng không còn nuốt thức ăn, nước uống được, phải được nuôi qua ống. Một ít nước, một mảnh đồ ăn có thể làm cho người sặc, không thở được. Đời sống của người già là vậy, không biết sẽ mất vì bệnh gì, hay chết vì đói khát. Tuy nhiên, dù yếu đuối, khi nghe anh Huệ Khải Lê Anh Dũng sẽ in một vài bài viết về Cao Đài của người trong một cuốn sách nhỏ, ba tôi rất vui mừng. Mỗi lần tôi lên thăm, người điều hỏi đã có cuốn sách chưa. Cuối cùng khi hai quyển sách nhỏ được ra đời tại Việt Nam⁽¹⁰⁾ và được gửi đến, người lấy ra đọc mỗi ngày, và chúng đã luôn luôn nằm cạnh người trong những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời. Vào tháng Giêng năm 2014, ba tôi liên tiếp bị sưng phổi, chủ yếu do bị sặc. Phổi đầy

⁽¹⁰⁾ *Tinh Hoa Cao Đài Giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, 2012. *Đại Đạo Và Tôn Giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013.

đàm, người không còn sức để ho ra nữa. Thuốc men đều vô ích. Rạng sáng ngày 7 tháng Giêng năm 2014 ba tôi qua đời sau hai tuần vật lộn với bệnh sung phổi bất khả trị của tuổi già.



Ba đã ra đi. Đó là đường đi bắt buộc của mọi người, là định luật của Tạo Hóa. Lúc sinh thời, nhiều người đã đến với ba để nghe giảng về Kinh Dịch. Có lẽ ước mơ của họ là có thể biết được tương lai nhờ bói Dịch. Người đời đến với ba vì Kinh Dịch, nhưng ba đến với Kinh Dịch để tìm hiểu hướng đi tu luyện của mình. Đối với ba, Kinh Dịch chỉ là một mặt của con đường đi tìm Đạo. Con đường Đại Đạo mà ba đã tìm và đi theo có thể được biểu hiện qua hình ảnh *các biểu tượng các tôn giáo chính đang bao chung quanh một ngọn đèn soi sáng*, một Nhất Thể. Tôn giáo có thể mang nhiều dạng khác nhau, phương pháp tu luyện khác nhau ở hình thức bên ngoài, nhưng chung quy đều dạy con người phải quay về Thượng Đế.

Cái nhìn về tôn giáo, về cách tu luyện của ba đã được thể hiện rất đơn giản qua hình tượng *một vòng tròn và một tâm điểm*. Hãy tìm Thượng Đế trong lòng mình, tại tâm điểm, đừng chạy theo những gì thay đổi bên ngoài để tìm Thượng Đế. Đó cũng là ý nghĩa của câu kệ Mật Tông:

Án ma ni bát di hồng.

Om! Mani padme hum.

mà nhà văn Kim Dung đã diễn tả qua câu thơ:

Hoa khai kiến Phật,

Tâm tức Bồng Lai.

Con đường tìm Đạo tại Tâm dù sao đi nữa cũng là một con đường lý thuyết, đã được bao nhiêu Thánh Nhân đưa ra nhưng có lẽ ít kèm theo lời chỉ dẫn cách thực hành. Theo tôi, cách sống của ba mới là con đường vào Đạo: Gặp khó khăn không chùn bước, sống luôn lạc quan, hòa đồng với mọi người như anh em, sống một cách thanh thản, không đòi hỏi về vật chất, tiền bạc, đúng với câu *Tri túc tiện túc*. Hãy mở lòng ra với người thì người sẽ mở lòng ra với mình; hãy cười với thiên hạ thì người ta sẽ cười lại với mình. Mấy ai có thể bỏ được tham, sân, si trong đời sống, nhưng ba đã làm được. Đó là cách Tìm Đạo, Hành Đạo và ba đã thực sự Đắc Đạo.

NGUYỄN QUỐC BÌNH

24-01-2014 / 12-02-2014

CÒN TRONG HOÀI NIỆM

Trích lại một vài e-mails:

31-10-2010

Kính thăm anh chị Bình,

Tôi cầu chúc anh chị Bình và gia đình được ơn lành Trời Phật, tất cả đều bình an và hạnh phúc.

Thưa anh Bình,

Từ tháng 6 năm 2008, được Ôn Trời phù hộ, tôi tập trung làm công quả xuất bản kinh sách Cao Đài (ấn tổng). Tính ra đã in được 32 nhan đề mới và in lại 13 nhan đề cũ... Bình quân mỗi nhan đề in 5 ngàn bản trên giấy tốt.

Ở Việt Nam, số sách in được dồi dào như thế là nhờ tín đồ Cao Đài tin cậy, góp tiền công quả ấn tổng; đến nay tôi đã in được khoảng 24 triệu trang A5. (Dự trữ vẫn còn rất dồi dào để tiếp tục lâu dài. Đó cũng nhờ Trời phù hộ...)

Càng làm được hiệu quả việc tu thư, ấn tổng kinh sách Cao Đài như kể trên, tôi càng nhớ ơn sâu đức lớn của thầy Nhân Tử trong khoảng 1977-1981 đã dạy tôi những bài học quý giá về Đạo học phương Đông.

Tháng 11-2010 này sẽ kỷ niệm lần thứ 86 ngày khai đạo Cao Đài tại Việt Nam. Tôi đang xuất bản khoảng bốn, năm nhan đề. Đặc biệt, tôi muốn in thêm một cuốn nhỏ về thầy,

giới thiệu một bài viết của thầy về đạo Cao Đài.⁽¹⁾ Bài này thầy đã in bên Mỹ và đã đăng trên *nhantu.net*.

Cuốn sách nhỏ tuy chỉ có 40 trang A5 nhưng tôi tin sẽ giúp người đạo Cao Đài hiểu biết thầy nhiều hơn. Và thâm tâm tôi cũng xin mượn ấn phẩm này làm một lưu dấu ý nghĩa tình cảm thầy trò giữa thầy Nhân Tử và cá nhân tôi.

Tôi xin gửi kèm theo đây trọn vẹn bản thảo ấy. Kính nhờ anh Bình vui lòng chuyển lời tôi đến thầy, xin phép thầy cho in (ấn tổng) tại Việt Nam.

Anh cũng sẽ thấy dưới đây là thư tôi gửi thầy qua e-mail. Nhưng tôi không dám chắc thầy có check mails hay không, nên đề cẩn thận, phải xin anh Bình trợ giúp thêm.

Tôi chân thành biết ơn anh Bình.

Anh cho tôi kính lời thăm chị Bình.

Quý mến,

Huệ Khải Lê Anh Dũng

05-11-2010

Kính thăm anh Dũng,

Tôi xin chân thành cảm tạ tấm lòng của anh. Tôi đã đưa các bài của anh cho ba tôi xem và người rất vui. Tuổi già

⁽¹⁾ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, *Tinh Hoa Cao Đài Giáo*. Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2010, 2012. Quyển 33 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo.

niềm vui không còn nhiều, nhưng tấm lòng của anh đã làm cho ba tôi rất xúc động.

Hôm qua tôi lại nhận được một sổ sách của cơ quan Cao Đài tại Mỹ gửi đến, còn kèm theo e-mail và các bài anh định xuất bản. Anh Dũng thật quá cẩn thận! Hôm nay tôi sẽ sang đưa các sách đó cho ba tôi. Bây giờ người đã chậm nhiều, sử dụng computer không còn như xưa nữa vì đã quên nhiều những cách sử dụng cơ bản, nên ông rất ít khi check e-mail.

Anh bây giờ đã tập trung trong việc ấn hành sách đạo, làm một công việc hết sức tốt đẹp và đáng kính phục. Tôi xin kính chúc anh mọi thành tựu trong công việc đóng góp phát triển Đạo.

Tôi xin gửi lời thăm đến bác gái, gia đình anh và anh Minh, và xin cầu chúc mọi người mãi được vui mạnh.

Nguyễn Quốc Bình

05-11-2010

Kính thăm anh chị Bình,

Nhận được thư anh Bình báo tin đã chuyển bản thảo trình thầy Nhân Tử, tôi mừng lắm. Như vậy, tôi sắp có dịp in tập sách nhỏ giới thiệu với bà con trong nước huân nghiệp, đạo nghiệp của thầy.

Thưa anh chị,

Thú thật tôi bây giờ chỉ dành thời gian tập trung làm việc

ấn tống kinh sách giúp người đạo Cao Đài hiểu giáo lý cao siêu của Đức Chí Tôn. Thoạt đầu, khởi sự năm 2008, tháng 6, tôi chỉ có non mười triệu đồng làm vốn, in thử 1.500 bản sách. Thế mà tới nay, với số tiền công quả của bốn đạo các nơi hưởng ứng góp cho, đã in được gần 200.000 bản, tương đương gần 24 triệu trang. Bình quân hai tháng tôi in ba nhan đề, mỗi nhan đề năm ngàn bản. Sách in xong thì người bạn đạo ở Mỹ xin in lại, và đã in hơn mười nhan đề, giúp sách in bên Việt Nam được phổ biến ra hải ngoại. Chính người bạn đạo này đã giúp tôi chuyển bản in thử và bản thảo đến nhà thầy vừa rồi, qua bưu điện.

Tất cả âu cũng là nhờ Ôn Trời phù hộ. Tôi và các bạn tâm huyết chỉ ráng sức để bù đắp thời gian quá khứ, đạo Cao Đài bị thiệt thời, không in được kinh sách gì hết ...

Má tôi sau tai biến nhẹ (cách nay sáu tháng) đang hồi phục. Chú Lê Anh Minh vừa báo hiệu vừa giúp tôi nhiều trong việc biên dịch, góp thêm bản thảo sách đạo cho Chương Trình Chung Tay Ấn Tống. Hai anh em lấy đó làm niềm vui.

Mong sẽ có dịp gặp anh chị khi anh chị về Việt Nam.

Cầu xin Trời Phật ban ơn lành đến thầy cô, anh chị và các cháu.

Quý mến,

Huệ Khải Lê Anh Dũng

11-6-2013, lúc 03 giờ 26

Anh Minh thân mến,

Cảm ơn hai anh nhiều. Về sức khỏe thì người già sẽ từ từ yếu đi, định luật thiên nhiên này không ai tránh được. Ba tôi bây giờ gặp khó khăn trong việc nuốt nên phải đặt ống nuôi vào bao tử từ bốn tháng nay. Nhưng cũng nhờ vậy mà sức khỏe người trở nên tốt hơn. Ngày xưa lúc ông không ăn uống được, có lúc tôi tưởng không xong vì cơ thể thiếu nước, thiếu dinh dưỡng gây ra suy thận, suy tim. Bây giờ thì mọi chuyện đã yên ổn rồi.

Bác gái khỏe không anh? Mỗi lần nhớ đến bác là tôi lại phục anh quá. Có một chuyện tôi muốn nói với anh là trong trường hợp người tiểu đường như bác, mình phải rất cẩn thận với các vết thương. Một vết trầy có thể sưng tấy cả bàn chân, tay.

(...) Anh Minh cho tôi kính gửi lời hỏi thăm bác và gia đình anh Dũng.

Thân mến,

Nguyễn Quốc Bình

15-6-2013

Anh Dũng và anh Minh thân mến,

Tôi xin thay mặt ba tôi cảm ơn anh và anh Minh rất nhiều. Các chuyện các anh làm cho ba tôi là một món quà

vô cùng quý giá trong lúc tuổi già. Tôi đã làm theo lời anh nói, in bài này ⁽²⁾ ra để ba tôi xem.

Một lần nữa tôi xin cảm ơn hai anh rất nhiều.

Thân mến,

Nguyễn Quốc Bình

03-01-2014, lúc 8 giờ 10 sáng

Các anh thân mến,

Tình trạng sức khỏe của ba tôi rất suy yếu, có lẽ sẽ mất nay mai.

Nguyễn Quốc Bình

09-01-2014

Kính thưa cô và các anh chị thân quý,

Suốt đời thầy Nhân Tử nhiệt thành dạy đạo, giúp đạo giúp đời không biết mệt và cũng không biết chán; thế nên đã có biết bao người nhờ công đức hoằng đại của thầy mà được mở mang tâm đạo, nuôi lớn lòng nhân ái ham tu học...

⁽²⁾ Trước khi in *Đại Đạo Và Tôn Giáo* (Hà Nội: Nxb Tôn Giáo, 2013, quyển 64 trong Chương Trình Chung Tay Ấn Tống), thông qua anh Bình, Huệ Khải gửi bản thảo và viết thư (chuyển e-mail) xin phép thầy Nhân Tử được ấn tống.

Công đức hoàng đại ấy của thầy Nhân Tử chắc chắn làm đẹp lòng Thượng Đế và Phật Tiên Thánh Thần. Huệ Khải và Diệu Nguyên cũng như tất cả những ai đã từng học thầy trực tiếp hay học qua các sách của thầy đều tin tưởng và cầu nguyện giác linh của thầy Nhân Tử sẽ sớm trở về trước bệ ngọc Đức Chí Tôn để thọ hưởng hồng ân Thiên Đình ban bố.

Thầy cũng là tác giả ân nhân của Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo. Do đó, cuối tuần này, vào giờ Ngọ, một thánh lễ cầu nguyện sẽ được tổ chức tại thánh thất Bàu Sen, để bốn đạo Cao Đài hiệp tâm cùng cầu xin Đức Cao Đài Thượng Đế ban hồng ân siêu độ cho giác linh thầy Nhân Tử sớm về cõi thiêng liêng hằng sống.

Huệ Khải và Diệu Nguyên cùng thấp nén tâm hương tưởng niệm và thành kính tiễn đưa giác linh thầy Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ trở về tiên cảnh.

Kính chào cô và các anh chị.

Huệ Khải Lê Anh Dũng

19-01-2014, lúc 6 giờ 58 sáng

Anh Dũng và anh Minh thân mến,

Trước hết tôi xin chân thành cảm tạ tấm chân tình của các đạo hữu Cao Đài nói chung và hai anh nói riêng đã dành cho ba tôi lúc người ra đi.

Lúc tưởng niệm về ba trong ngày tang lễ, tôi có đọc bài *Văn Diếu* ⁽³⁾ vào ngày lễ cầu siêu và đứng ra phát biểu hồi tưởng lại những chuyện hai anh đã làm cho người thảng ngày qua.

Tôi nhắc đến quá trình thành lập *nhantu.net* mà anh Minh đã bỏ công sức ngày đêm làm việc (tôi có nói đến tình trạng của anh vừa lo cho cha mẹ, ngày đêm đánh máy, cổ dấn đầy *Salonpas*) để hoàn thành *nhantu.net* mừng ngày sinh nhật của ba tôi. Sau đó tôi nhắc đến các bài anh Dũng đã cho in gần đây, những bài mà ba tôi ngày đêm mong đợi trong những ngày tháng cuối cùng của đời mình.

Nhìn lại những ngày qua, thực tình không có món quà nào quý giá hơn *nhantu.net* và các bài của anh Dũng. Món nợ chân tình này thực sự tôi không biết bao giờ mới trả cho hết. Một lần nữa tôi xin cảm ơn tấm lòng của hai anh đã lo cho ba tôi trong thời gian đã qua.

Kính chúc bác gái, các anh và gia quyến được mọi sự an lành trong năm mới.

Nguyễn Quốc Bình

⁽³⁾ *Văn Diếu Ngài Nhân Tử* của Truyền Trạng Thanh Căn. Ban Ấn Tổng đã gởi sang Mỹ cùng với thư phân ưu.

ĐỌC VĂN VÀ THƠ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ

1. QUÁ TRÌNH ĐI TÌM ĐẠI ĐẠO VÀ ÍT NHIỀU CẢM NGHĨ VỀ TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

2. BÀI PHÚ TIỀN XÍCH BÍCH CỦA TÔ THỨC

QUÁ TRÌNH ĐI TÌM ĐẠI ĐẠO VÀ ÍT NHIỀU CẢM NGHĨ VỀ TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ

I. QUÁ TRÌNH ĐI TÌM ĐẠI ĐẠO CỦA TÔI QUA CÁC TÔN GIÁO

Nói về cái tôi là đáng ghét. Tuy nhiên, nếu nói về cái tôi một cách khiêm cung, thành khẩn, với mục đích cống hiến kinh nghiệm bản thân mình, để xây dựng sự nghiệp chung, thì có thể không còn đáng ghét, mà có thể lại đáng yêu.

Dẫu sao, thì tôi cũng xin tạ lỗi cùng quý vị trước, và xin hết sức thành khẩn trình bày những cảm nghĩ, những đường lối, những phương pháp hoạt động, những kết quả đã thu lượm được, để cống hiến quý vị. Nguyên vọng tha thiết của tôi chắc cũng như của quý vị, là muốn sống đạo, sống một Đại Đạo siêu không gian, thời gian, một Đại Đạo làm cho đời sống mình thêm hào hùng, hiên ngang, hừng khởi, đẹp tươi, linh động và sáng tạo.

Cách đây [1976] ngót hai mươi năm, trong khi soạn thảo và suy tư để làm một bài diễn văn về Khổng Giáo, tôi bỗng thấy lóe ra trong trí não tôi mấy ý niệm mà trước đó tôi không hề biết. Đó là:

- Con người chẳng những có *Xác*, có *Hồn* lại còn có *Thần*.

- *Thần con người và Thần trời đất* là một.

- Đạo giáo [tôn giáo] là phương thức giúp cho:

* Thần linh nội tại ấy thức dậy và trở nên linh động.

* Hồn sống thuận theo Thần, tiến tới Thần, hóa thành Thần, hợp nhất với Thần.

* Chân đạo là con đường dẫn từ tâm đến Thần, hay nói khác đi từ nhân đến Thiên, từ người đến Trời.

Tôi nhận định ngay được rằng, những khám phá trên đối với tôi hết sức quan trọng, và hết sức quý giá, vì cho thấy ngay *chân tướng con người*, cũng như *tinh hoa các đạo giáo* [tôn giáo].

Tuy nhiên, thoạt đầu, tôi chỉ coi những nhận định trên như một giả thuyết, và với tư cách của một người thành khẩn yêu chuộng khoa học và chân lý, tôi nhất định chứng minh những điều đó.

Chứng minh bằng cách nào?

Tôi liền nghĩ rằng nếu những nhận định trên là chân lý, nó sẽ phải có tính cách siêu không gian, thời gian, phổ quát, bất biến, và như vậy, bất kỳ ai, không phân biệt quốc gia, lịch sử, khi đã đạt tới một trình độ tiến hóa tâm hồn nhất định nào, sẽ chứng nghiệm được.

Như vậy, các giáo chủ, các bậc hiền triết xưa nay, dĩ nhiên phải có nhận định như vậy. Và nhận định này cũng phải được ký thác trong các thánh thư, kỳ thư, bí điển của nhân loại, và trong từ ngữ thường đàm của các quốc gia.

Với một quan niệm vững vàng như vậy, một đường lối rõ ràng như vậy, với những tiêu chuẩn chính xác như vậy, tôi quyết tâm lập chí chứng minh cho được những gì mình đã khám phá ra. Và như vậy tôi bắt đầu khảo cứu các đạo giáo, các triết thuyết, các khoa huyền học trong thiên hạ.

Tôi đã khảo cứu Công Giáo, Phật Giáo, Lão Giáo, Khổng Giáo, Bà La Môn Giáo, Bái Hòa Giáo, Kỳ Na Giáo [Jainism], Cao Đài Giáo, Thông Thiên Học, Tam Tông Miếu, Subud, và các khoa học huyền bí như Tarot, Alchimie [*thuật luyện đan, thuật giả kim*], Rose Croix, Franc-maçonnerie [*Hội Tam Điểm*], Chiêm Tinh Học, ngoài ra còn đọc các triết gia danh tiếng cổ kim, đời sống các nhà đạo sĩ, các nhà thần thi.

Trong khi khảo cứu các đạo giáo, tôi đã cố giữ:

- Một lòng thành khẩn tha thiết đi tìm chân lý.

- Một lòng cung kính đối với các bậc giáo chủ tiền bối.

- Một thái độ khách quan của một nhà khoa học, dám cân nhắc, dám phê phán.

- Một khí phách hiên ngang, tin tưởng vào ánh sáng tâm thần của mình.

- Một chí nguyện làm giàu thêm vốn liếng của nhân loại bằng cách sáng tạo thêm, minh họa thêm cho vấn đề đạo giáo trở nên sáng tỏ.

- Một tâm niệm rằng đạo phải lồng vào đời sống con người, phải giúp con người tiến triển về mọi mặt, nhất là về mặt tâm linh.

Càng đọc về các đạo giáo bao nhiêu, tôi càng thấy những nhận định tiên khởi của tôi là đúng.

Có một điều đặc biệt là từ ngày mà trong tâm tư tôi lóe sáng ra những quan niệm trên thì cũng là ngày mà tôi thay đổi cuộc sống. Từ một nếp sống phiến diện, hướng ngoại, xu thế, một nếp sống đoạn thảng qua ngày, tôi bước vào một nếp sống mới, có lý tưởng, có mục phiêu, say sưa đọc sách, say sưa suy tư, say sưa sáng tác. Hơn thế nữa, từ một nếp sống xa Trời, tôi bước vào một nếp sống mới gần Trời, kính Trời, mừng tượng như có Trời kề cận bên mình, và cố công sửa sang mọi chệch mức dở dang trong tâm hồn. Và tôi mới thấm thía hiểu lời Trung Dung:

*E dè cái mắt không nhìn,
Tai nghe không nổi cho nên hãi hùng.
Càng ẩn áo lại càng hiện rõ,
Càng siêu vi, càng tỏ sáng nhiều,
Nên dù chiếc bóng tịch liêu,
Đã là quân tử chẳng xiêu lòng vàng.*⁽¹⁾

Và cũng đã thấm thía lời người xưa truyền tụng:

*Con người thâm thỉ với nhau,
Trời nghe tỏ rõ khác đâu sấm rền.*

⁽¹⁾ Thị cổ quân tử giới thân hồ kỳ sở bất đồ, khủng cụ hồ kỳ sở bất văn. Mặc hiện hồ ẩn, mặc hiện hồ vi, cổ quân tử thân kỳ độc dã. 是故君子戒慎乎其所不睹, 恐懼乎其所不聞. 莫現乎隱, 莫顯乎微. 故君子慎其獨也.
Trung Dung, Chương I.

*Niềm riêng, buồn tối như đêm,
Mắt thần sáng rực như đèn chiếu soi.*⁽²⁾

Bài diễn văn đầu tiên của tôi cũng là quyển sách đầu tiên của tôi: *Khảo Luận Và Phê Bình Học Thuyết Khổng Tử*. [Hội Khổng Học Đà Nẵng, 1961.]

Tôi đã dùng tôn giáo đối chiếu để chứng minh rằng đạo Khổng cũng như các đạo giáo khác thực ra chỉ dạy:

1. Dưới lớp nhân tâm, còn có Thiên Tâm.
2. Đạo là con đường dẫn từ tâm đến Thiên, liên kết được nhân tâm với Thiên Tâm.
3. Đạt đạo là khi tâm hồn phối kết được với Thần, với Thiên Tâm.

Lúc ấy tôi chỉ mới biết dùng sơ đồ hai hình vuông kề nhau, hoặc không có, hoặc có nhịp cầu nối giữa để mô tả hai trạng thái:

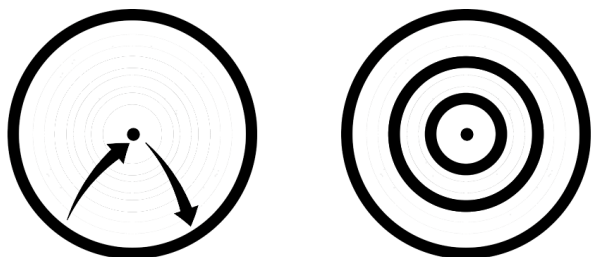
- Con người khi chưa biết Trời ngự trị trong tâm khảm mình, khi chưa thực sự sống đạo.

- Con người khi đã biết có Trời ngự trị trong lòng mình, khi đã thực sự sống đạo.

Tới khoảng năm 1959, khi soạn thảo bộ *Trung Dung Tân Khảo*, nhân suy tư về chữ *Trung*, tôi đã tìm ra được một sơ đồ mới, hết sức giản dị, đồng thời cũng hết sức bao quát,

⁽²⁾ Nhân gian tư ngữ, Thiên văn như lời. Âm thất khuy tâm, Thần mục như điện. 人間私語, 天聞如雷. 暗室虧心, 神目如電.

biến hóa. Đó là hình tâm điểm và một hay nhiều vòng tròn đồng tâm bao quanh.



Sở dĩ tôi tìm ra được sơ đồ vòng tròn với tâm điểm, chính vì nhớ lại hồi còn bé, ném gạch ném đá xuống ao chuôm chơi, tôi luôn luôn thấy hiện ra cảnh tượng một tâm điểm và nhiều vòng tròn từ đó lan rộng mãi ra trên mặt nước. Sau này, đọc sách vở tôi thấy các hiện tượng vô tuyến truyền thanh, truyền hình hay radar đều lan tỏa theo sơ đồ nói trên.

Tôi kết luận đó là một định luật tự nhiên phổ quát. Và suy luận ra rằng tất cả mọi loại hiện tượng bên ngoài đều sinh ra từ một nguyên lý bên trong. Suy rộng ra vũ trụ này đã được sinh ra từ một Bản Thể duy nhất.⁽³⁾

Như vậy, từ một chữ *Trung*, từ một tâm điểm và một hay nhiều vòng tròn bên ngoài đã giúp tôi hiểu được Trung Dung, Kinh Dịch và tinh hoa, căn cốt của các đạo giáo.

⁽³⁾ *Habentibus symbolum, facilis est transitus. (For those who have the symbol, the passage is easy.)* Đối với những ai có được sơ đồ, quá trình sẽ dễ dàng. (Carl Gustav Jung, *Psychology and Alchemy*, pp. 215-217.)

Tôi thiết nghĩ rằng tâm điểm hay trung điểm, hay Trung Dung, Trung Đạo đã được cổ nhân dùng để tượng trưng cho Chân Tâm, cho Bản Thể, cho Thượng Đế bất khả tư nghị, hay Phật Tính, hay Vô Cực, Thái Cực, hay Hư Vô, nguồn gốc phát sinh ra vạn hữu.

Còn các vòng tròn bên ngoài đã được dùng để tượng trưng cho thế giới hiện tượng, thế giới vạn hữu biến thiên bên ngoài, từ khinh thanh đến trọng浊, từ tế vi đến thô thiển, từ tinh thần đến vật chất.

Nếu cái gì chuyển động cũng do Tâm, y như bánh xe chuyển động phải nhờ trục, thì dưới những lớp lang biến hóa bên ngoài dĩ nhiên còn phải có một Thiên Tâm làm chủ chốt.

Thiên Tâm ấy, có nhiều tên gọi khác nhau, hoặc là Bản Thể, Đạo, Thái Cực, Vô Cực, Thiên hay Đế, tùy theo mỗi đạo giáo.

Lìa xa Tâm là lìa xa Bản Thể, là tiến vào hiện tượng. Tiến tới Tâm là tiến tới Bản Thể, là trở về với Đạo, với Trời.

Chu Liêm Khê 周濂溪 (1017-1073) xưa đã viết: “*Từ Vô Cực mà suy luận tới vạn vật, tức là suy luận ra đầu đuôi của trời đất. Từ vạn tượng, trở về Vô Cực là gót đầu của Thánh Nhân.*”⁽⁴⁾

⁽⁴⁾ Tự Vô Cực thuyết đạo vạn vật thượng, thiên địa chi chung thủy dã. Tự vạn vật phản đạo Vô Cực thượng, Thánh Nhân chi

Sơ đồ trên giúp chúng ta hiểu được quan niệm của cổ nhân về quá trình hình thành của vũ trụ. Ta có thể mượn lời của Mircea Eliade [người Romania, 1907-1986], mà mô tả quá trình ấy như sau:

Thực vậy, ta đã thấy, trong nhiều truyền thống, sự tạo dựng phát xuất từ một tâm điểm, bởi vì đó là nguồn mạch mọi hiện hữu, mọi sinh lực. Có truyền thống còn dùng từ ngữ của phôi thai học, để mô tả hình tượng trung điểm ấy:

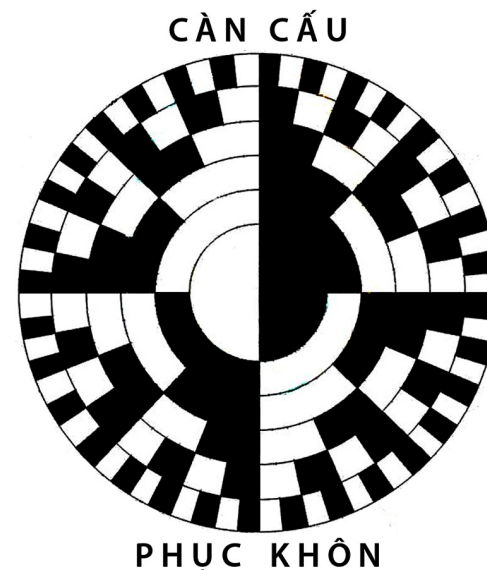
“Đấng Chí Thánh đã tạo dựng nên vũ trụ như một bào thai. Cũng như bào thai đã lớn lên từ núc rốn, thì Thượng Đế cũng đã tạo nên vũ trụ từ một núc rốn, và từ đấy Ngài tung tỏa ra muôn phương...”

“Yoma cho rằng vũ trụ đã được tạo dựng từ một tâm điểm là núi Sion (Do Thái). Rig Veda cũng viết: Vũ trụ này được quan niệm như đã phát xuất từ một tâm điểm, từ đó lan tỏa ra mãi...” ⁽⁵⁾

chung thủy dã. 自無極說到萬物上，天地之終始也。自萬物反到無極上，聖人之終始也。(Tống Nguyên Học Ấn, quyển 12. Liêm Khê Học Ấn, hạ. Thái Cực Đồ Thuyết, tr. 2a.)

⁽⁵⁾ Aussi dans divers traditions, voyons-nous la création partir d'un centre, parce que là se trouve la source de toute réalité, et partant de l'énergie de la vie. Il arrive même que les traditions cosmologiques expriment le symbole du centre dans des termes qu'on dirait empruntés à l'embryologie: “Le Très Saint a créé le monde comme un embryon. Tout comme l'embryon, croît à partir du nombril, de même, Dieu a créé le monde par le nombril et de là, il s'est répandu dans toutes les

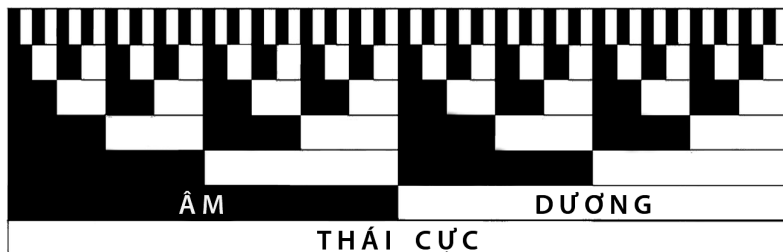
Kinh Dịch cũng chủ trương vạn tượng đã phát xuất từ một tâm điểm là Thái Cực. Các đồ hình Dịch cho thấy Thái Cực như là một vùng dương tung tỏa hào quang ra muôn phương [A]; hoặc như là một cây đại thụ mang trên mình muôn ngàn muôn lá hiện tượng [B].



Vũ trụ tòng trung khởi nguyên đồ 宇宙從中起源圖

[A] Thái Cực làm tâm điểm,
như mặt trời tung tỏa hào quang ra muôn phương.

directions... Yoma affirme: “Le monde a été créé en commençant par Sion.” Aussi dans le *Rig Veda*, l'univers est conçu comme prenant son extension à partir d'un point central... (Mircea Eliade, *Traité d'histoire des religions*, p. 323).



[B] *Thái Cực như thân cây tỏa nhánh, tàn lá.*

Khi đã tìm ra được *Thiên Tâm* trên lý thuyết và bằng hình vẽ, sau khi đã nhờ đó mà hiểu vi ý của Kinh Dịch, tôi tiến thêm một bước nữa là đi tìm Thiên Tâm trong vũ trụ, trong con người và trong vạn hữu.

Tìm Thiên Tâm trong vũ trụ tương đối dễ, vì người Trung Hoa xưa đã tin rằng Thiên Tâm ở Bắc Cực, và ngành thiên văn Trung Hoa đã xây dựng trên quan niệm ấy. Dĩ nhiên người Trung Hoa đã tin rằng Thượng Đế ở nơi tâm điểm ấy.⁽⁶⁾

Trái lại công trình đi tìm Thiên Tâm trong con người của tôi khó khăn hơn, nhưng hứng thú hơn, vì có nhiều nét sáng tạo hơn...

Khoảng năm 1960, một hôm tôi sức nhớ đến câu chuyện Vườn Địa Đàng (*the Garden of Eden*) trong *Cựu Ước*. Sách

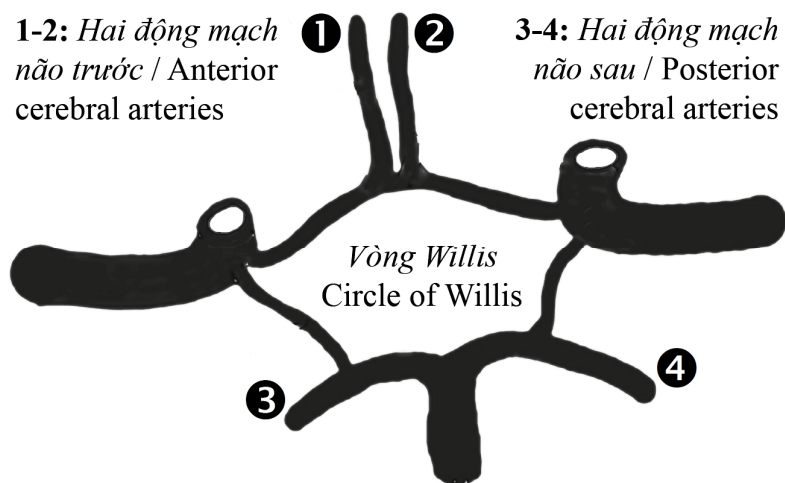
⁽⁶⁾ Thiên trung cung, Thiên cực tinh, kỳ nhất minh giả, Thái Nhất thường cư. 天中宮, 天極星. 其一明者, 太一常居. Gustave Schlegel, *Uranographie chinoise*. Taipei: Cheng Wen Publishing Company, 1967, Tome I, p. 524.

mô tả rằng nơi đó có bốn con sông chảy vào từ bốn hướng, nơi đó ông Adam thường xuyên gặp gỡ, và đối thoại thân mật với Thượng Đế. Tôi nhận ra một điểm đặc biệt hơn nữa, là sau khi ông Adam bị đuổi ra khỏi vườn, thì Chúa đã cho thiên thần cầm gươm lửa giữ cửa vườn chứ không phá đi. Nếu vườn đã không bị phá, thì phải còn. Nếu vườn còn, thì nay nhân loại chắc chắn phải tìm được, nhất là vì nơi đó có bốn con sông chảy vào, trong số đó có hai con sông còn tồn tại: sông Tigris và sông Euphrates ở miền Trung Đông hiện nay.



Nếu vườn không còn, thì đó chỉ là một huyền thoại ám chỉ một vấn đề gì. Tôi liền suy luận: Nếu bên ngoài không đâu có vườn có bốn con sông chảy vào, thì tại sao không tìm trong đầu não con người, vì nơi chính trung tâm đầu

não con người, có **bốn động mạch** như bốn con sông chảy vào rồi lại còn bao quanh thành một vòng động mạch Willis.⁽⁷⁾ Hơn thế nữa các thần kinh đầu đều quy hướng về tâm điểm đó, như tai hoa xe hướng về trục xe.

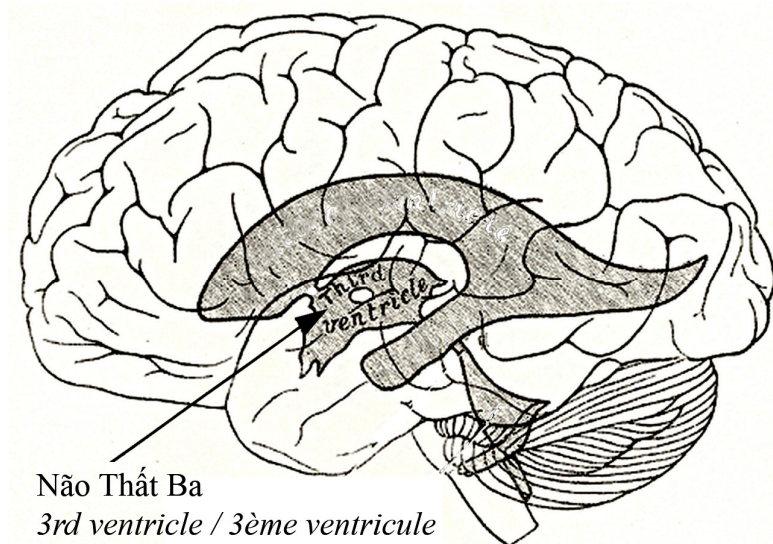


Vậy thì đó là vườn địa đàng Trời đã dành để cho mọi người. Và nơi đó, chúng ta thường xuyên vẫn còn được đối thoại với Thượng Đế qua tiếng nói thầm lặng của lương tâm mà chúng ta nào có biết có hay.⁽⁸⁾

⁽⁷⁾ Vòng động mạch Willis (*the Circle of Willis, Willis' Circle, Loop of Willis, Willis Polygon*): Đặt tên theo Thomas Willis (1621-1675), bác sĩ người Anh. [Ban Ấn Tổng chú]

⁽⁸⁾ This built-in prompter has been called many things: The voice of God, the voice of conscience, or the spark of inner men. Ruth Montgomery, *A Search for the Truth*. New York: Bantam Book, 1967, p. 140.

Tôi liền đi thu thập và khảo sát các hình vẽ hình chụp về óc não con người, khảo sát về các xoang, các phòng (*ventricles*) trong đầu não con người, và đi đến kết luận rằng, với vị trí trung tâm điểm của nó, Não Thất Ba (*3ème ventricle*) chính là Thiên Tâm.



Đối với tôi, đó là một khám phá hết sức kỳ diệu, và tôi quyết tâm chứng minh điều đó, bằng thư tịch các đạo giáo.

Khảo *Upanishads* và huyền học Tây Tạng, tôi thấy Bà La Môn Giáo, cũng như Phật Giáo, đều tin rằng tuyệt đối thể, hay ngọc châu viên giác đã tiềm ẩn ngay tại Liên Hoa Tâm, tại tâm điểm bông sen ngàn cánh.

Quyển *Huyền Học Tây Tạng*, một quyển sách chuyên

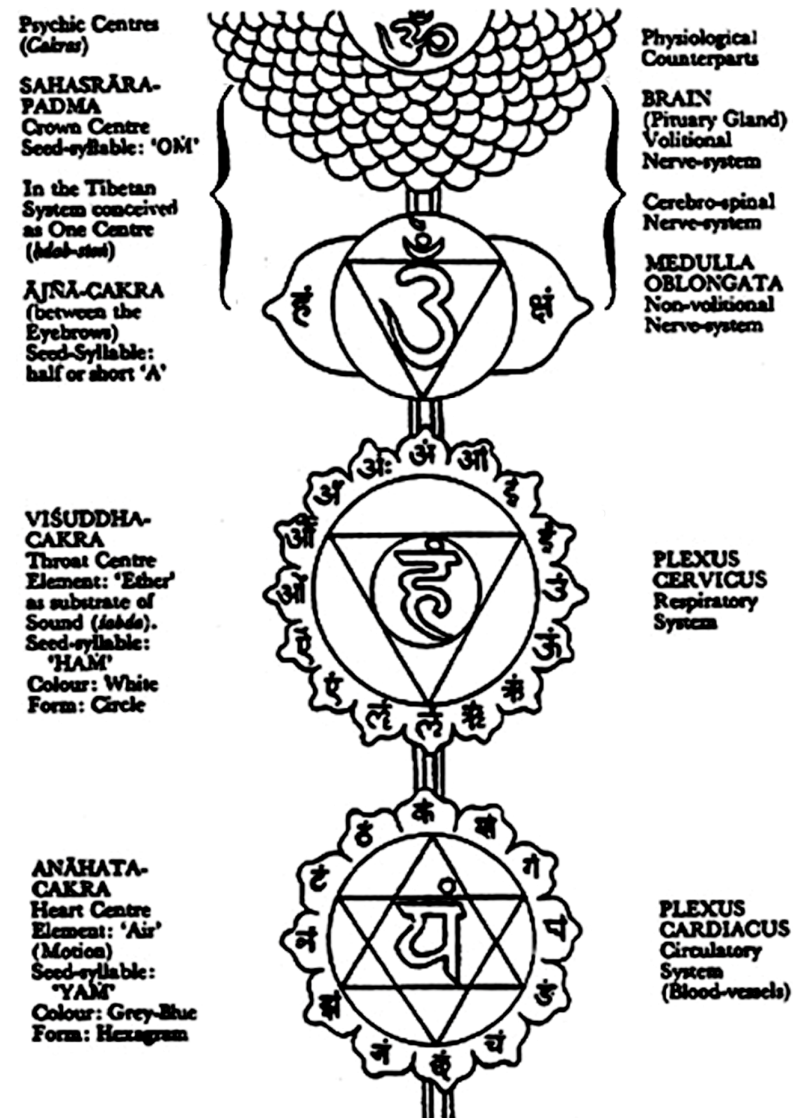
giải có một câu thần chú: *OM MANI PADME HUM* (Ôi, ngọc châu viên giác nằm tại Liên Hoa Tâm). Trong quyển sách ấy có một hình vẽ các luân xa trong con người, trên cùng có một hình bông sen ngàn cánh, giữa bông sen, có chữ *AUM* hay *OM* (ॐ hay ओम्) với chú giải: Bông sen ngàn cánh là óc con người [xem hình trang 132]. Mà Aum hay Om là *Atman*, là Thượng Đế nội tại, như vậy thì Liên Hoa Tâm đích thực là Não Thất Ba. Đó chính là Phương Thốn Sơn, là Tà Nguyệt Tam Tinh Động, là Linh Sơn, là Linh Đài, là Bồng Lai Nhược Thủy, là Guhâ (tâm xoang, không động) ⁽⁹⁾ của người xưa ...

Quan sát các tượng Phật, tượng Thánh, tượng Thần, tôi thấy chỉ ở nơi đầu mới có vòng hào quang, mà vòng hào quang đó tỏa ra từ trung tâm não bộ. Nơi đầu các tượng Thần, Phật, cũng thường có điểm hai chỗ: một điểm giữa trán, một điểm ở đỉnh đầu, ý nói, từ hai điểm ấy, nếu kéo hai đường ngang dọc, thì giao điểm sẽ là trung tâm não bộ, là Thiên Tâm.

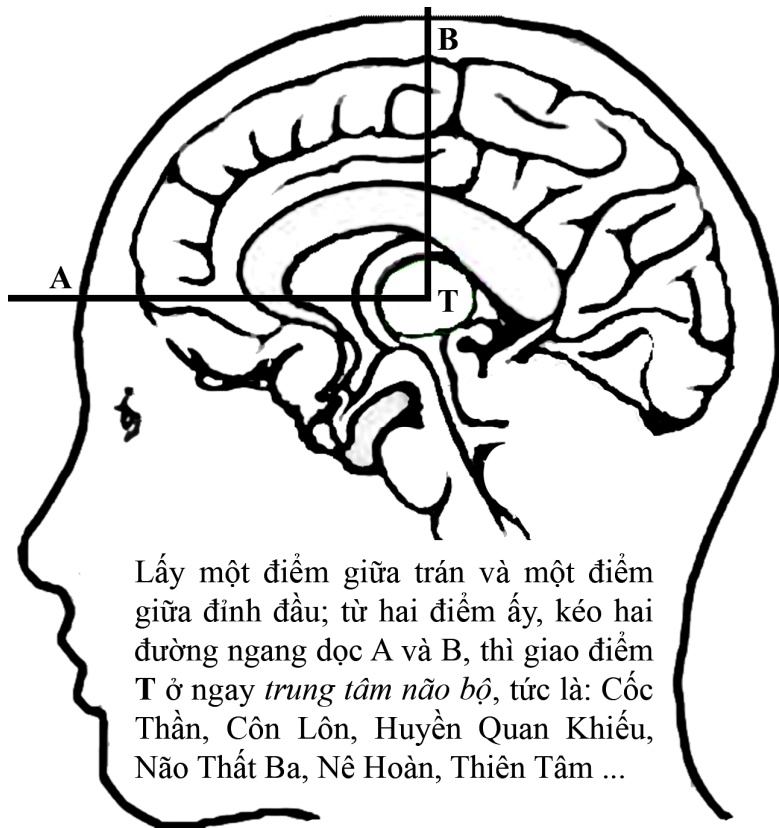
⁽⁹⁾ Anagarika Govinda, *Les fondements de la mystique tibétaine*, Charles Andrien dịch ra Pháp văn. Nhan đề tiếng Anh: *Foundations of Tibetan Mysticism*.

Jean Herbert, *Spiritualité vivantes*. Xem hình ở pp. 200, 201.

Guhâ là tiếng Ấn Độ có nghĩa là hang động. Nghĩa bóng là xoang, hay tâm khảm (*grotte; en langue mystique: la cavité ou crypte du cœur*). Xem Henri le Saux, *La Rencontre de l'hindouisme et du christianisme*. Paris: Editions du Seuil, 1966, p. 229, và pp. 21, 22, 218.



Các luân xa trong con người, trên đỉnh có bông sen ngàn cánh.



Lấy một điểm giữa trán và một điểm giữa đỉnh đầu; từ hai điểm ấy, kéo hai đường ngang dọc A và B, thì giao điểm T ở ngay *trung tâm não bộ*, tức là: Cốc Thần, Côn Lôn, Huyền Quan Khiếu, Não Thất Ba, Nê Hoàn, Thiên Tâm ...

Khảo đạo Lão, chẳng những ta thấy có những hình vẽ về *cửu cung* nơi đầu não con người, như thấy trong quyển *Tính Mệnh Khuê Chỉ*, mà nơi nhiều sách khác, còn có những lời xác quyết hết sức quan trọng:

Ví dụ: Đầu có chín cung, cung chính giữa được gọi là *Nê*

Hoàn hay *Thiên Tâm*.⁽¹⁰⁾ Đó là *Huyền Quan Khiếu*, là *Cốc Thần*, là *Côn Lôn Đỉnh*. Muốn trở nên bất tử phải tu dưỡng *Nê Hoàn*, tu dưỡng *Côn Lôn*, v.v...⁽¹¹⁾

Khảo từ ngữ Trung Hoa, ta còn thấy điều rất lạ lùng này: Chữ *Nê Hoàn* 泥洹 hay chữ *Niết Bàn* 涅槃 đều là phiên âm từ chữ *Nirvana*. Và kinh Phật nhiều khi dịch Niết Bàn là *Nê Hoàn*.

Trong *Vô Lượng Thọ Kinh* có bài kệ:

*Khiến cho tôi thành Phật, cõi nước đệ nhất.
Chúng sinh ở cõi tôi thật là kỳ diệu.
Đạo tràng của tôi thật là siêu tuyệt.*

⁽¹⁰⁾ Đầu hữu cửu cung, trung hữu Nê Hoàn. 頭有九宮，中有泥丸。 *Kim Đơn Đại Thành Tập*, tr. 4.

... Thủ hữu cửu cung, thượng ứng cửu ngưng, kỳ trung nhất cung viết Thiên Tâm, viết Tử Phủ, Thiên Uyên, Thiên Luân, Thiên Quan, Thiên Kinh, Thượng Đô Quan, Côn Lôn Đỉnh, kỳ danh phủ chúng, tổng nhi ngôn chi: Huyền Quan nhất khiếu. 首有九宮，上應九隅，其中一宮曰天心，曰紫府，天淵，天輪，天關，天京，上都關，崑崙頂，其名頗眾，總而言之：玄關一竅。 *Kim Đơn Đại Thành Tập*, tr. 2b.

⁽¹¹⁾ Tử dục bất tử tu Côn Lôn ... Côn Lôn giả, đầu dã. Lệnh nhân dưỡng não trung Nê Hoàn. Bất tử đắc trường sinh dã. 子欲不死修崑崙。崑崙者頭也。令人養腦中泥丸。不死得長生也。 *Huỳnh Đình Ngoại Cảnh Kinh*, tr. 2.

Bạch Tổ vân: Duy nhân đầu hữu cửu cung, trung nhất cung danh viết Cốc Thần. 白祖云：惟人頭有九宮，中一宮名曰谷神。 *Tính Mệnh Khuê Chỉ*, quyển II, tr. 56.

*Cõi nước tôi cũng như cảnh Nê Hoàn,
không cõi nào được sánh bằng.*

Thủ Lăng Nghiêm Kinh, quyển ba viết: Như một chúng sinh chưa thành Phật, chúng tôi nguyện chẳng nhập Nê Hoàn (Niết Bàn).⁽¹²⁾



⁽¹²⁾ Như nhất chúng sinh vị thành Phật, chung bất ư thử thủ Nê Hoàn. 如一眾生未成佛，終不於此取泥洹。 (Đoàn Trung Còn, *Phật Học Từ Điển*, mục từ Nê Hoàn.)

Trong quyển *Chu Dịch Xiển Chân* của Lưu Nhất Minh, ta thấy có một hình vẽ tâm điểm và vòng tròn [xem hình trang 135]. Trong đó tâm điểm là Cốc Thần, hay Thái Cực, hay Kim Đơn, Viên Giác...

Nói tóm lại, tìm ra được Thiên Tâm, đạt tới Thiên Tâm, phối kết được với Thiên Tâm là trở về được với Thái Cực, với Bản Thể, với Đạo, với Cốc Thần, thế là Viên Giác, thế là luyện thành Kim Đơn Đại Đạo...

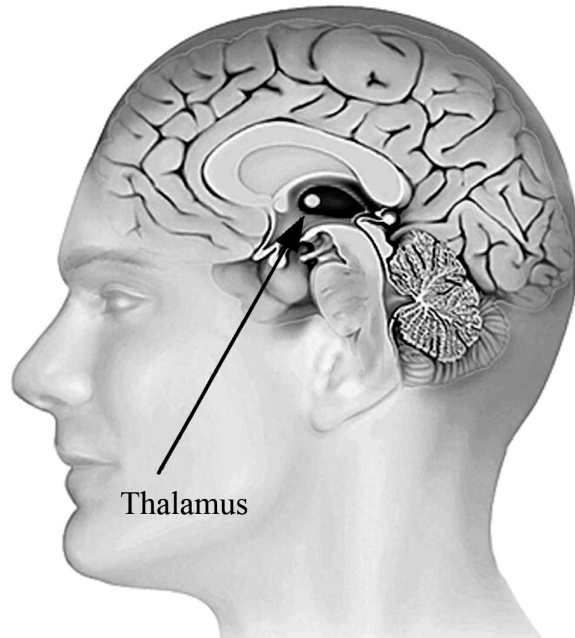
Tôi còn nhận định thêm được rằng các đạo gia Trung Hoa cũng như Ấn Độ xưa nay đều chú trọng đến Nê Hoàn Cung và hai mạch Nhâm Đốc chẳng khác nào nhà thiên văn học phải chú trọng đến sao Bắc Thần và vòng Hoàng Đạo.

Khảo về cơ thể học, về danh từ cơ thể học, chúng ta lại thấy rằng Âu cũng như Á xưa đều tin rằng nhân tâm có thể phối hợp với Thiên Tâm, mà nơi Trời người gặp gỡ chính là trong đầu não con người.

Chính vì vậy mà theo đạo Lão thì trong đầu con người có một cung gọi là *Động Phòng*.

Theo châu Âu, thì trong óc não con người, có một nơi gọi là *Thalamus*, mà *Thalamus* chính là *Động Phòng* theo nguyên nghĩa Hy La. [Xem hình trang 137.]

- Để chứng minh Thiên Tâm nơi đáy lòng vạn hữu, tôi đã tìm được những ảnh chụp các tinh thể nước đá hay tinh thể tungstene. Những hình vẽ đó cho thấy các phần tử được xếp lớp lang quanh một vòng tròn rỗng ở giữa.



Những công trình nghiên cứu khảo sát này đưa đến một kết luận rất lạ lùng là Thiên Tâm vừa ở chỗ này, chỗ nọ lại vừa ở khắp nơi. Cũng một Thiên Tâm là khu nữu cho vũ trụ vạn hữu, lại cũng một Thiên Tâm ấy làm khu nữu cho từng người từng vật. Y như khi một vùng trắng hiện ra trên khung trời, thì mỗi một sông hồ là một vùng trắng, mỗi một giọt nước là một vùng trắng, muôn vạn vùng trắng mà vẫn là một vùng trắng.

Người xưa nói:

“Toàn thể vạn vật có một Thái Cực, mỗi một vật đều có

một Thái Cực.”⁽¹³⁾

“Thái Cực lớn thì trùm trời đất, mà nhỏ thì lọt trong hạt cải tể vi.”⁽¹⁴⁾

Những lời đó thật sâu sắc.

Sự xác định được rằng Thiên Tâm ở ngay trong trung tâm đầu não con người sẽ đưa đến những hệ quả đạo giáo hết sức quan trọng:

1. Nó giải thích được nguồn gốc của các mạc khải (*révélation*) trong các đạo giáo.

Chúng ta thấy rằng, trước đây, mỗi đạo giáo ở một phương, dùng những từ ngữ khác nhau:

- Công Giáo thì dùng tiếng Latin, Hy Lạp, Pháp, Anh...
- Bà La Môn dùng tiếng Phạn (Sanskrit).
- Phật Giáo dùng tiếng Phạn, hay Pali.
- Hồi Giáo dùng tiếng Ả Rập.
- Lão Giáo, Khổng Giáo, Phật Giáo ở Trung Hoa dùng chữ Hán.
- Các đồng tử Cao Đài, Minh Lý dùng tiếng Việt.

Ngày nay, ngồi lại gần nhau, trao đổi kiến thức, kinh

⁽¹³⁾ Vạn vật thể thống nhất Thái Cực, vạn vật các cụ nhất Thái Cực. 萬物體統一太極, 萬物各具一太極. Từ Đồng, Tạ Vô Lượng, *Trung Quốc Triết Học Sử*, đệ tam thiên thượng.

⁽¹⁴⁾ Thái Cực dã, đại tắc bao thiên địa, tiểu tắc nhập giới tử. 太極也, 大則包天地, 小則入芥子. *Thái Cực Quyền Bổng Đồ Thuyết*, tr. 8a.

nghiệm với nhau, ta thấy có nhiều điểm tương đồng. Tại sao lại có thể có được những điểm tương đồng như vậy, khi mà không ai bảo ai, không ai biết ai trước? Phải chăng vì tất cả đều có một Thiên Tâm nơi đầu não con người tung tỏa ra?

Cũng trong chiều hướng ấy, tôi đã viết nơi đầu sách *Chân Dung Khổng Tử* như sau (tr. 13-14):

“Nhìn chung vào bản đồ Trung Quốc, ta thấy thực là giang sơn riêng chiếm một cảnh trời. Phía Đông là cả một đại dương với muôn tằm sóng cả, phía Bắc thời Hoàng Hà chín khúc cuộn cuộn chảy, dãy Thái Hằng tuyết phủ mây che, làm cho thi hào Lý Bạch đã phải viết:

*Đường đi khó, tìm đường đi khó quá,
Rút kiếm bén, ngõ ngang trông đầy đó,
Lòng băn khoăn, ta biết sẽ đi đâu?
Muốn qua Hoàng Hà băng giá lấp sông sâu,
Muốn lên non Thái tuyết một màu ảm đạm.
(Dịch bài Hành Lộ Nan của Lý Bạch.)*

Xa hơn nữa là sa mạc Gobi với cát phủ bao la, với gió gào lạnh lẽo. Phía Tây, thì Tần Lĩnh và Côn Lôn là hai dãy núi trập trùng, hiểm trở, phía Tây Nam, thời Hy Mã Lạp Sơn với những ngọn núi cao chót vót chín tầng mây như những bức tường thành muôn vạn nhận,⁽¹⁵⁾ vươn lên thình

⁽¹⁵⁾ Nhận 仞 (仞): Đồi Chu quy định tám thước là một nhận. Đồi Hán quy định bảy thước là một nhận. Một thước khi xưa (xích 尺) tương đương 0,33 mét hiện nay. [Ban Ấn Tổng chú.]

không để ngăn cách Trung Hoa với các nước miền Nam như Ấn Độ và Tây Tạng.

Nói thế nghĩa là Trung Quốc cổ thời rất khó mà có được những liên lạc văn hóa với các trung tâm văn hóa khác, như Ấn Độ, Babylone, Hy Lạp, Ai Cập... Thế nhưng ngày nay, khi mà từ ngữ, cũng như biên giới thiên nhiên không còn là những bức tường thành kiên cố ngăn cách con người, ngày nay, khi đem so sánh học thuyết Khổng Tử với các học thuyết khác trên thế giới, ta thấy có rất nhiều điểm tương đồng, y như đã xuất phát từ một nguồn. Nguồn ấy là đâu? Phải chăng là tâm linh con người?

Sách Deutéronome [Phục Truyền Luật Lệ Ký] viết: “Thực vậy, lề luật mà ta truyền dạy người hôm nay, không có ở ngoài tâm kích người. Nó không có ở trên trời, để người phải nói: Ai lên trời cho chúng tôi để tìm luật đó, để chúng tôi được nghe biết và thi hành. Nó cũng không phải ở cách trùng dương để người phải nói: Ai sẽ vượt biển cả cho chúng tôi để tìm luật đó, để chúng tôi được nghe biết và được thi hành. Đạo kẻ bên người, Đạo ở trong miệng trong lòng người, để có thể đem thực hiện.” (30:11-14)

(...) Người Việt xưa viết:

*Quan Âm nghìn mắt nghìn tay,
Cũng do một điểm Linh Đài mà ra.*

thật chí lý vậy...”

Gần đây, khi dọn bài thuyết trình này, tôi có mượn được cuốn *Le Rencontre de l'hindouisme et du christianisme* (Sự

Gặp Gỡ Giữa Ấn Giáo Và Thiên Chúa Giáo) của linh mục Henri le Saux (Paris: Editions du Seuil, 1966). Ông đã viết nơi chương dẫn nhập của sách như sau:

“Những trang sách này, với những khuyết điểm của nó, có thể giúp cho anh em giáo hữu khác tìm ra được, cho mình và cho Giáo Hội, những kho tàng vốn là của chính mình, tìm ra được những kho tàng, trong các pho sách cổ Ấn Giáo, hay nói đúng hơn, trong tâm khảm con người, nơi mà những pho sách ấy được nghe đọc trước tiên.

“Cái động phủ mà từ đó các thánh thư Ấn Giáo đã tung tỏa ra như từ một nguồn suối trong lành, đó chính là tâm khảm mỗi người, và đó chính là nơi mà người Công Giáo được mời mọc vào dưới sự hướng dẫn của Thánh Linh để mà tìm cho ra toàn thể huyền nhiệm Atman, huyền nhiệm Đại Ngã, huyền nhiệm mà xưa kia các bậc thánh thị đã thấy ở đó.

“Vả chẳng đó cũng chính là nơi gặp gỡ thiết yếu quan trọng, đó là nơi mà thần người hợp nhất bất khả phân với Thần Chúa, một sự hợp nhất bất khả phân về bản thể đã làm cho các nhà thánh thị Ấn Độ ngỡ ngàng, và chính cũng là sự khế hợp tuôn ra từ lòng Đức Chúa Cha, mà Chúa Giêsu đã chia sẻ cho chúng ta.” ⁽¹⁶⁾

⁽¹⁶⁾ Telles quelles, elles (ces pages) peuvent aider d'autres frères chrétiens à découvrir – pour eux et pour l'Eglise – ces trésors qui sont à eux, à les découvrir dans les vieux écrits de l'Inde, et plus encore dans cette Guhâ, ou lieu secret du cœur, où ils furent d'abord entendus.

Nhận định như trên thực sâu sắc.

2. Nó dẫn tới quan niệm: Trong con người còn có Trời.

Chính vì vậy mà cách đây mấy năm, cũng tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý này, tôi đã thuyết trình đề tài *Trời Chẳng Xa Người*, và đã lấy các tôn giáo để chứng minh điều đó. Bài này đã được đăng trong tập san *Cao Đài Giáo Lý* các số 90, 91.

3. Hệ quả thứ ba: Nếu Trời ngự trị ngay trong lòng mọi người, thì Trời là bản thể, người là hiện tượng.

Nói cách khác: Bản thể con người với bản thể Trời là một; như vậy, địa vị con người thực ra hết sức cao sang.

Chúng ta chính là thuộc dòng dõi Thần Minh, như Thánh Phaolô đã nói.⁽¹⁷⁾ Chúng ta chính là Thần Minh, như

Car cette Guhâ d'où jaillirent les Oupanishads comme d'une source bénie, c'est le fond du cœur de chacun; et c'est là même que le chrétien est invité à pénétrer sous la conduite de l'Esprit, pour y découvrir en sa plénitude le mystère de l'Atman du Soi qu'y entrevirent les rishis.

C'est là en effet le lieu de la rencontre essentielle; là où l'esprit de l'homme n'est plus qu'un avec l'Esprit de Dieu, avec l'Esprit qui procède du Père et que communique le Fils. L'Esprit, cette indivision essentielle qui fascina les voyants de l'Inde, et qui est en même temps communion essentielle, qui sourd du sein du Père et dont Jésus nous fit part. (Sách đã dẫn, pp. 22-23.)

⁽¹⁷⁾ Chúng ta cũng là dòng dõi của Ngài. Vậy, bởi chúng ta là dòng dõi Đức Chúa Trời, thì chớ nên ngờ rằng Chúa giống như

lời Chúa Giêsu đã tuyên bố.⁽¹⁸⁾

Mọi người chúng ta đều có Phật tính, theo từ ngữ Phật Giáo.⁽¹⁹⁾ Nói theo từ ngữ Phật Giáo, thì chúng ta chính là những vị Phật sẽ thành.^(19b)

Nói theo từ ngữ Thánh Phaolô, thì chúng ta chính là những con Thiên Chúa, những người được cộng hưởng gia tài Thiên Chúa với người Anh Cả chúng ta là Chúa Giêsu,⁽²⁰⁾ và vũ trụ này đang kinh qua đau khổ, để thai

vàng bạc, hay là đá, bởi công nghệ và tài xảo của người ta chạm trở nên. (*Công Vụ Sứ Đồ*, 17: 28, 29)

⁽¹⁸⁾ Đức Chúa Giêsu đáp: Trong luật pháp các ngươi há chẳng chép rằng Ta đã phán các ngươi là các thần hay sao? (*Gioan*, 10:34; *Thi Thiên*, 82:6)

⁽¹⁹⁾ Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tính. 一切眾生皆有佛性. ^(19b) Nhữ thị đương thành Phật, ngã thị dĩ thành Phật. 汝是當成佛, 我是已成佛.

⁽²⁰⁾ En effet, tous ceux qu'anime l'Esprit de Dieu sont fils de Dieu. Aussi bien, n'avez-vous pas reçu un esprit d'esclaves pour retomber dans la crainte; vous avez reçu un esprit de fils adoptifs qui nous fait nous écrier: Abba! Père! L'Esprit en personne se joint à notre esprit pour attester que nous sommes enfants de Dieu. Enfants et donc héritiers; héritiers de Dieu et cohéritiers du Christ, puisque nous souffrons avec lui pour être aussi glorifiés avec lui. *Épître aux Romains*, 8:14,16 (Bible de Jérusalem).

Vì hết thầy kẻ nào được Thánh Linh của Đức Chúa Trời dặt dẫn đều là con của Đức Chúa Trời. Thật anh em đã chẳng nhận lấy thần trí của tôi mọi, đang còn ở trong sự sợ hãi, nhưng đã

nghe ra những vì con Thiên Chúa.⁽²¹⁾

Khi biết được như vậy, tất nhiên chúng ta phải hết sức vui mừng, hết sức hứng khởi, hết sức cố gắng để thực hiện mục phiêu đó.

Câu chuyện Đạo Sinh rất cảm động.

Năm 429, đại sư được năm mươi bảy tuổi.⁽²²⁾ Đại sư trực giác thấy rằng người đại gian ác cũng đều có Phật tính, cũng có thể thành Phật. Ông liền đem giảng thuyết cho Phật tử nghe tại chùa Long Quang ở kinh đô.⁽²³⁾ Khi ấy

nhận lấy thần trí của sự làm con nuôi, và nhờ đó, chúng ta kêu: Abba! Cha! Chính Đức Thánh Linh làm chứng cho lòng chúng ta rằng chúng ta là con cái Đức Chúa Trời. Lại nếu chúng ta là con cái, thì cũng là kẻ kẻ tự, kẻ kẻ tự Đức Chúa Trời và là kẻ đồng kẻ tự với Đấng Christ, miễn là chúng ta đều chịu sự đau đớn với Ngài, hầu cho cũng được vinh hiển với Ngài. *Romains* 8:14,16. Bản dịch của Thánh Thư Công Hội (Shanghai: Société biblique britannique et étrangère, 1925).

⁽²¹⁾ J'estime en effet que les souffrances du temps présent ne sont pas à comparer à la gloire qui doit se révéler en nous. Car la création en attente aspire à la révélation des fils de Dieu ... *Épître aux Romains* 8:18 ... Car ceux qui d'avance il a discernés, il les a aussi prédestinés à reproduire l'image de son fils, afin qu'il soit l'aîné d'une multitude de frères. *Épître aux Romains* 18:29. (Xin đọc các bản Kinh Thánh tiếng Việt.)

⁽²²⁾ Thật ra năm sinh của Đạo Sinh 道生 không xác định (khoảng năm 355 hay 360). Sư tạ thế năm 434. [Ban Ấn Tổng chú]

⁽²³⁾ Xiển đề chi nhân giai hữu Phật tính, đồ đắc thành Phật. 闡提之人皆有佛性, 都得成佛. *Lịch Đại Cao Tăng*

kinh Niết Bàn chưa được truyền sang Trung Quốc nên chúng tăng cho rằng chủ trương của Đạo Sinh nghịch đạo và sai quấy, và đã đuổi đại sư ra khỏi kinh đô.

Đạo Sinh chạy trốn lên núi Hồ Khuru. Ở nơi thâm sơn cùng cốc ấy, không có ai là đồng đạo đồng chí, ông đem giảng điều đó cho các tăng đá nghe, và lạ lùng thay các tăng đá đều gật đầu tán thưởng.⁽²⁴⁾

Khoảng bốn năm sau, kinh Niết Bàn được dịch sang tiếng Trung Hoa và được truyền bá. Mọi người đọc thấy trong kinh có câu: Niết Bàn bất diệt, Phật có Chân Ngã, hết mọi chúng sinh đều có Phật tính, đều có thể học thành Phật.⁽²⁵⁾

Lúc ấy ai ai cũng xưng tụng đại sư là bậc đại trí đại giác, tuy không đọc mà đã suy ra được một điều trùng hợp với kinh Niết Bàn, các chùa lớn nơi kinh đô lại đua nhau mời đại sư giảng thuyết, và đón tiếp đại sư hết sức long trọng.

Gần đây nhà thần thị Edgar Cayce (1877-1945), trong những phút xuất thần, cũng chủ trương:

Cổ Sư, Trung Quốc Phật Học Hội ấn hành, Bành Sở Hành trứ, tập I, sách 7, tr. 5.

⁽²⁴⁾ Sinh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu. 生公說法, 頑石點頭. *Sách đã dẫn*, tr. 6.

⁽²⁵⁾ Nê Hoàn [Niết Bàn] bất diệt, Phật hữu Chân Ngã. Nhất thiết chúng sinh, giai hữu Phật tính, học đắc thành Phật. 泥洹 [涅槃] 不滅, 佛有真我. 一切眾生皆有佛性, 學得成佛. *Sách đã dẫn*, tr. 31.

“Trong mọi người đều có tàn lửa Thiên chân, một ngọn lửa Thiên chân, được vùi sâu trong lòng mỗi người, và nhờ sức mạnh của những tâm hồn khác, có thể bùng cháy lên (...) Đấng Christ là người Anh Cả (...) và định mệnh tối hậu của mỗi một người là sẽ trở thành Chúa Kitô, không kém.” ⁽²⁶⁾

Những tư tưởng trên có thể đem so sánh với lời sau đây trong sách *Khải Huyền* (3:21): “Kẻ nào thắng, Ta sẽ cho ngồi với ta trên ngôi Ta, như chính Ta đã thắng và ngồi với Cha Ta trên ngôi Ngài.”

4. Hệ quả thứ 4 là: Nếu Trời ngự trị nơi tâm, thì:

- **Nước Trời quả thật đã kề bên ta.** (Matthêu 3:11)

- **Nước Trời ở trong ta.** (Luca 17:21)

Và công trình tìm Đạo, tìm Trời là phải đi vào tâm khám mà tìm. Các bậc đại giác xưa nay đều chủ trương như vậy.

Lục Tổ Huệ Năng nói:

Bồ đề tâm mịch nơi tâm,

⁽²⁶⁾ In the other person burned always that *spark of the divine*, that *celestial fire* deep down, which the forces of another's soul “fan into flame”. Harmon Hartzell Bro, Ph.D., *Edgar Cayce on Religious and Psychic Experience*. New York: Paperback Library, 1970, p. 142.

(...) More often perhaps than any other phrase, the designation given to Christ by the Cayce readings was *the Elder Brother* (...) The ultimate destiny of every man was to become as Christ, no less. *Sách đã dẫn*, p. 143.

Tại sao hướng ngoại mà tìm nơi nao? ⁽²⁷⁾

Lâm Tế Lục nói:

*Hướng ngoại mà tìm cầu,
Tất cả đều ngoan si,
Hướng nội mà tùy xứ tiện nghi,
Tất cả đều chân thật.* ⁽²⁸⁾

Mạnh Tử viết:

*Cả vạn vật ở trong ta đó,
Quay về ta, ta cố tinh thành,
Kiện toàn hoàn thiện tinh anh,
Vui nào hơn được vui mình đang vui.* ⁽²⁹⁾

Chu Hy cũng viết nơi bài tựa *Trung Dung*:

*Quay về ta mà tìm đạo ấy,
Tìm đáy lòng sẽ thấy chẳng sai,
Dẹp tan cám dỗ bên ngoài,
Căn lành sẵn có, đồng thời khuếch sung.* ⁽³⁰⁾

⁽²⁷⁾ *Pháp Bảo Đàn Kinh*: Bồ đề hướng tâm mịch, hồ vi hướng ngoại cầu huyền. 菩提向心覓，胡爲向外求玄。

⁽²⁸⁾ *Lâm Tế Lục thị chúng*. Theo Thích Thiện Ân, *Zen I*, tr. 103.

⁽²⁹⁾ Vạn vật giai bị ư ngã, phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên. 萬物皆備於我，反身而成，樂莫大焉. *Mạnh Tử*, Tận Tâm, thượng: 1 và 2.

⁽³⁰⁾ Học giả ư thử phản cầu chư thân, nhi tự đắc chi, dĩ khứ phù ngoại dụ chi tư nhi sung kỳ bản nhiên chi thiện. 學者於此

Thánh Thérèse d'Avila viết:

“Thực là một ân sủng lớn lao mà Thượng Đế ban cho ta, khi Ngài giúp ta tìm Ngài trong tâm khảm ta.” ⁽³¹⁾

Trong *Cao Đài Giáo Lý* số 80, Trung Thu Nhâm Tý, có viết:

“Biết rằng đời tu thân hành đạo của các con phải có hai phần: Một là hướng ngoại, hai là hướng nội.

Hướng ngoại để liên ái đoàn kết, trao đổi kinh nghiệm học hỏi làm phương tiện để cầu tiến.

Còn hướng nội để các con lắng nghe tiếng nói của lương tri, lời dẫn dắt của bản linh chơn tánh, cái chơn lý của tâm linh. Hướng nội để các con rời bến mê đến bờ giác mới mong trở về cùng Thầy cùng Mẹ, hay nói một cách khác trở về cùng khối Đại Linh Quang.” ⁽³²⁾

5. Muốn trở về với Đạo, với Trời, muốn phối kết với Đạo với Trời, trước tiên phải tinh luyện tâm hồn mình, sao cho tâm bình, khí sáng, thần minh.

Tóm lại phải rũ bỏ được phàm tâm để mặc lấy Thiên

反求諸身，而自得之，以去夫外誘之私而 充其本然之善. *Trung Dung*, Chương I, chú thích của Chu Hy.

⁽³¹⁾ C'est une grande grâce que Dieu nous fait quand il nous aide à le chercher dans notre intérieur. Sainte Thérèse d'Avila, cité par Illan de casa Fuerte, *La Religion essentielle*, p. 130.

⁽³²⁾ Đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu, đàn cơ tại thánh thất Tân Định, 24-8 Nhâm Tý (01-10-1972).

Tâm.⁽³³⁾ Nhân tâm có biến đi, thì Thiên Tâm mới hiện, y như vàng trắng có lẫn thì vàng dương mới hiện ra, hay hạt lúa có tiêu tan đi, thì cây lúa mới mọc lên được. Đó chính là ý nghĩa câu: *Ai muốn cứu hồn mình, thì sẽ mất. Ai mất hồn mình vì Ta, thì sẽ được lại.* (Matthêu, 10:39)

II. THIẾT KIẾN CỦA TÔI VỀ KHOA TÔN GIÁO ĐỐI CHIẾU

1. Khảo về khoa Tôn Giáo Đối Chiếu, đối với tôi, hết sức thích thú. Nó mở rộng tầm kiến thức ta, nó làm cho chúng ta trở nên khoan dung, cởi mở, sẵn sàng đón nhận những cái hay, cái đẹp của các tôn giáo bạn.

2. Khảo đạo giáo này, ta có thể hiểu biết hơn về đạo giáo nọ. Ví dụ câu *Tâm tử thần hoạt* của đạo Lão⁽³⁴⁾ làm cho ta hiểu rõ hơn câu *Bỏ phàm tâm mặc Thiên Tâm* của Thánh Phaolô⁽³⁵⁾ và chủ trương *Tuyệt hết niềm tây, hoàn toàn bỏ mình quên mình, để phối hợp với Thượng Đế* của các đạo giáo.⁽³⁶⁾

⁽³³⁾ I Côrintô 15:44-49.

⁽³⁴⁾ Xem *Huỳnh Đình Kinh Chú*, Ngoại Cảnh Ngọc Kinh, quyển thượng, tr. 17, Tung Ấn Tử, Thạch Hóa Đường thuật.

⁽³⁵⁾ I Côrintô 15:44-49.

⁽³⁶⁾ Marc 8:34: “Si quelqu’un veut venir à ma suite, qu’il se renie lui-même, qu’il se charge de sa croix et qu’il me suive...” (Ai muốn theo ta, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo.)

Phật Giáo gọi thế là *diệt ngã*.

Sri Aurobindo (1872-1950): “Pour ceux qui veulent mener la vie spirituelle, le Divin doit toujours passer d’abord; tout le reste doit être secondaire...” (*Les Bases du Yoga*, p. 21.)

... Appartenir au Divin, c’est être soumis de manière à sentir la présence, le pouvoir, la lumière et l’ananda du Divin, possédant tout l’être, plutôt que sentir qu’on les possède soi-même pour sa propre satisfaction ... (*Sách đã dẫn*, p. 59.)

... Une certaine humilité spirituelle, une vue de soi sérieuse et sans arrogance, une perception tranquille des imperfections de sa nature présente, et, au lieu de satisfaction et d’assertion de soi, le sens de la nécessité de dépasser son moi actuel, non par ambition égoïste, mais par une aspiration vers le Divin, seraient, il me semble, pour cet assemblage fragile, terrestre et humain, des conditions bien meilleures pour avancer vers la transformation supramentale. (*Sách đã dẫn*, p. 58.)

... James made the point that “self-surrender has been and always must be regarded as the vital turning-point of the religious life.” And the total abnegation of self or ego is without question the hallmark of psychedelic experience. “Only when I become as nothing,” wrote James, “can God enter in and no difference between his life and mine remain outstanding.” William Braden, *The Private Sea LSD and the Search for God*. Bantam Book, 1967, p. 22.

Kìa sông tới biển thời tiêu,
Hết danh hết sắc hết điều riêng tây.
Trở thành biển cả từ nay,
Gọi là biển cả mấy may khác gì.
Con người nhìn lại cũng y,
Khi “mười sáu bộ” đã quy về ngài.
Còn đâu danh tướng lôi thôi,
Rồi ra cũng chỉ là ngôi chân thân.

Rũ bỏ phàm tâm mặc lấy Thiên Tâm, cầu trường sinh bất tử, chính cũng là những mục phiêu, chẳng những là của các môn phái Mật Tông, Huyền Học, mà cũng còn là mục phiêu của các khoa Yoga, Thiền và Độn Đạo.⁽³⁷⁾

Thế là vĩnh cửu bất phân,
Chẳng còn bộ phận, còn thuần tinh hoa.
Đã điều quy tụ hiệp hòa,
Như đũa liền trục ắt là chân nhân.
Chân nhân là chính chân thần,
Từ sinh thôi hết bận tâm lo lường.

(*Prasna Upanishad*, 6, 5-6; *Brih-Upanishad*, 4-4, 1-2)

⁽³⁷⁾ Il n'est pas possible de construire un fondement au yoga, si le mental est agité. La première chose requise est le calme dans le mental ... Le premier but est d'ouvrir cette conscience à une conscience spirituelle supérieure, et pour cela aussi un mental calme est de première nécessité ... (Sri Aurobindo, *Les Bases du Yoga*. Pondichéry, p. 1.)

... Quoi qu'on cherche, quelque on atteigne, il faut conserver le calme. Même la connaissance, le pouvoir, l'ananda, s'ils viennent et ne trouvent pas ce fondement, sont incapables de rester et doivent se retirer jusqu'à ce que la pureté et la paix divines du Sat-Purusha soient établies de façon permanente ...

Aspirez au reste à la *conscience divine*, mais d'une aspiration calme et profonde. Elle peut être ardente aussi bien que calme ... (*Sách đã dẫn*, p. 14.)

... Si vous désirez quelque chose en plus de la paix et du calme, que ce soit l'épanouissement complet de l'être intérieur et la perception du pouvoir divin qui est à l'œuvre en nous ... (*Sách đã dẫn*, p. 15.)

6. Đạt đạo là đạt tới tâm điểm, đạt tới Thiên Tâm, khế hợp với Thiên Tâm. Chữ *Phối Thiên* thực quả là một vùng dương chân lý chẳng những đã chói sáng trong *Trung Dung*, mà còn cả trong *Đạo Đức Kinh*,⁽³⁸⁾ thế mà ít ai thấy được.

Đại sư Đạo Sinh xưa thường than thở trước tượng Phật: “*Lạy Phật Tổ, Ngài được chính đấng, chính giác, chính là nhờ đã khế hợp với Thiên Tâm. Thế mà nay, những người xưng mình là môn đệ của Ngài lại chỉ biết nắm giữ những quy luật không cần thiết, những tập tục vu khoát, hủ lậu, còn chính hạnh, chính niệm của Ngài, thì lại làm mất tiêu đi lên đến chín tầng mây xanh...*”⁽³⁹⁾

... Persévérez et ce qui est encore tordu sera redressé et vous connaîtrez et sentirez constamment *la vérité de la présence du Divin*, ainsi votre foi sera justifiée par l'expérience directe ... (*Sách đã dẫn*, pp. 18-19)

⁽³⁸⁾ *Trung Dung*, chương 31: Cổ viết phối Thiên. 故曰配天. Chương 26: Cao minh phối Thiên. 高明配天. *Đạo Đức Kinh*, chương 67: Thị vị phối Thiên, cổ chi cực. 是謂配天, 古之極.

⁽³⁹⁾ Phật Tổ a, nhĩ đích chính kiến, chính giác, thật tại thị khế hợp Thiên Tâm đích. Khả thị, nhất ban hiệu xưng vi nhĩ đích môn đệ tử môn, khước mặc thủ chúc nhất ta bất tất yếu đích trần quy, nhất ta cận ư vu khoát đích lâu tập, phản nhi tương nhĩ đích chính hạnh, chính niệm, nhất cổ não đô bị đầu đảo cửu tiêu vân ngoại khứ liễu... 佛祖啊,你的正見,正覺,實在是契合天心的. 可是,一般號稱為你的門弟子們,卻墨守著一差不必要的陳規,一些近於迂闊的陋習,反而將你的正行,正念,一股腦都被丟到九霄雲外去了 ... *Lịch*

Kết hợp nên một với Thượng Đế, chính là điều mà Chúa Giêsu đã nguyện ước cho toàn dân thiên hạ sẽ được như vậy. Ngài nói: “*Ước gì mọi người là một, như Cha, Cha ở trong con, và con ở trong Cha, ước gì họ cũng nên một trong chúng ta ...*”⁽⁴⁰⁾

Ví dụ, khảo sát chuỗi liên châu: *Vô Vi = Niết Bàn = Nê Hoàn = Cốc Thần = Thiên Tâm = Thái Cực = Thánh Thai = Viên Giác*, v.v...⁽⁴¹⁾ chẳng những làm cho ta hiểu được sự tương đồng giữa Tam Giáo, thấy được tinh hoa Tam Giáo, mà còn làm cho ta hiểu được ba chữ *Sad, Cid, Ananda* của Bà La Môn Giáo chẳng hạn.

Vì *Sad* là bản thể; mà bản thể vũ trụ chính là Thái Cực.⁽⁴²⁾ *Cid* là sự hiểu biết về toàn thể, về bản thể; mà Viên Giác chính là sự hiểu biết ấy. *Ananda* là hạnh phúc; mà Niết Bàn chính là cực lạc, là hạnh phúc.

Suy ra thì quan niệm của người xưa chẳng qua là: Có hiểu biết được bản thể cao sang của mình mới đem lại được

Đại Cao Tăng Cổ Sự, đệ nhất tập, thập sách chi nhất, tr. 1, 2.

⁽⁴⁰⁾ Que tous soient un, comme toi, Père, tu es en moi et moi en toi, qu'eux aussi soient un en nous... (Jean 17:21)

⁽⁴¹⁾ Cưu Ma La Thập đã dùng chữ *Vô Vi* để dịch chữ *Niết Bàn*. (Xem *Kim Cương Kinh Giải Nghĩa* của cư sĩ Giang Vị Nông, q. 2, tr. 129). Xem hình *Cốc Thần* và lời chú giải trong quyển *Chu Dịch Xiển Chân* của Lưu Nhất Minh, mà tôi đã đính vào bài này, trên đây. [Xem hình trang 135.]

⁽⁴²⁾ Căn bản do lai Thái Cực tâm. – *Đại Đồng Chân Kinh*, quyển thượng, tr. 5.

cho mình chân hạnh phúc.

Thảo nào mà trên đền thờ thành Delphes khi xưa người Hy Lạp khắc câu *Anh hãy biết mình*, hay gần đây Ramana Maharishi (1879-1950) tập trung phương pháp giảng giáo của mình trong hai câu hỏi: *Tôi là ai? Anh là ai?*⁽⁴³⁾

Khảo về khoa Tôn Giáo Đối Chiếu, phải thành khẩn, phải khách quan, phải biết tạm tách mình ra khỏi những nền nếp suy tư, những lập trường, những quan điểm mà mỗi đạo giáo riêng biệt đã tạo ra cho mình, mà đạo giáo mình theo đã tạo ra cho mình.⁽⁴⁴⁾

Hơn thế nữa, phải có một đời sống tâm linh sâu sắc, định tĩnh, suy nghiệm thường xuyên, phải vào được tới đáy thăm lòng mình mới mong hiểu được các bậc đại giác, đại

⁽⁴³⁾ C'est pourquoi Ramana (Maharishi) centrail tout son enseignement et toute sa doctrine spirituelle sur cette simple question: “Qui suis-je?” “Qui est tu? Découvre qui tu es réellement et le reste suivra infailliblement.” Henri Le Saux, *La rencontre de l'hindouisme et du christianisme*, p. 58.

⁽⁴⁴⁾ Chacun sait comme il est difficile de faire l'*époché*, même provisoire, de ses convictions, surtout religieuses. Cela pourtant est la condition préalable de tout vrai dialogue. (*Sách đã dẫn*, 43.)

Giải thích chữ *Époché*: “mise entre parenthèse”, comme hors circuit; à ne point confondre avec le “doute méthodique” de Descartes. Dans ses *Idées directrices*, Husserl la dénit: “Une certaine suspension du jugement qui se compose avec une persuasion de la vérité qui demeure inébranlable.” (Traduction. P. Ricœur, Gallimard, p. 100.) *Sách đã dẫn*, note 1.

ngộ...⁽⁴⁵⁾

Khảo về các tôn giáo sẽ giúp chúng ta tìm ra tinh hoa đạo giáo, biết đâu là chân lý, chân đạo.

Riêng tôi, sau khi dành nhiều năm để khảo sát về các tôn giáo, tôi thấy những nhận định tiên khởi của tôi đã trở thành những điều xác tín:

1. Tôi xác tín rằng vũ trụ này đồng một bản thể. Các đại triết gia Đông cũng như Tây đều nhất thiết công nhận chủ trương **Thiên địa vạn vật nhất thể** với những biến thái:

- Nhất thể vạn thù.

- Thể duy nhất, dụng vạn thù. (Bản thể là một, nhưng hình thức, công dụng thì khác nhau muôn vãn.)

- Nhất tán vạn, vạn quy nhất.

⁽⁴⁵⁾ A cela ne saurait suffire quelque connaissance superficielle du folklore religieux de l'Inde, si intéressant soit-il; pas davantage une étude même scientifique de ses rites et de ses traditions; pas même, il faut le dire l'approfondissement intellectuel des Ecritures et des œuvres des Maîtres. Plus que tout cela, c'est une habitude intérieure – une sorte d'habitus, en termes d'Ecole – de recueillement et de contemplation qui est requise du chrétien désireux d'entrer en contact avec les Ecritures de l'Inde ou avec sa tradition mystique. C'est “la connaissance” des profondeurs ultimes de ce soi, de ce lieu très secret du cœur où le mystère s'est relévé à l'âme attentive des rishis. En ce lieu seulement, le lieu du “jaillissement” de la “source” comme l'appelait Ramana Maharishi, un dialogue véritable peut s'instaurer. (*Sách đã dẫn*, p. 35.)

- Nhất thể tán vạn thù, vạn thù quy nhất thể, v.v...

Trong tập san *Cao Đài Giáo Lý* số 80 (Trung Thu Nhâm Tý, tr. 9-10) có bài thơ bàn về chữ **Một** rất hay:

*Thầy lược giải huyền vi số Một,
Một vốn là trụ cốt càn khôn.
Một danh Thái Cực Chí Tôn,
Một là nhất quán vĩnh tồn trường sinh.
Một là vốn diệu linh tiến hóa,
Một là sinh tất cả muôn loài.
Khắp trong vũ trụ rộng dài,
Đều do một đạo Cao Đài hóa sinh.*

Khổng Tử cũng đã từ một nguyên lý ấy mà lập thuyết, vì thế Ngài mới nói: *Ngô đạo nhất dĩ quán chi. 吾道一以貫之*. (Luận Ngữ, Lý Nhân đệ tứ)

Thuyết **Thiên địa vạn vật nhất thể** chính là thuyết **Advaita** (Bất nhị) ⁽⁴⁶⁾ của triết học Ấn Độ, và cũng là chủ trương chính yếu của Veda. ⁽⁴⁷⁾

⁽⁴⁶⁾ *Advaita*: Non dualité; expérience advaitine; expérience de non-dualité (non dualité de l'atman et du Brahman, du principe dernier de son être et de sa personnalité et du principe suprême de l'univers). Henri Le Saux, *La Rencontre de l'hindouisme et du christianisme*, p. 229.

⁽⁴⁷⁾ Xem BAU.III.9.1. – Rig Veda. X.129.6. – Yajur Veda XXXII.1. – Rig Veda 1.164. 46. – Rig Veda VI.9.5. – Maitri Upanishad VI.8.; X. 114.5.; XV.1.24.1.

2. Tôi xác tín rằng con người đồng bản thể với Thượng Đế, vì đó chính là chủ trương của các đạo giáo:

- Bà La Môn cho rằng Atman, tức bản thể con người chính là Brahman, Thượng Đế, bản thể vũ trụ. Đó chính là học thuyết Advaita của Shankara.

- Thánh giáo Cao Đài viết: *“Thầy là các con, các con là Thầy.”* (Thánh Giáo Sư Tập 1968-1969, tr. 186.)

- Chúa Giêsu phán: *“Trong luật pháp các người há đã chẳng chép: Ta đã phán rằng anh em là thần mình hay sao?”* (Gioan, 10:34)

- Thánh Phaolô nói: *“Chúng ta là dòng dõi Thượng Đế.”* (Công Vụ Sứ Đồ, 17:29)

- Phật Giáo chủ trương: *Nhất thiết chúng sinh giai hữu Phật tính*, v.v...

3. Tôi xác tín rằng vì Thiên địa vạn vật nhất thể, nên vũ trụ vạn hữu có liên quan hết sức mật thiết với nhau: Mình là vạn hữu, vạn hữu là mình dưới những hình tướng khác.

Cũng vậy, toàn thể nhân loại vì cùng chung một bản thể, nên đều là anh em ruột thịt với nhau; mình là người, người là mình, cần tận tình thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau, đui dắt lẫn nhau lên dần tới tuyệt đỉnh tinh hoa.

Thương người như thể thương thân chính là lý tưởng cốt lõi của người Việt Nam chúng ta, và cũng chính là lý tưởng của các đạo giáo, của toàn thể nhân loại...

4. Tôi xác tín rằng Đạo Trời, Nước Trời, Hạnh Phúc,

Chân Lý, Tàn Lửa Thiên Chân chẳng ở đâu xa, mà đã ở ngay trong tâm khảm con người. Trời đã ngự trị ngay trong lòng con người. Đền thờ đẹp đẽ nhất không phải là đền thờ Giêrusalem, không phải là Vương Cung Thánh Đường Thánh Phêrô ở Vatican, không phải những đền thờ Hồi Giáo ở Mecca (Ả Rập) hay ở Ispahan (Iran), mà chính là tâm hồn thanh khiết, cao siêu của những con người thánh thiện.

- Chúa Giêsu phán: *“Nước Trời ở trong anh em.”* (Luca 17:21)

- Thánh Phaolô nói: *“Anh em là đền thờ Chúa Thánh Thần.”* (I Corintô 3:16)

- Thánh giáo Cao Đài:

*Ai cũng muốn thành Tiên cho chóng,
Mà quên rằng Phật sống nơi tâm,
Đầu non chót núi vái thăm,
Hang cùng nẻo tận ráng tâm cho ra,
Sao không nhớ lại lời Cha,
Định tâm thì thấy có xa đâu nào.*⁽⁴⁸⁾

⁽⁴⁸⁾ Tập san Cao Đài Giáo Lý, số 86, bài Quy Y Phật; số 91, bài Trời Chẳng Xa Người.

Vivekananda nói rằng mỗi linh hồn đều có Thượng Đế Tính trong tiềm thể. Mục đích các tôn giáo tựu trung chỉ là biểu hiện Thượng Đế Tính bên trong bằng cách chế ngự thiên nhiên, cả ngoại cảnh lẫn nội tâm... Giáo lý hoặc tín điều hoặc nghi lễ, kinh sách, hoặc giáo đường, hoặc hình thức đều là chỉ

5. Tôi xác tín rằng hành đạo chân chính là đem tinh hoa nhân loại lồng vào đời sống mình, là:

- Thực thi Giới, Định, Huệ.
- Tránh Tham, Sân, Si.
- Khử nhân dục, tôn Thiên lý.
- Tri chân, hành thiện.
- Yêu kính tha nhân, phục vụ tha nhân.
- Thành khẩn, chân thực, làm lành, làm phải.
- Khoan dung, đại độ.
- Thuận thời, xử thế, minh triết bảo thân.
- Điềm đạm, hư vô.
- Thời thường tinh tiến...

6. Tôi xác tín rằng cùng đích của nhân loại, cũng như mục phiêu của công cuộc tu trì, chính là để *thực hiện Thượng Đế* ngay từ khi còn ở gian trần này, chính là sống một cuộc đời thánh thiện, phối hợp nhất như với Thượng Đế ngay từ khi còn ở gian trần này.

Đại Học gọi thế là *dừng chân lại nơi toàn thiện*. (Chỉ ư chí thiện. 止於至善.)

tiết phụ thuộc... Cứu cánh của mọi tôn giáo là giác ngộ Thượng Đế trong linh hồn. Đó là tôn giáo phổ biến duy nhất... Xem John Yale, *Tôn Giáo Là Gì?* viết theo lời của Vivekananda. Dịch giả Vương Gia Hớn. Sài Gòn: An Tiêm, 1970, tr. 37-39.

Trung Dung, *Đạo Đức Kinh* gọi thế là *phối Thiên* 配天.

Người đạt đạo phải rũ bỏ được cái phàm tâm, cái mình nhỏ nhoi, hèn mọn, để mặc lấy Thiên Tâm, thiên thể, đại thể, đại đồng, thung dung, khinh khoáng, quên mọi biên cương bờ cõi, giới hạn, quên mọi tiểu tiết đặc thù, thung dung vui sống trong toàn thể vô biên.

Đó chính là trạng thái đại đồng, vô kỷ, vô công, vô danh của Trang Tử.⁽⁴⁹⁾

III. KẾT LUẬN

Đọc mãi các thánh thư, rốt cuộc sẽ tìm ra được một bộ Thánh Thư cổ nhất, quý nhất, nổi tiếng nhất trong thiên hạ, đó là pho sách *Lương Tâm Con Người*.

Khảo mãi các tôn giáo sẽ tìm ra được Chân Đạo, mà Chân Đạo ấy đã tiềm ẩn sẵn trong lòng mọi người. Đó là con đường dẫn từ tâm đến Thần. Trên con đường từ tâm đến Thần đó, mỗi bước tiến phải được đánh dấu bằng sự gạn đục khơi trong trong tâm hồn. Càng tiến tới, càng phải thêm sáng láng về tâm linh, càng phải thêm khinh phiêu về cốt cách. Có *Tinh* thì mới *Nhất* được...

Tuy nhiên đi tìm cho ra Chân Đạo, Đại Đạo không phải là chuyện dễ. Lắm lúc chúng ta muốn nói như nhà thơ Lý Bạch (701-762), trong bài thơ *Hành Lộ Nan*:

⁽⁴⁹⁾ *Trang Tử Nam Hoa Kinh*, thiên *Tại Hựu* và *Tiêu Diêu Du*.

Đường đi khó, tìm đường đi khó quá,
 Rút kiếm bén, ngõ ngang trông đây đó,
 Lòng băn khoăn, ta biết sẽ đi đâu?
 Muốn qua Hoàng Hà băng giá lấp sông sâu,
 Muốn lên non Thái tuyết một màu ảm đạm.
 Muốn khuây khỏa, vừa ra khe buông câu tạm,
 Đã mơ màng thuyền mộng lướt trời mây.
 Đường muôn ngã, đường muôn ngã, đâu còn đây?
 Khó đi quá, tìm đường đi khó quá...
 Nhưng gió lộng sẽ phá muôn tầm sóng cả,
 Thổi buồm mây một lá téch ngàn khơi.
 Đại Đạo lớn, lớn trùm cả khung trời,
 Mà bịn rịn, ta chưa ra đi nổi ...

Khó thì khó thật, nhưng không phải vì thế mà chúng ta không đi tìm.

Khó thì khó thật, nhưng không phải vì thế mà tìm không được.

Đấng Chí Tôn giáng cơ cho biết:

Con đòi chi, thì Thầy cho nấy,
 Con nào muốn ăn mặn, thì Thầy cho ăn mặn,
 Con nào muốn ăn ngọt, thì Thầy cho ăn ngọt.
 Con nào muốn ăn cay, thì Thầy cho ăn cay.
 Lên rừng, thì Thầy cho củi,

Xuống biển thì Thầy cho muối nghe con...⁽⁵⁰⁾

Biết được Thiên ý là như vậy, nên tôi xin kết thúc bài thuyết trình này bằng một bản thánh ca trích trong *Veda*:

Đường Trời cao vút tầng mây,
 Ai ơi đừng có một ngày lui chân.
 Đức Trời lồng với kinh luân,
 Ta đem ta xẻ, ta phần cho ai,
 Hãy lên rong ruổi xe Trời,
 Bằng miền cực lạc muôn đời trường sinh.
 Rặng long đầu bạc mặc tình,
 Đừng bao giờ nói rằng mình già nua.
 Thần thông Trời đã phú cho,
 Bạc đầu lòng vẫn nhớn như, nhẹ nhàng.
 Vén mây, vượt núi băng ngàn,
 Đường Trời chót vót chớ màng lui chân.
 (Atharvaveda)

NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 22-8-1976

Kỷ niệm một năm ngày thành lập

Hội Đồng Nghiên Cứu Giáo Lý Đại Đạo

⁽⁵⁰⁾ Cao Đài Giáo Lý, số 77, tr. 20.

BÀI PHÚ TIỀN XÍCH BÍCH CỦA TÔ THỨC

Nhân Tử NGUYỄN VĂN THỌ dịch thơ

Ban Ân Tống:

Tô Thức 蘇軾, tự Tử Chiêm 子瞻, thường gọi Tô Đông Pha 蘇東坡 (1036-1101), người tỉnh Tứ Xuyên 四川, Trung Hoa, đỗ tiến sĩ đời vua Tống Nhân Tông 宋仁宗 (1010-1063).

Vì chỉ trích chính sách của tể tướng Vương An Thạch 王安石 (1021-1086), bị đày ra Hoàng Châu 黃州, ông làm nhà tại Đông Pha, lấy hiệu Đông Pha Cư Sĩ 東坡居士.

Mùa thu Nhâm Tuất (1082), cùng bạn chơi thuyền trên sông Xích Bích, ông ngẫu hứng làm bài *Tiền Xích Bích Phú* 前赤壁賦.

Ba tháng sau, đến tiết đông, ông lại tới chơi khúc sông này lần nữa, cảm tác thêm bài *Hậu Xích Bích Phú* 後赤壁賦.

Đó là hai kiệt tác trong văn học Trung Hoa.

Tên sông Xích Bích gắn liền với một chiến trường nổi tiếng thời Tam Quốc: Chu Du dùng lửa đại phá thủy quân Tào Tháo vào mùa đông năm 208.

Năm Nhâm Tuất mùa thu tháng Bảy,
Rằm đã qua, chiều lại băng khuâng,
Dưới chân Xích Bích chập chùng,
Khách cùng Tô Tử ⁽¹⁾ thuận dòng chơi trăng.
Gió thu nhẹ linh lung khẽ thổi,
Sông như gương chẳng nổi sóng hoa,
Rượu ngon chuốc chén năm ba,
Hát cung “Yếu Diệu”, ngâm thơ “Trăng Vàng”. ⁽²⁾
Chẳng mấy chốc đông ngàn trăng ló,
Rê Đầu Ngưu ⁽³⁾ bờ ngõ đường mây,
Sương vương mặt nước tỉnh say,

Các chú thích trong bài do Huệ Khải:

⁽¹⁾ *Tô Tử* 蘇子: Tô Đông Pha.

⁽²⁾ *Yếu Diệu* 窈窕: Nhan đề một chương ở thơ *Minh Nguyệt* trong *Kinh Thi*. Nhân Tử chuyển *Minh Nguyệt* thành *Trăng Vàng*.

⁽³⁾ *Đầu Ngưu* 斗牛: Theo thiên văn cổ Trung Hoa, Nhị Thập Bát Tú (hai mươi tám vì sao) gồm bốn nhóm (mỗi nhóm bảy sao): Thanh Long ở phương Đông, Huyền Vũ phương Bắc, Bạch Hổ phương Tây, Chu Tước phương Nam. Sao đầu tiên trong nhóm Huyền Vũ là *Đầu* (hành Mộc, tương ứng con cua, nên còn gọi *Đầu Mộc Giải* 斗木蟹), tức là sao *Sagittarius* theo thiên văn phương Tây. Sao thứ hai là Ngưu (hành Kim, tương ứng con trâu, nên còn gọi *Ngưu Kim Ngưu* 牛金牛), tức là sao *Capricornus* theo thiên văn phương Tây.

Dòng sông trong vắt in mây lồng trời.
 Thuyền một lá chơi vui thỏa thích,
 Nước muôn tầm xa tít mênh mông,
 Nhẹ nhàng cười gió tầng không,
 Thuyền trôi nào biết vân mông ⁽⁴⁾ về đâu!
 Lòng phơi phới ngỡ hầu thoát tục,
 Tung cánh mơ phơ phát lên tiên,
 Rượu ngon chênh choáng hơi men,
 Nhịp nhàng ta gõ mạn thuyền ta ca:
 “Chèo lan nhẹ đẩy đưa thuyền quế,⁽⁵⁾

⁽⁴⁾ *Vân mông*: (Tiếng Việt cổ) Tin tức, manh mối.

⁽⁵⁾ Tô Thức viết: *Quế trạo hề lan tường* 桂棹兮蘭槳. *Trạo* và *tường* đều là mái chèo (*oar, paddle*). *Lan tường*, *quế trạo* được Nhân Tử dịch thoát là *chèo lan*, *thuyền quế*.

Hoa lan 蘭 (*orchid*) và cỏ chi 芝 (*zoysia pungens*) có hương thơm, văn học dùng để tượng trưng người quân tử hiền đức, tài hoa. Khổng Tử Gia Ngữ 孔子家語 có câu: *Chi lan sanh ư thâm lâm, bất dĩ vô nhân nhi bất phương. Quân tử tu đạo lập đức, bất vị cùng khôn nhi cải tiết.* 芝蘭生於深林, 不以無人而不芳. 君子修道立德, 不謂窮困而改節. (Cỏ chi và hoa lan mọc trong rừng sâu, nào phải vì không có người lui tới mà chẳng thơm. Bậc quân tử tu đạo lập đức, đâu nói rằng vì bị cùng khôn mà thay đổi khí tiết.)

Quế (*cinnamomum cassia*) là một vị thuốc. Trong văn học gọi người thi đậu là *bẻ cành quế* (chiết quế 折桂), *tay vin cành*

Khua ánh trăng ta rẽ nước mây,
 Nhớ ai canh cánh khôn khuây,
 Nhớ người má phấn đỏ đây cách trùng.”
 Khách có kẻ tay nâng ống sáo,
 Theo lời ca mà tạo nên cung,
 Trên sông tiếng trúc linh lung,
 Như sầu như thảm não nùng oán than.
 Trời mây nước âm vang phảng phất,
 Nước trời mây hiu hắt dư ba,
 Giao long động tới la đà,
 Thuyền đơn gái góa mắt lòa lệ châu.⁽⁶⁾
 Tô Tử bỗng rầu rầu nét mặt,
 Sửa dung y, khoan nhặt gạn gùng:

quế đỏ (thủ phan đan quế 手攀丹桂); sổ sách ghi tên những người thi đậu gọi là *quế tịch* 桂籍.

Do đó, *chèo lan*, *chèo quế* (*thuyền quế*) hay *lan tường*, *quế trạo* hàm dụ con thuyền chở kẻ sĩ, bậc đại khoa (đỗ đạt cao), người quân tử; hiểu rộng ra là thuyền chở người sang cả, thanh cao.

Khi khóc chồng là hoàng đế Quang Trung (Nguyễn Huệ, 1753-1792), Bắc Cung Hoàng Hậu 北宮皇后 tức bà Lê Ngọc Hân (1770-1799) làm bài *Ai Tư Vãn* 哀思挽 (chữ Nôm) có câu: *Thuyền lan, chèo quế thuận đường vu quy.*

⁽⁶⁾ Nguyên văn: 泣孤舟之嫠婦 挹 cô chu chi ly phụ.

Vì đâu thổi tiếng náo nùng,
 Cùng nhau xin cạn nỗi lòng tiêu sơ.
 Khách mới đáp: “Sao thừa trăng sáng,
 Mấy bóng ô lãng đãng về Nam,
 Ấy thơ Mạnh Đức ⁽⁷⁾ xưa làm,
 Dư âm phất phưởng mơ màng đâu đây.
 Đây có phải phía Tây, Hạ Khẩu,
 Miền Đông kia phải dấu Vũ Xương? ⁽⁸⁾
 Sông sâu núi biếc miên man,
 Cỏ cây muôn khóm chứa chan sự đời.
 Xưa Mạnh Đức toi bờ nghiêng ngửa,
 Phải nơi đây vì lửa Chu lang, ⁽⁹⁾
 Hồi nào quân tướng băng băng,

⁽⁷⁾ *Mạnh Đức* 孟德: TỰ của Tào Tháo 曹操 (155-220), nhà chính trị, quân sự danh tiếng cuối đời Đông Hán (Trung Quốc).

⁽⁸⁾ *Hạ Khẩu* 夏口, *Vũ Xương* 武昌: Hai chiến trường do Chu Du cầm quân.

⁽⁹⁾ *Chu lang* 周郎: Chàng họ Chu, tức Chu Du 周瑜 (175-210), tự Công Cẩn 公瑾, danh tướng Đông Ngô thời Tam Quốc (Trung Quốc), chuyên về thủy chiến, lãnh chức đại đô đốc, nổi tiếng với chiến thắng trên sông Xích Bích đánh bại thủy quân Tào Tháo vào mùa đông năm 208.

Lửa Chu lang: Chu Du dùng thuyền chở đầy chất đốt, rồi đốt cháy bùng lên khi lao vào chiến thuyền quân Tào Tháo.

Kinh Châu vừa phá, Giang Lăng ⁽¹⁰⁾ đà vào.
 Thuận dòng nước ào ào tuôn đến,
 Ngát trời mây xao xuyên bóng cờ,
 Chén vàng pha ánh trăng mờ,
 Ngà say quay giáo ngâm thơ oai hùng.
 Ấy hào kiệt lấy lòng một thửa,
 Xưa tung hoành, nay ở nơi đâu?
 Còn ta ẩn dật giang đầu,
 Ngư tiêu cam phận dải dầu hôm mai.
 Lấy tôm cá hươu nai làm bạn,
 Một thuyền con mấy bận cùng say,
 Phù du phận gửi trời mây,
 Chiếc thân hạt thóc há đầy trùng dương.
 Ngán kiếp sống mau nhưong gió thoảng,
 Khen sông dài thẳng đặng vô cùng,
 Lòng ta những muốn vẫy vùng,
 Sánh vai tiên tử ngàn trùng lãng du.
 Ôm trăng sáng say sưa thoải mái,
 Sống cùng trăng, sống mãi với đời,

⁽¹⁰⁾ *Giang Lăng* 江陵: Một huyện thuộc Kinh Châu 荊州; nơi đây diễn ra đại chiến giữa Tôn Quyền (có đại tướng Chu Du), Lưu Bị, và Tào Tháo.

H.Kh. chú thích (07-02-2014)

Nhưng mơ chẳng thực với người,
 Nên ta quyến gió thổi bài sầu than.”
 Tô Tử đáp: “Kìa trăng nọ nước,
 Nước kia trôi sau trước vẫn nguyên,
 Trăng kia tròn khuyết đôi phen,
 Mà nào có giảm có thêm bao giờ.
 Từ biến chuyển nhìn ra trời đất,
 Thì đất trời chớp mắt đã qua,
 Từ trong vĩnh cửu nhìn ra,
 Muôn loài muôn vật như ta vô cùng.
 Chi mà phải mất công khen ngợi,
 Của cải đời chi vội bon chen,
 Vật nào chủ nấy dĩ nhiên,
 Của người tơ tóc chẳng thêm mảy may.
 Duy gió mát tỉnh say mặt nước,
 Duy trăng trong tha thướt đầu non,
 Tha hồ tai ngóng, mắt nom,
 Thanh âm sắc thái muôn muôn ngàn ngàn.
 Đây là cả kho tàng Tạo Hóa,
 Tha hồ dùng, dùng đã ai ngăn,
 Ấy kho vô tận vô ngần,
 Chung nhau tôi bác quây quần hưởng vui.”
 Khách nghe cạn, tươi cười hơn hởi,

Nâng chén quỳnh uống nữa thêm vui,
 Thệt thà hoa quả nhắm rồi,
 Mâm mâm bát bát toi bời ngổn ngang.
 Chung gối ngủ trong khoang một giấc,
 Trời hừng đông sáng quắc nào hay.

Nhân Tử NGUYỄN VĂN THỌ dịch



Tô Đông Pha. *Sơn dầu*: Ngô Thừa Nghiễn 吳承硯

NIÊN BIỂU NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ

HUỆ KHẢI

1921: Sinh tại Chi Long, Hà Nam, 15-12 (17-11 Tân Dậu).

1944: Đậu Tú Tài toàn phần triết học văn chương Pháp.

1952: Tốt nghiệp bác sĩ khoa y Đại Học Hà Nội. Luận án *Les Secrets des Reins Révélés* (150 trang) bình dịch *Huyền Tần Phát Vi* của Hải Thượng Lãn Ông (1720-1791), so sánh Tây y với Đông y (âm dương, thủy hỏa, hàn nhiệt, hư thực...).

Về *thận*, ông cho rằng ngoài hai quả thận tương ứng với hai quả thận theo Tây y, Đông y còn có *mệnh môn* tương ứng với các *hạch thượng thận* (*capsules surrénales*) trong Tây y.

Mệnh môn gồm ba phần: ① *Chân thủy*: chủ điều hòa huyết dịch, tương ứng với vùng đới cầu (*zone glomérulée*) sinh ra các chất *minéralocorticoïdes* trong Tây y. ② *Chân hỏa*: chủ điều hòa khí lực, tương ứng với vùng chùm (*zone fasciculée*) sinh ra các chất *glucocorticoïdes* trong Tây y. ③ *Mệnh môn* ở giữa chủ sinh dục, tương ứng với vùng võng đới (*zone réticulée*) sinh ra các chất *hạch sinh dục* (*hormones sexuelles*) của Tây y.

Giáo sư Pierre Huard (1901-1983),⁽¹⁾ trong *La Médecine Chinoise au Cours des Siècles*, tán thưởng luận án này, cho rằng bác sĩ Nguyễn Văn Thọ có công bắc được nhịp cầu nối Đông và Tây y. Luận án được giải thưởng năm đó.⁽²⁾

Tháng 12-1955 / tháng 6-1956: Tu nghiệp khoa y ở Texas, Mỹ.

Khoảng 1956-1963: Phó Hội Trưởng, rồi Hội Trưởng Hội Cổ Học Đà Nẵng.

1960: In tác phẩm đầu tay *Khảo Luận Và Phê Bình Học Thuyết Khổng Tử*. Bản thảo *Trung Dung Tân Khảo* được Tinh Việt Văn Đoàn trao giải thưởng văn chương Lecomte du Noüy.

1962: Hội Viên Tinh Việt Văn Đoàn (đoàn trưởng là Phạm Đình Tân).

1965: Hoàn tất các bản thảo: *Dịch Học Nhập Môn*; *Dịch Kinh Giản Lược*; *Dịch Luận Thiên*; *Hà Đồ*; *Lạc Thư*; *Thái Cực Luận*; *Tượng Luận Thiên*; *Vô Cực Luận*.

⁽¹⁾ Tác giả *Etudes Historiques sur l'Ancienne Médecine du Vietnam et en Chine* (1955); *Lãn Ông et la Médecine Sino-Vietnamienne* (1956). Nguyên quán Louvain, sinh tại Bastia (đảo Corse), P. Huard là hiệu trưởng người Pháp cuối cùng của Đại Học Y Hà Nội.

⁽²⁾ Hoàng Vũ. “Vào Đạo Học Triết Học Với Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ”, nguyệt san *Minh Đức*. Sài Gòn: tháng 12-1973 và 01-1974, tr. 63-102.

1966: Được tạp chí *Concilium* ⁽³⁾ giới thiệu làm hội viên Hội Thần Học Quốc Tế (La Haye). Hoàn tất các bản thảo *Âm Dương Luận; Ngũ Hành Luận; Tứ Tượng Luận*.

1967: Dạy triết học Trung Quốc tại Đại Học Văn Khoa (Viện Đại Học Sài Gòn); rồi là giảng sư thực thụ tại đây (1972-75). Hoàn tất các bản thảo: *Đạo Đức Kinh* (bình dịch); *Hướng Tinh Thần; Kinh Dịch* (diễn ca và bình

⁽³⁾ Thành lập năm 1965, mỗi năm phát hành năm số, *Concilium* là một tạp chí thần học quốc tế của Giáo Hội Công Giáo La Mã. Sáng lập tạp chí là bảy vị: Anton van den Boogaard, Paul Brand, Yves Congar (linh mục dòng Đa Minh), Hans Küng, Johann Baptist Metz, Karl Rahner (linh mục dòng Tên), và Edward Schillebeeckx (linh mục dòng Đa Minh). Tạp chí in sáu thứ tiếng: Anh, Bồ Đào Nha, Croatian, Đức, Tây Ban Nha, và Ý. Hiện nay (2014), giá bán năm số báo (trọn một năm) khoảng 110 Mỹ kim. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hiện nay là Felix Wilfred (Ấn Độ), và ba phó chủ tịch (Chile, Mỹ, Pháp). Hội Đồng Biên Tập gồm khoảng hai mươi người (linh mục và thế tục) thuộc các nước: Ấn Độ, Bồ Đào Nha, Brazil, Cameroon, Canada, Chile, Đức, El Salvador, Hà Lan, Mỹ, Nam Phi, Pháp, Philippines, Sarajevo, Tây Ban Nha, Ý.

Tạp chí *Concilium* có mục đích khuyến khích thảo luận về thần học theo tinh thần Công Đồng Vatican II, bởi vì tạp chí ra đời cũng do Công Đồng này (Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII khai mạc Công Đồng Vatican II năm 1962, và Đức Giáo Hoàng Phaolô VI bế mạc năm 1965). Thế nên, tạp chí *Concilium* còn mở cửa đón nhận các truyền thống thần học Kitô khác và các đức tin ngoài Kitô Giáo. Địa chỉ Website của tạp chí là <http://www.concilium.in> và địa chỉ Blog của tạp chí là <http://blog.concilium.in>.

giảng); *Văn Hóa Là Gì?* và bản dịch tiếng Pháp *Qu'est-ce que la Culture?*

1967-69: Tham gia Ủy Ban Diễn Chế Văn Tự (Sài Gòn).

1968: In *Lecomte Du Noüy Và Học Thuyết Viễn Đích*. Hoàn tất bản thảo *Trung Dung Bình Giản*.

1970: In *Những Điểm Tương Đồng Giữa Phật Giáo, Công Giáo Và Khổng Giáo*. In *Khổng Học Tinh Hoa*.

1970-71: Dạy Tôn Giáo Đối Chiếu (*Comparative Religion*) tại cơ sở Alexandre de Rhodes (dòng Tên, 161 đường Yên Đỗ, quận 3, Sài Gòn).

1970-82: Thuyết giảng Kinh Dịch, Khổng, Lão, Tôn Giáo Đối Chiếu... tại Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Cao Đài Giáo Việt Nam (171 đường Cống Quỳnh, quận 1, Sài Gòn).

1971: Dạy Triết tại Khoa Triết (Viện Đại Học Minh Đức). In *Chân Dung Khổng Tử*.

1973-75: Trưởng Ban Triết Đông (Viện Đại Học Minh Đức).

1977: Hoàn tất các bản thảo *Huỳnh Đình Kinh; Tinh Hoa Lão Giáo (Đạo Học Cầu Chân); Tinh Hoa Phật Giáo; Tinh Hoa Khổng Giáo*.

1978: Hoàn tất các bản thảo *Tinh Hoa Bà La Môn Giáo; Thuyết Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể*.

1978-81: Dịch văn bản chữ Nôm thế kỷ XVII của Giáo Sĩ Maiorica (1591-1656) và tập đoàn (được hơn 1.000 trang).

1980: Hoàn tất các bản thảo *Tinh Hoa Thiên Chúa Giáo*; *Trang Tử*.

1982: Định cư ở bang California (Mỹ).

1983: Thi đậu Flex, Ecfmg (tương đương bác sĩ Mỹ).

1984: Hoàn tất bản thảo *Đông Y Dược Thảo*.

1987 / tháng 8-1989: Thuyết giảng triết giáo phương Đông cho cộng đồng người Việt ở Mỹ.

Tháng 9-1989: Cánh tay phải bị bại (vì tai biến). Vẫn không ngừng làm việc, với sự trợ giúp đặc lực của người bạn đời tận tụy (bà Huyền Linh Lê Thị Yến).

1990: Hoàn tất bản thảo *Đường Tiên Nẻo Phật*.

1991: Hoàn tất bản thảo *The Monistic Theory*.

1997: Xuất bản bộ *Dịch Kinh Đại Toàn*, ba tập, viết chung với Huyền Linh Lê Thị Yến.

2002: Nhà xuất bản Nhân Tử Văn ấn hành: *Hướng Tinh Thần*; *Phật Học Chỉ Nam*; *Tham Đồng Khế Trục Chỉ*; *Thiên Địa Vạn Vật Đồng Nhất Thể*; *Tinh Hoa Các Đạo Giáo*; *Tính Mệnh Khuê Chỉ*; *Trung Dung Tân Khảo*.

2007, ngày 15-12: Ra mắt website <http://nhantu.net> nhân dịp sinh nhật.

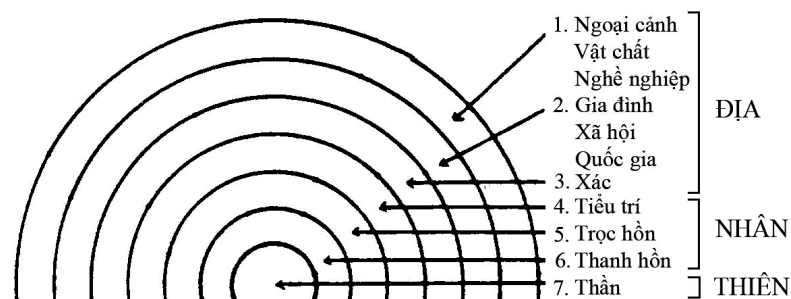
2014, ngày 07 tháng 01: Tạ thế lúc 00 giờ 25 sáng, tại Issaquah, bang Washington, Mỹ.

HUỆ KHẢI

với tâm lòng quý mến
của các bạn

(Chữ ký)
Saigon 12/4/72

Thủ bút và chữ ký (12-4-1972)
của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



Bảy tầng lớp trong con người – quan niệm của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (1970). Năm tầng 1-5 là ngoại giáo công truyền (*exotericism*); hai tầng 6-7 là bí giáo (*esotericism*). [*Tinh Hoa Cao Đài Giáo*, Nxb Tôn Giáo, 2010, tr. 28.]



Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (1921-2014)



Gia đình bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ
trong một lần viếng Bảo Tàng Chăm ở Đà Nẵng.



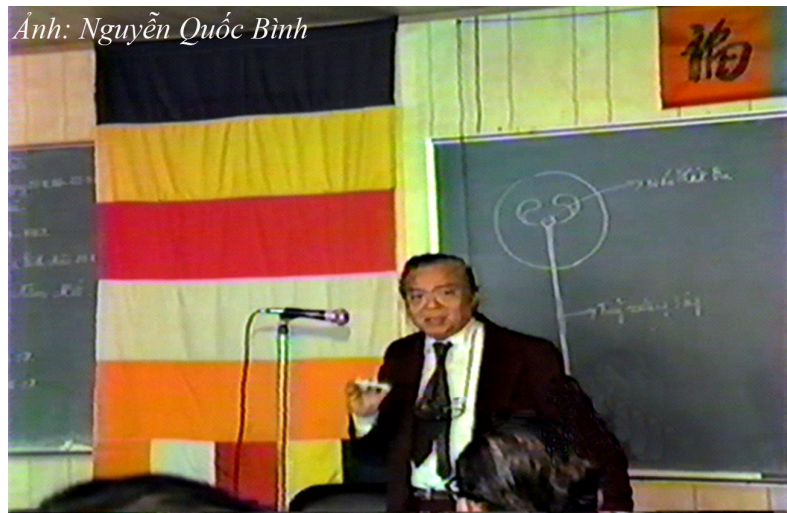
Ông Phạm Đình Tân và bác sĩ Nguyễn Văn Thọ (X) trong buổi trao giải thưởng văn chương Lecomte du Noüy do Tỉnh Việt Văn Đoàn lập (1958). Ông Tân là Đoàn Trưởng Tỉnh Việt Văn Đoàn.



Căn nhà số 77 Võ Tánh (nay là đường Hoàng Văn Thụ, quận Phú Nhuận) của gia đình bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ.



Nam California 1985: Ông. bác sĩ Nguyễn Văn Thọ (+) đứng chủ hôn cho anh Nguyễn Duy Chính (X). Cô dâu là Bùi Thị Thịnh.



Ảnh: Nguyễn Quốc Bình



Ảnh: Nguyễn Duy Chính



Ảnh: Nguyễn Duy Chính



Ảnh: Nguyễn Duy Chính

Chùa Việt Nam (12292 Magnolia St, Garden Grove, California):
Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ giảng Kinh Dịch (miễn phí).

Chùa Việt Nam (12292 Magnolia St, Garden Grove, California):
Lớp Kinh Dịch miễn phí của bác sĩ Nguyễn Văn Thọ (X).



Ảnh: Nguyễn Duy Chính

Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (X) và học viên lớp Kinh Dịch miễn phí tại chùa Việt Nam (Garden Grove, California)



Chùa Việt Nam (12292 Magnolia St, Garden Grove, CA):
Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (X) và học viên lớp Kinh Dịch
trong một buổi sinh hoạt cuối năm. (*Ảnh: Nguyễn Duy Chính*)



Chùa Việt Nam: Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ (X) và học
viên lớp Kinh Dịch trong một buổi sinh hoạt cuối năm.
Ảnh: Nguyễn Duy Chính



Ảnh: Nguyễn Quốc Bình

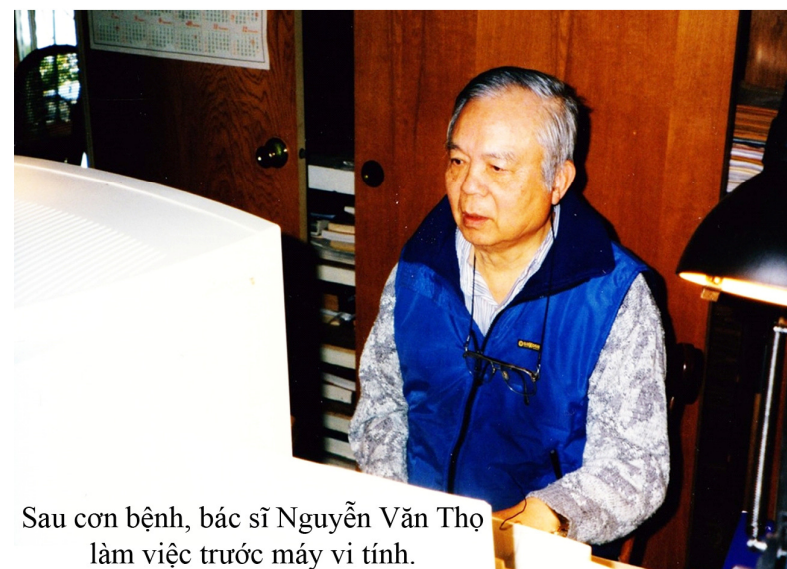


Ảnh: Nguyễn Quốc Bình

Mobile home của Ô.B. bác sĩ Nguyễn Văn Thọ ở khu Bolsa.



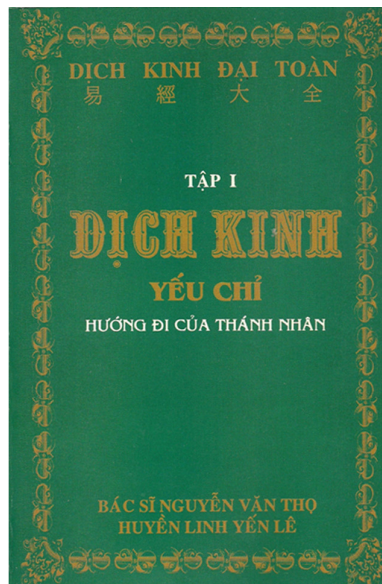
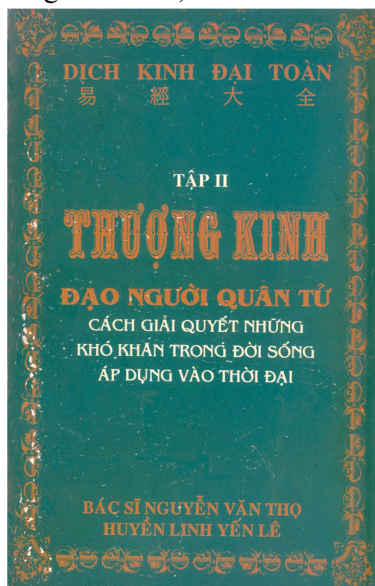
Ông bà bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



Sau cơn bệnh, bác sĩ Nguyễn Văn Thọ làm việc trước máy vi tính.



Vợ chồng cùng hợp soạn bộ *Kinh Dịch Đại Toàn* (ba tập) trong năm năm, xuất bản 1997.



Văn hóa Đông phương

Oriental Culture - Trang web Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ - encoding Unicode UTF-8

trang chủ triết học tôn giáo dịch học văn học biên khảo tổng quát tổng mục sách đã xuất bản links email

東方文化



Bác sĩ Nhân Tử NGUYỄN VĂN THỌ

Bác sĩ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ sinh ngày 15 tháng 12 năm 1921 tại Chi Long, Hà Nam, Bắc Việt. Tốt nghiệp Đại học Y khoa Hà Nội năm 1952. Phục vụ ngành Quân Y từ năm 1952 đến năm 1965 với cấp bậc Thiếu Tá và giữ chức vụ Chỉ huy Tổng Y Viện Dục Tân (Đà Nẵng) từ năm 1956 đến 1963. Từ năm 1967 cho đến 1975, Bác sĩ là Giáo sư Đại Học Văn Khoa và Minh Đức (Saigon), khoa Triết Học Đông Phương. Năm 1960 tác giả được trao giải thưởng văn chương Tinh Việt Văn Đoàn qua tác phẩm Trung Dung Tân Khảo.

Kể từ năm 1956 Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ đã nghiên cứu về Triết học Đông phương, bắt đầu từ Khổng Giáo trong suốt 9 năm liền, sau đó là Lão Giáo, rồi đến Bà La Môn, Phật Giáo và tiếp theo là Thiên Chúa Giáo và các đạo giáo ở Âu Châu.

Năm 1982 Bác sĩ cũng gia đình định cư tại Hoa Kỳ và lấy bằng Bác Sĩ Y Khoa tương đương tại Hoa Kỳ vào năm 1983. Bác sĩ Nguyễn Văn Thọ từng là cộng tác viên của nhiều nguyệt san tại Việt Nam, Hoa Kỳ, Canada, Đức, Úc và đã hoàn tất 18 tác phẩm với khoảng 7000 trang về hai đề tài chính là Triết Học Đông Phương và Tôn Giáo Đối Chiếu. Bác sĩ Thọ chuyển khảo cứu về Chữ Nôm của thế kỷ 17 và đã phiên dịch được hơn 1000 trang Chữ Nôm của Lĩnh Mực Majorica cũng như đã viết và dịch xong 7 cuốn sách về Đạo Lão gồm Phép Tu Tiên hay Tiên Thiên Khí Công như cuốn Lão Tử Trang Giản Lược, Đạo Đức Kinh, Huỳnh Đình Kinh, Tinh Mệnh Khuyết Chỉ, Tham Đồng Khế, Ngô Chấn Trục Chỉ, Tượng Ngôn Pháp Nghi.



* Tranh Thẩm Chu (1427-1509)

Lời giới thiệu của HOÀNG VŨ (Bác sĩ Hoàng Văn Đức):

» Vào Đạo học - Triết học với Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ



Trang chủ website *nhantu.net*
VĂN HÓA ĐÔNG PHƯƠNG
hoạt động từ 15-12-2007.

Xem toàn bộ các tác phẩm tại **Tổng Mục**

📖 **E-Books** » [Khổng học tinh hoa](#) » [Leconte du Noury và học thuyết Viễn Dịch](#) » [Chân Dung Khổng Tử](#) » [Kinh Dịch \(Dịch Kinh Đại Toàn\)](#) » [Tinh Hoa Các Đạo Giáo](#) » [Tinh Mệnh Khuyết Chỉ Toàn Thư](#) » [Đường vào Triết học và Đạo học](#) » [Thiên địa vạn vật đồng nhất thể](#) » [Tham Đồng Khế Trục Chỉ](#) » [Phật Học Chí Nam](#) » [Trung Dung Tân Khảo](#) » [Monistic Theory](#) » [Đạo Đức Kinh](#) » [Huỳnh Đình Kinh](#) » [Ngô Chấn Trục Chỉ](#) » [Kinh Thi](#) » [Hương Tinh Thần](#) » [Tượng Ngôn Pháp Nghi](#) » [Thiên văn học cổ Trung Hoa](#) » [Âm Phủ Kinh](#)

📖 **Bài mới**: » [Tu hành là gì?](#) » [Định luật tiến hóa](#) » [Nê hoàn - Nhâm - Đức](#) » [Tư tưởng Nho học và sự bản địa hóa tại Việt Nam](#) » [Tư tưởng Lão học và sự bản địa hóa tại Việt Nam](#) » [Tư tưởng Phật học và sự bản địa hóa tại Việt Nam](#) » [Đại đạo và tôn giáo](#) » [Quan niệm Tam Tài với con người](#) » [Văn hóa là gì?](#) » [Qu'est ce que la culture?](#)

Trang web hoạt động từ 15-12-2007 * © Bản quyền của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ All rights reserved
Màn hình hiển thị tốt nhất với IE và font Arial Unicode MS vì có chữ Hán | [Trợ giúp kỹ thuật](#)

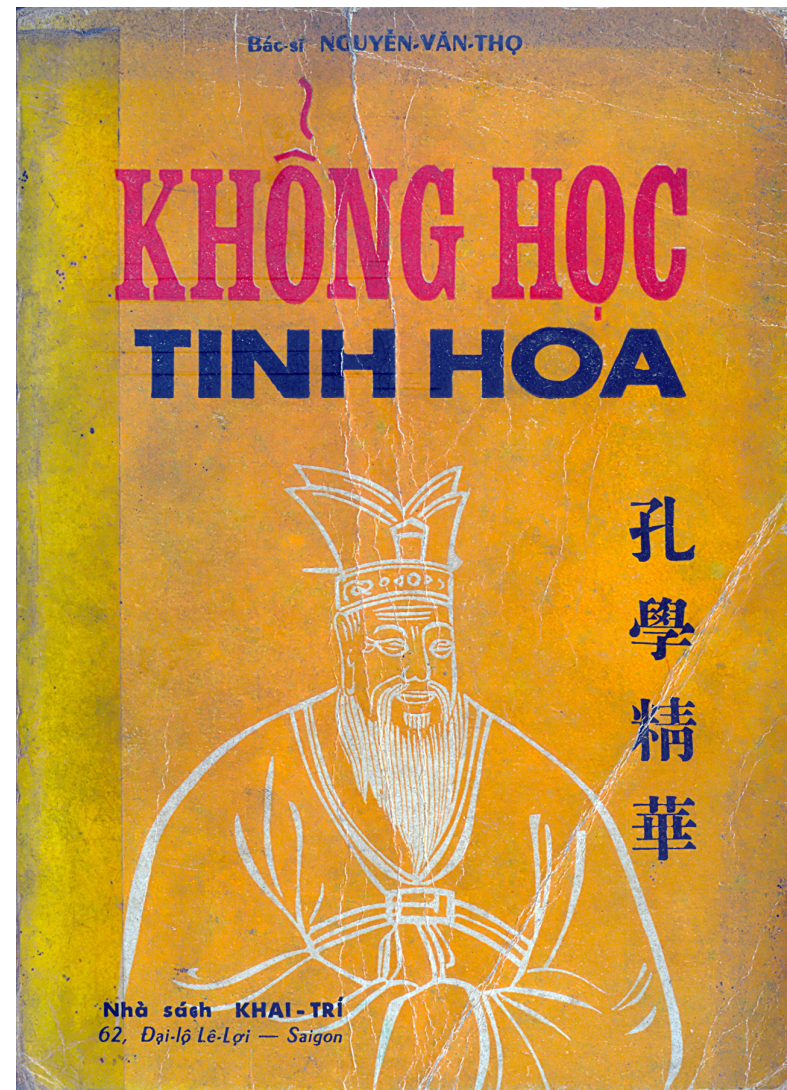
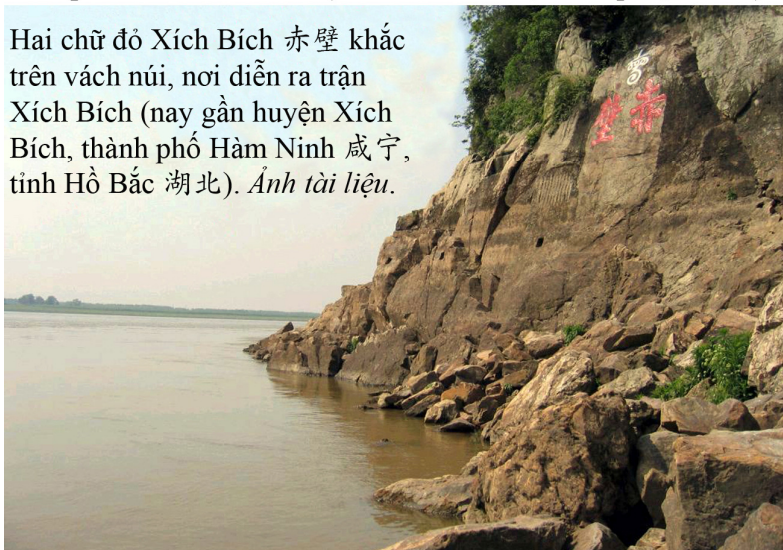
Quý vị vui lòng ghi rõ nguồn gốc khi trích dẫn các bài viết hay ebook từ website này.

DẠNG TỰ

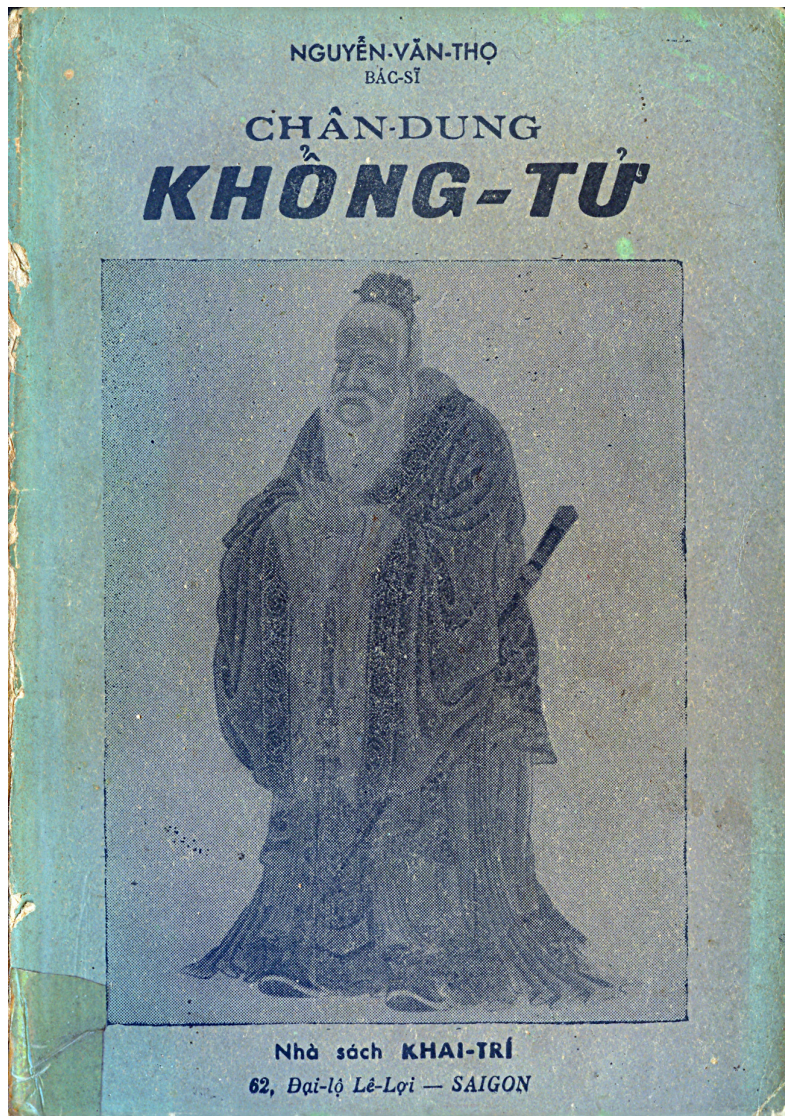


Phó Bão Thạch 傅抱石 vẽ Tô Thức chơi thuyền trên sông làm bài phú Tiền Xích Bích. (Xem Nhân Tử dịch bài phú, tr. 163)

Hai chữ đỏ Xích Bích 赤壁 khắc trên vách núi, nơi diễn ra trận Xích Bích (nay gần huyện Xích Bích, thành phố Hàm Ninh 咸宁, tỉnh Hồ Bắc 湖北). Ảnh tài liệu.



Sài Gòn: Khai Trí xuất bản, 1970, 460 trang (14 x 25 cm)



Sài Gòn: Khai Trí xuất bản, 1971, 368 trang (14 x 25 cm)



Sách của Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ do Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo thực hiện (2010, 2013).

Ông bà Nguyễn Văn Thọ (Nam California 1985)



CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

ĐÃ XUẤT BẢN:

- 1-3. **ĐẤT NAM KỲ — TIẾN ĐẾN VĂN HÓA MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2012.
- 2-3. **NGŨ VĂN CHIÊU — NGƯỜI MÔN ĐỆ CAO ĐÀI ĐẦU TIÊN.** Huệ Khải, 2008, 2009, 2012.
- 3-2. **LỜI VÀNG SEN TRẮNG.** Bạch Liên Tiên Trưởng; Huệ Khải chú thích, 2008, 2009.
- 4-2. **LÒNG CON TIN ĐẮNG CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010.
- 5-3. **LUẬT NHÂN QUẢ THEO GIÁO LÝ CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008, 2010, 2012.
- 6-2. **ĐẤT NAM KỲ — TIẾN ĐẾN PHÁP LÝ MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2008 in hai lần, 2010.
- 7-1. **CÁC THÁNH SỞ CAO ĐÀI TỈNH LONG AN.** Đạt Linh, Đạt Truyền, Huệ Khải, 2008.
- 8-2. **BỒI DƯỠNG ĐỨC TIN.** Bùi Văn Tâm, 2008, 2012.
- 9-2. **LỄ BỐN.** Cao Triều Phát soạn; Huệ Khải, Lê Anh Minh san nhuận 2008, 2009.
- 10-3. **CƠ DUYÊN VÀ TUỔI TRẺ.** Phạm Văn Liêm, 2009 in hai lần, 2012.
- 11-2. **NHỚ ĐẠT LINH.** Huệ Khải chủ biên, 2008, 2009.
- 12-3. **KINH CỨU KHỔ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 13-1. **HỌC TẬP THÁNH GIÁO NĂM ẤT TÝ (1965).** Huệ Khải, Lê Anh Minh hiệp chú, 2009.
- 14-2. **ĐẠO ÁO TRẮNG.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2010.
- 15-3. **TÌM HIỂU KINH SÁM HỐI.** Thanh Căn, Huệ Khải, 2009, 2010, 2011.
- 16-2. **TÌM HIỂU NGỌC HOÀNG THIÊN TÔN BỬU CÁO.** Huệ Khải, 2009, 2010.
- 17-2. **THIỆN THƯ.** Lê Anh Minh, 2009, 2013.
- 18-2. **HƯƠNG QUẾ CHO ĐỜI.** Phạm Văn Liêm, 2009, 2012.
- 19-1. **XUÂN TRI ẮN.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2010.
- 20-2. **CÓ MỘT TÌNH THƯƠNG.** Bạch Liên Hoa, 2010, 2011.
- 21-2. **BA MÓN BÁU CỦA NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Thanh Căn, 2010, 2012.
- 22-2. **TAM GIÁO VIỆT NAM — TIẾN ĐẾN TƯ TƯỞNG MỞ ĐẠO CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2010, 2013.
- 23-2. **ƠN GỌI MIỀN TRUNG.** Phạm Văn Liêm, 2010, 2011.
- 24-4. **HÀNH TRANG NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI.** Diệu Nguyên, 2010 in hai lần, 2012, 2013.
- 25-3. **CẦU CHUYỆN ĐỨC TIN.** Diệu Nguyên, 2010, 2011, 2012.
- 26-1. **NGHỆ THUẬT THUYẾT TRÌNH GIẢNG ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010.
- 27-2. **HÀNH TRANG TIẾN BỒI CAO TRIỀU PHÁT.** Cao Bạch Liên & Huệ Khải, 2010, 2012.
- 28-2. **TRIẾT LÝ ĐẾN THÁNH CAO ĐÀI TÂY NINH.** Huệ Khải, 2010, 2012.
- 29-2. **DANH THẤY DANH ĐẠO.** Đơn Tâm, 2010, 2012.
- 30-2. **MỘT DÒNG BÁT NHÃ.** Huệ Khải, 2010, 2013.

- 31-2. **GIẢI MÃ TRUYỆN TÂY DU.** Huệ Khải, 2010, 2011.
- 32-1. **NGÀI MINH THIÊN - CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP.** Đại Cơ Huân, 2010.
- 33-2. **TINH HOA CAO ĐÀI GIÁO.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2010, 2012.
- 34-3. **THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Lê Anh Minh dịch và chú thích, 2010 in hai lần, 2012.
- 35-1. **XUÂN CHUNG TÂM.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2011.
- 36-1. **ĐẠI THỪA CHƠN GIÁO.** Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 37-2. **NÓI CHUYỆN CAO ĐÀI.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 38-3. **KINH SÁM HỐI MINH HỌA.** Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tranh 4 màu, 2011, 2012, 2014.
- 39-2. **TÌM HIỂU HAI BÀI TIÊN THIÊN KHÍ HÓA VÀ QUẾ HƯƠNG NỘI ĐIỆN.** Huệ Khải.
- 40-2. **SỬ MẠNG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ.** Đơn Tâm, 2011, 2012.
- 41-2. **TRÊN ĐƯỜNG THIÊN LÝ.** Phạm Văn Liêm, 2011, 2013.
- 42-2. **NHIP CẦU TƯƠNG TRI.** Huệ Khải, 2011, 2013.
- 43-2. **ĐIỂM TỰA TÂM LINH.** Huệ Khải, 2011, 2012.
- 44-2. **ĐỌC LẠI THẤT CHÂN NHÂN QUẢ.** Huệ Khải, 2011, 2013.
- 45-1. **NGƯỜI ĐẠO CAO ĐÀI LÀM QUEN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.** Huệ Khải, 2011.
- 46-1. **TIẾNG CHIM QUYỀN.** Phạm Văn Liêm (thơ), 2011.
- 47-1. **MỘT GÓC NHÌN VĂN HÓA CAO ĐÀI.** Huệ Khải, 2011.
- 48-2. **CON ĐƯỜNG HẠNH PHÚC.** Huệ Khải, 2011, 2013.
- 49-1. **KINH CÚNG TỬ THỜI.** Cao Đài Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, 2011.
- 50-1. **XUÂN HÒA ĐỒNG.** Hiệp tuyển thơ văn, nhiều người viết, 2012.
- 51-3. **CUỘC ĐỜI PHẬT THÍCH CA.** Ngô Bái Thiên, tranh 4 màu, 2012 in hai lần, 2013.
- 52-2. **TU CỨU CỨU HUYỀN THẤT TỔ.** Huệ Khải, 2012, 2013.
- 53-1. **CẤM ĐẠO CAO ĐÀI Ở TRUNG KỲ (1928-1950).** Huệ Khải, 2012.
- 54-2. **BẮC CẦU TÂM LINH.** Huệ Khải, 2012, 2013.
- 55-2. **HÒA ĐIỀU LIÊN TÔN.** Huệ Khải, 2012, 2013.
- 56-1. **ĐẠO LÝ HUYỀN CƠ.** Thiện Bảo, 2012.
- 57-1. **LƯỢC SỬ BÁT BỬU PHẬT ĐÀI.** Thiện Bảo, 2012.
- 58-1. **CAO ĐÀI KHÁI YẾU.** Đạt Đức, 2013.
- 59-1. **QUAN THÁNH XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2013.
- 60-1. **MỤC ĐÍCH & ĐƯỜNG LỐI CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO.** Đơn Tâm, 2013.
- 61-2. **GIỌT NGỌC KIM BÀN.** Thanh Căn, 2013, 2014.
- 62-1. **CUỘC ĐỜI ĐỨC KHỔNG TỬ.** Huệ Khải & Lê Anh Minh, truyện tranh, 2013.

63-1. **CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ PHỤC SINH.** Nhiều người viết, 2013.
 64-1. **ĐẠI ĐẠO VÀ TÔN GIÁO.** Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, 2013.
 65-1. **BÁT QUÁI ĐỒ THIÊN XƯA VÀ NAY.** Nhiều người viết, 2013.
 66-1. **THƠ NGƯỜI ÁO TRẮNG.** Nhiều người viết, 2013.
 67-1. **ƠN CỨU ĐỘ.** Diệu Nguyên, 2013.
 68-1. **TRUNG DU HÀNH ĐẠO.** Nhiều người viết, 2013.
 69-1. **DƯỚI MÁI ĐẠO VIỆN.** Huệ Khải, 2013.
 70-1. **CÔNG GIÁO & CAO ĐÀI HỘI NGỘ GIÁNG SINH.** Nhiều người viết, 2013.
 71-1. **HỒ BIỂU CHÁNH XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2014.
 72-1. **PETRUS KÝ XƯA VÀ NAY.** Huệ Khải, 2014.
 73-1. **TƯỜNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ.** Huệ Khải chủ biên, 2014.
 * **ĐẠI ĐẠO VĂN UYẾN 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7-8, 9.** Hiệp tuyển thơ văn, 2012, 2013, 2014.
Ghi chú: 73.1 tức là quyển 73, in lần thứ nhất. 24.4 tức là quyển 24, in lần thứ tư.

HIỆP THÔNG VÀ CẦU NGUYỆN

Trong quý Ba 2013 và quý Một 2014, *Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài* (Đà Nẵng) liên kết với *Nhà Xuất Bản Tôn Giáo* (Hà Nội) đã chính thức ra mắt hai quyển **SỐNG ĐẠO** (16x24cm; 136 trang, và 176 trang). Sách in trang nhũ, bài viết giá trị. Mỗi quý sẽ tiếp tục ấn hành nhiều ngàn bản để phổ thông chánh pháp Kỳ Ba.

Chương Trình Chung Tay Ấn Tổng Kinh Sách Đại Đạo vô cùng vui mừng, phấn khởi vì từ nay Đạo Nhà lại có thêm một phương tiện hoằng pháp lợi tha, góp phần phát huy văn hóa Cao Đài, văn hóa đạo đức dân tộc.

Xin quý đạo hữu cùng hiệp tâm kính thành cầu nguyện **SỐNG ĐẠO** mau chóng phát triển vững chắc.

BAN ẤN TỔNG

Liên hệ Sống Đạo: ĐH Bùi Ngọc Chinh ☎ **0912213277**.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ CHƯƠNG TRÌNH CHUNG TAY ẤN TỔNG KINH SÁCH ĐẠI ĐẠO

HUỆ KHẢI *chủ biên*

TƯỜNG NHỚ NHÂN TỬ NGUYỄN VĂN THỌ (1921-2014)

IN LẦN THỨ NHẤT

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN CÔNG OÁNH

Biên tập: LÊ HỒNG SƠN

Trình bày & Kỹ thuật: NGÔ BÁI THIÊN

Vẽ bìa: LÊ ANH HUY

Sửa bản in: LÊ ANH MINH, DIỆU NGUYỄN, CÁT TƯỜNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

☎ (04) 37822845 – Fax: (04) 37822841

In sáu ngàn (6.000) bản, khổ 14,5 20,5 cm, tại XN In FAHASA
774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, TpHCM.

☎ (08) 38153971 – Fax: (08) 38153297

Số xuất bản **444-2014/CXB/54-32/TG**, ngày 13-3-2014.

Mã số **ISBN: 978-604-61-1049-1**.

In xong và nộp lưu chiểu quý Một năm 2014.

SÁCH ẤN TỔNG (KHÔNG BÁN)

Tổng phát hành: Hiền huynh **TRẦN VĂN QUANG**
59/79 Trần Phú, phường 4, quận 5, TpHCM. ☎ 0913613653

73-1. Tưởng Nhớ Nhân Tử Nguyễn Văn Thọ, nhiều người viết:

Trang	Dòng	Đã in sai	Sửa lại
5	5	11- 12 -2014	11- 01 -2014
8	8	11- 12 -2014	11- 01 -2014
20	4↑	學而之不厭	學而不厭
26	9↑	Tôi không thể	Tôi không thể
48	8↑	Năm 199 6	Năm 199 5
104	9	lại nhớ đen lời	lại nhớ đen lời